

慧
覺
文
集



HUỆ KHẢI

ĐỌC LẠI THẬT CHÂN NHÂN QUẢ

NXB TÔN GIÁO

HUỆ KHẢI

ĐỌC LẠI
THẬT CHÂN
NHÂN QUẢ

TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

ĐỌC LẠI
THẤT CHÂN
NHÂN QUẢ

Quyển 44-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
Kỷ niệm năm năm ấn tống hoàng pháp (tháng 6-2008 / tháng 6-2013)

HUỆ KHẢI. Thê danh Lê Anh Dũng. Chào đời tại Chợ Mới, An Giang. Bút danh: Dũ Lan LÊ ANH DŨNG, NGHÊ DŨ LAN, LÊ KHANG THÌN... Chủ biên giai phẩm **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN** (Nxb Tôn Giáo, 2012, 2013, ấn tống mỗi quý).

ĐÃ IN TRONG CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO:
NHỚ ĐẠT LINH (chủ biên, 2008, 2009) • **TÌM HIẾU KINH SÁM HỐI** (viết chung với Thanh Căn, 2009, 2010, 2011) • **HÀNH TRẠNG TIẾN BỒI CAO TRIỆU PHÁT** (viết chung với Cao Bạch Liên, 2010, 2012) • **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ** (viết chung với Lê Anh Minh, 2013).

HUỆ KHẢI VĂN TẬP (ấn tống)

ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI (*Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2008, 2012) • **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism / La Cochinchine – le Préalable Juridique pour la Fondation du Caodaïsme*, 2008, 2010) • **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN** (*Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*, 2008, 2009, 2012) • **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI** (2008, 2010, 2012) • **LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI** (2008, 2010) • **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI** (2009, 2010, 2011) • **TÌM HIẾU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO** (2009, 2010) • **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2010, 2013) • **MỘT DÒNG BÁT NHÃ** (2010) • **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU** (1993, 1995, 2000, 2001, 2003, 2005, 2010, 2011) • **TÌM HIẾU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN** (2011, 2012) • **NHIP CẦU TƯƠNG TRI** (2011) • **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ** (2011, 2013) • **ĐIỂM TỰA TÂM LINH** (2011, 2012) • **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** (2011) • **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI** (2011) • **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC** (2011) • **TU CỨU CỨU HUYẾN THẤT TỔ** (2012, 2013) • **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ 1928-1950 / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950** (2012) • **BẮC CẦU TÂM LINH** (2012) • **HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN** (2012) • **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY** (1995, 2012)

Huệ Khải Lê Anh Dũng giữ bản quyền – All Rights Reserved © 2013

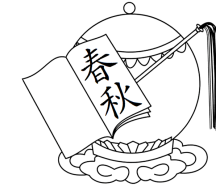
ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ

IN LẦN THỨ HAI

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**
Hà Nội – 2013



Quý môn sanh Chiêu Minh (Long Vân Đàn, Mỹ Tho):
Hiền tỷ **PHẠM THỊ KHA** công quả 15 triệu đồng,
Hiền tỷ **HUỲNH THỊ XUÂN** công quả 6 triệu đồng,
chung tay ấn tổng lần thứ hai gồm ba ngàn quyển.
Kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đẳng bị nạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do Chương Trình *Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **thánh thất Bàu Sen**, hoặc các điểm phát hành của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biếu).

Kinh sách được ấn tổng để kính biếu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt

chế của Quý vị.

Ban Ấn Tống

THẤT CHÂN NHÂN QUẢ 七真因果



Bích họa Vương Tổ Sư và Toàn Chân Thất Tử

Trích tranh vẽ trên tường của đạo quán Trường Xuân (thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc).

Hàng trên, từ trái sang phải: Tổ Sư Vương Trùng Dương, Khưu Xứ Cơ, Tôn Bất Nhị, Mã Ngọc, Đàm Xứ Đoan.

Hàng dưới, từ trái sang phải: Hác Đại Thông, Vương Xứ Nhất, Lưu Xứ Huyền.

Ảnh do Vladimir Menkov (người Nga) chụp ngày 11-9-2008.
Nguồn: wikipedia.org

MỤC LỤC

<i>Giao Cảm</i>	7
1 Hai Kẻ Ăn Xin Thôn Đại Ngụy	9
2 Ngược Dòng Thế Tục Xuôi Đường Phật Tiên	21
3 Thấy Vậ Mà Không Phải Vậ	31
4 Mắt Xanh Phụ Nữ Phi Phàm	43
5 Pháp Tài Lữ Địa	56
6 Đường Tu Có Vợ Có Chồng	67
7 Tuổi Trẻ Đầu Xanh Tim Xuân Trường Cửu	83
8 Những Người Bắc Cầu	101

Giao Cảm

Thất Chân Nhân Quả là một tiểu thuyết khuyết danh tác giả, gồm hai mươi chín hồi (tức chương), kể lại sự tích ông Vương Triết được hai vị tổ sư Chung Ly Quyên và Lữ Động Tân (trong nhóm Bát Tiên) truyền đạo tu Tiên. Sau khi đắc đạo, Vương Trùng Dương (tức Vương Triết) theo lệnh hai vị tôn sư hóa độ thêm bảy vị tông đồ (sáu nam, một nữ), gọi chung là *Toàn Chân Thất Tử*.

Trước đây, ở Việt Nam chỉ mới lưu hành bản dịch *Thất Chơn Nhơn Quả* (năm 1937) của tiền bối Lâm Xương Quang, một vị lão sư khả kính của đạo Minh Sư tại Quan Âm Phật Đường (tỉnh Tân An, nay là Long An).

Quý I năm 2011, Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo liên kết nhà xuất bản Tôn Giáo (Hà Nội) đã phát hành năm ngàn bản *Thất Chân Nhân Quả* (268 trang) do Lê Anh Minh dịch và chú thích,⁽¹⁾ căn cứ theo *Toàn Chân Thất Tử Toàn Thư*, bản in của Xuân Phong Văn Nghệ Xuất Bản Xã (Liêu Ninh, Trung Quốc, 1989).

Mặc dù không được liệt kê trong bộ *Đạo Tạng* rất đồ sộ của đạo Lão, tiểu thuyết *Thất Chân Nhân Quả* rất được hâm mộ. Cũng như *Tây Du Ký* của Ngô Thừa Ân (đời Minh), *Thất Chân Nhân Quả* có rất nhiều tình tiết hấp dẫn, sống động, nên thừa sức “mua vui” cho những ai cần một cốt chuyện ly kỳ để

⁽¹⁾ Quyển số 34 trong *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo*. Đã tái bản nhiều lần.

giải trí. Nhưng hơn thế nữa, *Thất Chân Nhân Quả* còn hàm chứa nhiều tư tưởng đạo học thượng thừa. Đó là lý do ở Trung Quốc và Việt Nam có rất nhiều người tu Phật, tu Tiên, và tu Cao Đài say mê thưởng thức.

Nhân cơ hội vừa có bản dịch mới của bào đệ Lê Anh Minh, tôi thử chia sẻ với quý bạn loạt bài **Đọc Lại Thất Chân Nhân Quả** từ góc nhìn vạn giáo nhất lý, dung hòa ngũ giáo (Nho, Thích, Lão, Cao Đài và Công Giáo).

Loạt tám bài *Đọc Lại Thất Chân Nhân Quả* được lần lượt giới thiệu hàng tháng trên nguyệt san Công Giáo Và Dân Tộc kể từ số 194, tháng 02-2011, và kết thúc với số 202, tháng 9-2011.

Giờ đây sách được hân hạnh ấn tống nhiều ngàn bản để chuyển đến đông đảo con cái Thầy Mẹ từ Nam ra Bắc, rải khắp nhiều tỉnh thành, quận huyện, xã ấp trong cả nước. Tôi vô cùng cảm kích và ghi nhớ mãi tấm lòng cao cả, quảng đại của biết bao vị Thiên ân chức sắc, chức việc, tín hữu, đạo tâm trong và ngoài đạo Cao Đài. Tôi xin kính lời tri ân tất cả quý vị Mạnh Thường Quân luôn luôn trọn tin cậy Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, nên liên tục trong nhiều năm qua vẫn thường xuyên đóng góp tài lực để nuôi dưỡng chương trình hoằng pháp Kỳ Ba này.

Con kính thành cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn lành đến toàn thể các ân nhân và cứu huyền thất tổ các ân nhân của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Bà Chiêu, mùa Hạ Quý Ty (2013)

HUỆ KHẢI

Chương 1

HAI KẸ ĂN XIN THÔN ĐẠI NGUY

1. Giả tướng và chân tướng

Mở đầu Hồi Thứ Nhất, Thất Chân Nhân Quả dẫn dắt chúng ta tới một nhân vật phụ là bà góa họ Vương, tuổi ngoài bốn mươi, sống ở thôn Đại Ngụy, huyện Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây, cuối đời Tống (960-1279). Bà siêng giúp tiền công quả cho các nhà sư và đạo sĩ, nhưng không chịu giúp kẻ nghèo khổ xin ăn.

Một hôm có hai người ăn xin bị bà Vương rẻ rúng, xua đuổi phũ phàng. Họ hỏi tại sao bà biết làm công quả bố thí mà lại nỡ đem lòng phân biệt bên trọng bên khinh. Bà đáp: “Ta bố thí chút tiền và gạo cho họ, sư sãi tụng kinh tiêu tai cho ta, đạo sĩ cầu thọ cho ta. Còn giúp đỡ cho mấy người, nào có ích chi đâu?” Hai người ăn xin nghe vậy bỏ đi (tr. 8-9).

Bà Vương không biết đó là hai vị Đại Tiên trong nhóm Bát Tiên giáng trần, ẩn mình dưới hình thức nghèo hèn, rách rưới. Bà Vương cũng giống như phần đông chúng ta, chỉ quen dùng cặp mắt thịt nên không nhìn thấy chân giá trị cao quý ẩn tàng sau lớp giả tướng hữu hình.

Đức Lão Tử bảo Thánh Nhân mặc áo vải thô mà lòng chứa ngọc.⁽¹⁾ Nhưng chúng ta trót quen từ khước nhiều người tốt vì chỉ biết lầm lẫn đánh giá họ qua dáng mạo bề ngoài tầm thường.

⁽¹⁾ Thị dĩ Thánh Nhân bị hạt hoài ngọc. 是以聖人被褐懷玉. (Đạo Đức Kinh, Chương 70)

Xưa nay, những người mộc mạc, quê mùa, xấu xí vẫn hay bị coi khinh, bị rẻ rúng hơn những kẻ có bề ngoài mỹ miều, sang trọng. Có lẽ vì thế mà để răn đời, cổ tích Á Đông thường kể những chuyện Phật Tiên giáng trần, giả làm người cùi hủi, hành hạnh khát rách rưới, hồi hám để thử lòng thế gian.

Trong kinh *Pháp Hoa* (phẩm 20) Đức Phật có nói tới vị Bồ Tát hiệu là *Thường Bất Khinh*. Gặp ai bất kỳ ngài cũng đều thành thật cung kính. Ngài luôn bảo: Tôi chẳng dám khinh thường quý vị, vì quý vị đều sẽ thành Phật.

Trái ngược với vị Bồ Tát ấy, chúng ta hay khinh thường kẻ khác. Chẳng những thế, chúng ta còn tự khinh thường bản thân ta nữa! Bởi tự khinh thường chính ta, mà không thấy rằng ta cũng là một đấng thiêng liêng tại thế gian, rằng trong ta có Trời, Phật, Chúa ngự trị, rằng ta sẽ nên Thánh nên Tiên... Bởi thường hay tự khinh rẻ mình nên ta để đuôi buông lung mà phạm lỗi, mắc tội.

2. Thấy tìm trò

Thất Chân Nhân Quả kể tiếp rằng hai người ăn xin rời chỗ bà Vương đi tới một nhà lầu cửa sơn đỏ. Chủ nhà là Vương Triết, chừng bốn mươi tuổi, từng đỗ đầu khoa thi võ, làm chức Hiếu Liêm, nên cũng gọi Vương Hiếu Liêm. Ông Vương cùng vợ và con gái đang ngồi quanh bếp lửa sưởi ấm, chợt nghe bên ngoài cửa có tiếng gọi lớn: “*Gia gia cầu giúp!*” Ông bèn ra xem, thấy hai người ăn xin mặc áo mỏng, đứng ngoài trời tuyết rơi lạnh buốt. Động lòng trắc ẩn, ông liền mời hai người ăn xin vào tạm trú trong gian nhà bỏ trống gần bên cửa, rồi sai tôi tớ dọn cơm cho họ ăn. (tr. 10-11)

Ở đoạn này, tác giả Thất Chân Nhân Quả đã cố ý viết câu văn nước đôi. Truyện viết rằng hai vị Đại Tiên giả dạng ăn xin đứng trước cửa Vương Triết kêu lớn: “*Gia gia cầu giúp!*”

(Gia gia cầu chu tể!)

Người Trung Hoa gọi tôn kính những người cao tuổi là *gia gia* 爺爺. Câu “*Gia gia cầu giúp*” nếu nói liền một mạch, có nghĩa ông Vương Triết cầu xin được giúp đỡ. Nhưng nếu ngắt câu sau chữ *gia gia*, tức là “*Gia gia! Cầu giúp!*”, lại có nghĩa hai vị khách không mời kêu xin ông Vương giúp đỡ.

Ông Vương tinh ý, nhận thấy tính nước đôi ấy nên khi mở cửa bước ra, liền hỏi hai ông ăn xin: “Cầu gia gia giúp, hay là gia gia cầu giúp?” (tr. 10)

Thật ra, hai vị Đại Tiên tìm đến là để cứu giúp ông Vương, dẫn dắt ông vào đạo, tu thành chánh quả sau này. Lẽ ra, ông Vương phải là người cầu xin hai vị Đại Tiên cứu giúp. Nhưng đâu có thể hé lộ cơ mầu khi còn quá sớm, nên hai vị Đại Tiên trả lời mơ hồ: “*Lời chẳng khá rõ. Nói rõ ắt ngờ lớn.*” (tr. 10)

Đến đây chúng ta nghiệm ra, mỗi người chúng ta sinh vào trần gian này ắt đều có một chơn sư vô hình luôn luôn chăm sóc chúng ta, tìm cơ hội dẫn dắt chúng ta bước vào đường đạo. Hễ đúng thời cơ, đúng ngày giờ thì chơn sư sẽ chủ động tìm tới học trò, bằng cách này hay cách khác.

Xưa kia Đại Tiên Chung Ly Quyền chủ động hóa độ cho ngài Lữ Động Tân giác ngộ đi tu. Rồi lại đến lượt Đại Tiên Lữ Động Tân cùng với thầy là Chung Ly Quyền chủ động đến tìm học trò của mình là Vương Triết.

Trong Nhị Kỳ Phổ Độ, đó cũng là cách Chúa tìm đến và chọn các Thánh tông đồ. Chẳng hạn, khi đến miền Galilê, Đức Giêsu gặp ông Philipphê và nói ngay: “*Anh hãy theo tôi.*” (Gioan 1:43).

Sang Tam Kỳ Phổ Độ, đó vẫn là cách Thượng Đế tìm đến và chọn các tông đồ mở đạo Cao Đài như các tiên bối Ngô Văn Chiêu, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang,

và Lê Văn Trung, v.v...

Kinh nghiệm của nhiều vị tu hành xưa nay cho thấy rằng, khi các Đấng thương yêu chọn chúng ta thì chúng ta “an toàn” hơn. Chúng ta bất túc bất xứng, lỗi lầm sai quấy, v.v... nhưng nhờ ơn cứu độ và đại xá của các Đấng, một khi được chọn thì chúng ta sẽ được nên trong ơn gọi. Trái lại, từng có không ít người tự mình mày mò đi tìm thầy, thay vì gặp được *minh sư* 明師 (thầy sáng) họ rui ro gặp nhầm *manh sư* 盲師 (thầy mù), khiến cho đường tu của họ sớm hồng bết từ khởi đầu!

3. Lợi nhỏ và lợi lớn

Hai người ăn xin tạm trú ở nhà Vương Hiếu Liêm hai ngày. Khi họ từ giã ra đi thì ông Vương mời nán lại để uống rượu. Ông Vương hỏi họ tên, biết hai người là *Kim Trọng* và *Vô Tâm Xương*. (tr. 12)

Lúc ấy, ông Vương vô tâm nên không suy ra được hai chữ *Kim Trọng* 金重 ghép lại thành chữ *Chung* 鍾, ám chỉ Chung Ly Quyền 鍾離權, tu Tiên đắc đạo đời nhà Hán. Còn *Vô Tâm Xương* 無心昌 nghĩa là chữ *Xương* 昌 không có ruột, tức là chữ *Lữ* 呂, ám chỉ Lữ Động Tân 呂洞賓, tu Tiên đắc đạo đời nhà Đường, là học trò ngài Chung Ly Quyền. Cả hai vị đều trong nhóm Bát Tiên.

Ông Vương ngộ ý muốn giúp hai người khách chút vốn liếng để kiếm sống qua ngày, khỏi phải xin ăn khó nhọc. Hai vị xua tay từ khước, nói rằng chỉ muốn sống đạm bạc nhàn nhã.

Đại Tiên Lữ Động Tân đọc bốn câu:

*Gà nhà no thóc chết kẻ bên
Hạc ốm ngoài đồng chẳng lụy phiền*

Chí hướng nhỏ nhen cầu lợi nhỏ

Thân này đâu được sống như Tiên. (tr. 12)

Qua bài thơ ngắn đó, Lữ Đại Tiên ngầm nhắc nhở ông Vương hãy biết sống khinh khoái, tiêu dao, bằng cách từ bỏ mọi lợi nhỏ (cuộc sống vật chất thế gian, luân hồi sanh tử) mà tìm cái lợi lớn hơn (cuộc sống tâm linh, tu hành giải thoát).

Lời Lữ Đại Tiên khuyên hãy bỏ mọi lợi nhỏ tạm bợ để tìm cái lợi lớn vĩnh hằng khiến chúng ta liên tưởng một trường hợp tương tự trong Kinh Thánh. Khi Chúa đang đi dọc theo biển hồ Galilê, thì thấy hai anh em ngư dân Anrê và Simon (cũng gọi Phêrô) đang quăng chài xuống biển lưới cá. Chúa bảo hai ông: *“Các anh hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người như lưới cá.”* (Matthêu 4:18-19)



Các anh hãy theo tôi.

Ngư dân sống nhờ thuyền và lưới, bởi đó là phương tiện giúp họ mưu sinh hàng ngày, nên cũng là tài sản họ yêu quý. Thế nhưng lời Chúa có thần lực nhiệm mầu, chỉ một câu ngắn ngủi vẫn đủ cho hai ông bừng tỉnh (giác ngộ). Lập tức, cả hai bỏ lưới bỏ thuyền lại để đi theo Chúa, rồi trở thành hai vị Thánh tông đồ, hiển vinh đời đời trên thế gian và trên Thiên Đàng. Đó là nhờ hai ông biết nghe Chúa mà bỏ lợi nhỏ (lưới cá) để tìm lợi lớn (lưới người).

4. Cây cầu

Hôm sau, hai người ăn xin cáo từ ra đi. Ông Vương đưa tiễn ra ngoài thôn, lòng quyến luyến chẳng muốn rời. Đưa tiễn thêm một đổi, thấy giữa đường có một cây cầu, ông ngạc nhiên vì nhớ thôn nhà xưa nay chẳng hề có cầu nào cả. Ngoái đầu thì không còn thấy thôn Đại Ngụy đâu hết. Hai người ăn xin đang ngồi ở đầu cầu. Ngài Lữ Động Tân gọi ông Vương bước lên cầu. Ngài Chung Ly Quyền vỗ tay hát... (tr. 13)

Đoạn văn này mang tính ẩn dụ (*metaphor*). Ẩn dụ về cây cầu và ẩn dụ về thôn Đại Ngụy.

Trên thế gian, cầu là phương tiện để đi từ bờ sông này sang qua bờ sông kia. Trong tôn giáo, cầu là ẩn dụ đi từ cõi này sang cõi khác. Ở Á Đông vẫn truyền tụng rằng khi con người chết đi, hồn của họ sẽ rời cõi người đi vào cõi âm phủ, và họ phải bước qua một chiếc cầu rất khó đi, tên chiếc cầu đó là Nại Hà 奈何, mà *nại hà* hàm nghĩa làm sao bước qua? Kinh Sám Hối của Minh Lý Đạo (và Cao Đài thừa kế) có bốn câu rằng:

*Cầu Nại Hà bắc giăng sông lớn
Tội nhờn qua, óc rờn rùng mình
Hụt chơn ván lại gập ghình
Nhào đầu xuống đó, cua kinh rửa thân.*

Nhưng cầu cũng hàm ngụ ý nghĩa đi từ cõi người (mê lầm) sang cõi Thánh (giác ngộ). Thế nên, trong *Tây Du Ký*, Hồi 98, Ngô Thừa Ân kể rằng trước khi đặt chân vào đất Phật, thầy Đường Tăng phải bước qua cây cầu độc mộc trên bến Lãng Vân. Đường Tăng nhát gan, thấy cầu cao ngất, lắt léo, khó đặt chân cho vững nên không dám bước qua, bắt chấp Tôn Ngộ Không giải thích phải bước qua cầu mới thành chánh quả.

Vậy cây cầu trong Thất Chân Nhân Quả cũng hàm ngụ ẩn dụ như trên, là đi từ cõi người mê lầm sang cõi Thánh giác ngộ. Thế nên Đại Tiên Lữ Động Tân mới ngồi trên cầu gọi ông Vương bước lên cầu, và khi ông Vương ngoái đầu nhìn lại thì không thấy thôn Đại Ngụy đâu hết.

Đây là chỗ chơi chữ của tác giả. Chữ *Nguy* 魏 (đọc là *wei*) tên thôn cũng dùng làm họ, làm tên một triều đại trong cổ sử Trung Quốc, đồng âm với chữ *Nguy* 偽 (cũng đọc là *wei*) nghĩa là lời nói mê sảng, là giả trá. Vậy, khi ông Vương nhìn thấy cầu, rồi ngoái cổ quay lui mà không còn thấy *Đại Ngụy* (rất giả trá, rất mê lầm) tức là hàm ý bỏ giả được chân, lìa phàm thấy Thánh.

4. Lên núi

Khi ông Vương lên cầu, Đại Tiên Lữ Động Tân lấy trong tay áo ra bình rượu nhỏ, rót một chén mời. Ông Vương uống luôn ba chén, say gục xuống mặt cầu. Lữ Đại Tiên chạy tới, kéo ông Vương dậy và nói: “Đừng ngủ! Đừng ngủ! Đi theo chúng ta xem cảnh lạ.” Ông Vương mơ màng đi theo Lữ Đại Tiên một hồi, thấy có ngọn núi cao vòi vọi chặn đường. Ông kinh sợ nói: “Núi cao làm sao lên được?!” Lữ Đại Tiên đáp: “Đi theo ta, thì tự lên trên được.” Quả nhiên, ông Vương bám theo Đại Tiên lên tới đỉnh núi dễ dàng, chẳng tốn sức chút nào. (tr. 15)

Lại là một ẩn dụ. Núi, chữ Hán là *Son* 山; ông Vương là người, tức *Nhân* 人. Ông Vương lên núi tức là ráp chữ *Nhân* với chữ *Son* thành chữ *Tiên* 仙. Ông Vương sợ lên núi không được, tức là không biết cách tu Tiên. Lữ Đại Tiên bảo “*Đi theo ta, thì tự lên trên được.*” Và quả nhiên ông Vương lên tới đỉnh dễ dàng, ngụ ý khi có chơn sư dẫn dắt, con người có thể tu thành Tiên không khó.

Trong *Tây Du Ký*, Hồi 98, khi muốn gặp Phật Tổ, thầy trò Đường Tăng cũng phải lên núi Linh Sơn. Trong thiên môn, nhiều bài thơ khi nói Linh Sơn là ngụ ý nhắc tới Phật.

Kinh Thánh cũng nói tới núi khá nhiều. Những sự kiện quan trọng trong Kinh Thánh đều diễn ra trên núi.

Môsê đã lên núi Xinaï để gặp Thiên Chúa và đón nhận lề luật. (*Xuất Hành*, 19)

Núi Xinaï cũng là núi Khô-rép. Tiên tri Êlia đã rông rã đi suốt bốn mươi ngày đêm để lên núi Khô-rép gặp được Chúa. (*Các Vua I*, 19)

Đức Giêsu đã một mình lên núi, thức suốt đêm cầu nguyện Thiên Chúa. (*Luca* 6:12)

Đức Giêsu đem theo các ông Phê-rô, Gioan và Giacô-bê lên núi Tabô cầu nguyện (*Luca* 9:28), và Chúa biến đổi hình dạng trước mặt ba vị. (*Matthêu* 17:1)

Núi là nơi Đức Giêsu dạy “*Bài Giảng Trên Núi*”. (*Matthêu* 5:1)

Đức Giêsu chịu đóng đinh trên núi Sọ. (*Maccô* 15,21-24)

Đức Giêsu từ giã các môn đệ để về trời trên một ngọn núi ở miền Galilê. (*Matthêu* 28:16)

Như vậy, trong tôn giáo, núi là nơi linh thiêng. Lên núi là tìm đến Thần Thánh, là tìm tới một đỉnh cao của tâm linh.

Thế nên, trong Tam Kỳ Phổ Độ có người suy nghĩ rằng khi nói tới Cao Đài, thì *đài cao* cũng là một hình tượng nhắc chúng ta liên tưởng tới một đỉnh núi cao.

5. Xuống núi

Ông Vương thấy trên đỉnh núi rất bằng phẳng, có một cái ao lớn, đầy nước trong veo. Trong nước trổ lên bảy đóa sen vàng, lớn như cái mâm, đẹp khác thường. Lữ Đại Tiên nhảy xuống ao, hái hết bảy đóa sen, lên bờ đưa tất cả cho ông Vương và nói: “Bảy đóa sen này có bảy người chủ: Khuru, Luru, Đàm, Mã, Hác, Vương, Tôn. Bảy người này cùng người có duyên phận thầy trò. Ngày sau các người sẽ gặp nhau.” (tr. 16)

Đoạn này nhằm hé lộ cho Vương Triết (1112-1170) biết tương lai. Ông tu Tiên đắc đạo, hiệu là Vương Trùng Dương, lập nên phái Toàn Chân. Bảy đại đệ tử được gọi là *Toàn Chân Thất Tử*, gồm có: Khuru Xứ Cơ (1148-1227), Luru Xứ Huyền (1147-1203), Đàm Xứ Đoan (1123-1185), Mã Ngọc (1123-1183), Hác Đại Thông (1149-1212), Vương Xứ Nhất (1142-1217), và Tôn Uyên Trinh (1119-1182, vợ của Mã Ngọc).

Đoạn cuối Hồi Thứ Nhất kể rằng ông Vương ôm bảy hoa sen vào lòng, từ giả hai vị Đại Tiên rồi xuống núi. Nhưng bỗng vướng dây cát đằng bên lối đi, ông rơi luôn xuống núi. (tr. 16)

Đây lại thêm một ẩn dụ. Sao không là loại dây leo nào khác hơn cát đằng?

Cát 葛 là dây sắn, rễ dùng làm thuốc gọi là *cát căn* 葛根, vỏ dùng dệt vải gọi là *cát bố* 葛布. Dây sắn mọc quấn quýt nhau, thế nên sự gì phức tạp, rối rắm thì gọi là *củ cát* 糾葛 hay *giao cát* 膠葛.

Đằng 藤 có người bảo là dây bìm, dây mây (?), mọc thành bụi, quấn quýt. Phàm, các giống thực vật mọc chằng chịt mà có tua xoắn lại đều gọi là *đằng*. Như *qua đằng* 瓜藤 là tua dưa.

Vì cát đằng mọc xoắn xít, rối rắm nên nghĩa bóng là phức tạp, nhiều khê. Thánh Nhân bảo rằng chúng sinh sa vào lưới tình ái thì cũng như kẻ vướng chân vào bụi cát đằng. Thời xưa, phụ nữ phải sống lệ thuộc vào chồng, thế nên thơ văn thường ví thân phận phụ nữ là cát đằng phải mọc bám vào thân cây khác để sống. Nguyễn Du viết:

Nghìn tâm nhờ bóng tùng quân

Tuyệt sương che chở cho thân cát đằng.⁽²⁾

Chép văn tắt rằng ông Vương xuống núi trót vướng bụi cát đằng mà té, Thất Chân Nhân Quả muốn cảnh báo một sự cố chung của mọi người tu hành, mọi bậc hướng đạo. Bởi xuống núi mà té nhào vốn là bi kịch của không ít người tu trong sử sách các tôn giáo xưa nay.

Thật vậy, trong đời sống tâm linh của người tu, lên núi là những giờ phút cầu nguyện, tham thiền, thông công cùng các Đấng thiêng liêng (Chúa, Phật, Thượng Đế...). Lên núi là để học đạo, tu tập, rèn luyện nội lực... Nhưng người tu còn phải xuống núi. Xuống núi để chu toàn nhiệm vụ trần gian, làm tròn sứ mệnh đem đạo vào đời.

Đọc các truyện Tàu của nhà xuất bản Tín Đức Thư Xã in ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc, chúng ta còn nhớ nhiều tích xưa kể rằng các vị học trò Tiên sau khi thành tài đều lãnh lệnh sư phụ xuống núi để làm bổn phận con dân, giúp dân giúp nước. Nhiều vị xuống núi (như Tôn Tẫn) còn được sư phụ (Quỷ Cốc

⁽²⁾ *Kiều*, câu 901-902.

Tiên Sinh) ban cho cầm nang (túi gấm) để phòng khi nào nguy cấp thì mở ra xem mưu kế thoát thân. Lắm vị xuống núi rồi còn phải tìm cách trở về núi hay cho người tâm phúc lên núi cầu cứu thầy (như Phàn Lê Huê là học trò Lê Sơn Thánh Mẫu). Cũng có không ít vị xuống núi rồi tiêu tan thân phận chỉ vì sa vào mê hồn trận của tình tiền, danh vọng (như Bàn Quyên là học trò Quỷ Cốc Tiên Sinh), v.v...

Đó là lý do nhiều vị sau khi lên núi (xuất thế), được đắm mình trong bầu khí thiêng liêng vô cùng thánh thiện, sung sướng quá chừng, không muốn xuống núi nữa (nhập thế). Bởi lẽ xuống núi thì nguy nan chớ chực, thử thách bao vây.

Ngại xuống núi có lẽ cũng là tâm lý của Thánh tông đồ Phêrô. Kinh Thánh chép rằng Đức Giêsu đem các ông Phêrô, Giacôbê và Gioan đi lên một ngọn núi cao. Rồi Chúa biến đổi hình dạng trước mắt các ông. Ba môn đệ thấy ông Êlia cùng ông Môsê hiện ra đàm đạo với Đức Giêsu. Bấy giờ, ông Phêrô thưa với Đức Giêsu: *“Thưa Thầy, chúng con ở đây, hay quá! Chúng con xin dựng ba cái lều: Thầy một cái, ông Môsê một cái, và ông Êlia một cái.”* (Maccô 9:2-5)

Nhưng đã làm con người lãnh sứ mạng đem đạo vào đời thì đâu có thể né tránh, sợ xuống núi. Dầu biết nguy khó vẫn phải xuống để giáp mặt thử thách, để lấy chính sinh mệnh của mình làm bài thi tuyển gắt gao mới được chấm đậu cho vào nước Trời hay Niết Bàn thượng giới. Thế nên Đức Giêsu lên núi cùng môn đồ rồi lại đưa môn đồ xuống núi. Sau rốt, Chúa xuống núi để thọ nạn trên núi Sọ mà đổ máu cứu chuộc cho con người...

Một khi lãnh hội được bài thi “xuống núi” của mọi người tu, chúng ta càng thấm thía lý do vì sao đề kết thúc Hồi Thứ Nhất, tác giả Thất Chân Nhân Quả buông hai câu thơ như một lời cảnh báo:



Chung Lữ Nhị Tố và Vương Trùng Dương

*Mạc thuyết thượng lai nguyên bất dị
Tu tri hạ khứ cánh vi nan.⁽³⁾*

Tức là:

*Đi lên chớ bảo gian nan
Bởi chung đi xuống vô vàn khó hơn
Xuống lên hai nẻo vuông tròn
Mới thành chánh quả cần khôn rạng ngời
Đường tu há dễ ai ơi!*

23-02-2011

⁽³⁾ 莫說上來原不易 / 須知下去更為難

Chương 2

NGƯỢC DÒNG THẾ TỤC XUÔI ĐƯỜNG PHẬT TIÊN

1. Thượng đức và hạ đức

Theo *Thất Chân Nhân Quả* (Hồi Thứ Hai), sau khi xuống núi bị té ngã vì vấp dây cát đằng, ông Vương tỉnh dậy, thấy mình đang nằm trong phòng riêng.

Vợ ông vào thăm, kể rằng người nhà phải đi tìm, thấy ông say rượu nằm bên cầu, họ bèn xách lên xe chở tuốt về nhà. Ông ngủ li bì một ngày một đêm mới tỉnh. Bà cần nhắc ông giao du phóng túng với kẻ xa lạ, không biết giữ gìn thân phận của người danh giá có chức tước triều đình ban thưởng.

Ông Vương cãi, bảo hai vị khách ấy là Thần Tiên nhưng bà khẳng khái đề quyết họ chỉ là phường bắt lương, quân lừa đảo. Nghĩ bụng không thể hơn thua lý lẽ với đàn bà được, ông Vương giả vờ khen vợ nói phải, để bà chịu bước ra ngoài, còn ông được yên ổn một mình.

Năm sau, nhớ lời hẹn của hai vị Đại Tiên, ông Vương quay lại chỗ cũ. Được hai Tổ Sư truyền đạo xong, ông trở về nhà, tâm hồn đổi khác, đầu óc như mái nghĩ chuyện đâu đâu. Vợ ông thấy vậy, ti tê khuyên nhủ:

“*Ông mấy lần xem thường thân thể mà đi ra ngoài, khiến tôi lo lắng, chỉ sợ hư phẩm hạnh, bị làng xóm chê cười. Ông chẳng nghe lời khuyên, như thế nào mới là tốt?*” (tr. 24)

Lý lẽ vợ ông Vương hoàn toàn đúng, nếu xét về phương diện đời thường với những quy ước luân lý thế tục. Còn cách cư xử của ông Vương nhìn bề ngoài (hiện tượng) thì rõ ràng ông không biết giữ gìn tư cách người có chút địa vị trong thôn xóm.

Tuy nhiên, xét về bản chất sự việc, xét về con đường tâm linh quý báu mà ông Vương vừa được dắt dẫn bước vào, thì ông chẳng hề sai quấy chút nào hết.

Chỗ trái khoáy này từng được nói tới trong *Đạo Đức Kinh* (Chương 38): “*Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức. Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức.*”⁽¹⁾

Đây là một trong những nghịch lý (*paradoxes*) tiêu biểu của Đức Lão Tử. Chúng ta tạm hiểu thoát ý rằng bậc đạo đức cao tột vì không tuân theo quy ước đạo đức thói tục nên có đạo đức tuyệt đối. Còn người tuân theo quy ước đạo đức tương đối của thói tục nên không có đạo đức thật sự.

Thời Chúa Giêsu, người Do Thái khinh rẻ dân Samari là dân tạp (không thuần chủng). Vậy mà Chúa Giêsu lại trò chuyện cởi mở với người phụ nữ Samari bên giếng nước ban trưa. Việc này có chép trong *Phúc Âm* theo Thánh Gioan (Chương 4).

Để có nước dùng trong ngày, phụ nữ trong làng thường rủ nhau ra giếng lấy nước vào lúc sáng sớm, trời còn mát mẻ, đỡ nhọc nhằn vất vả. Trái lại, người phụ nữ Samari Chúa trò chuyện lại ra giếng vào giờ Ngọ chang chang nắng. Chị ấy đi lẻ loi, cố ý lựa cái lúc vắng người, vì muốn tránh mặt lối xóm.

Sở dĩ chị làm vậy vì lý lịch của chị không được sạch, và chị bị phụ nữ trong làng xa lánh. Thánh Gioan chép rằng chị

⁽¹⁾ 上德不德, 是以有德. 下德不失德, 是以無德.

từng trải qua năm đời chồng, và khi gặp Chúa thì chị đang chung sống với một ông không phải là chồng! Rõ ra chị ấy sống buông thả, làm gương xấu cho chị em trong vùng.

Vậy mà Chúa không phân biệt đối xử với hạng người tai tiếng như chị. Khi Chúa ngỏ lời xin nước uống, chính chị cũng kinh ngạc, bèn hỏi: “Ông là người Do Thái, mà lại xin tôi, một phụ nữ Samari, cho ông nước uống sao?” (Gioan 4:8)

Các môn đồ khi vào thành mua thức ăn trở về, bắt gặp Thầy mình đang trò chuyện với người đàn bà Samari. “Các ông ngạc nhiên (...). Tuy thế, không ai dám hỏi: Thầy cần gì vậy? Hoặc: Thầy nói gì với chị ấy?” (Gioan 4:27)



Đức Giêsu và người đàn bà Samari



Đức Khổng Tử và nàng Nam Tử

Xét ra các môn đệ của Chúa tể nhị hơn học trò Đức Khổng Tử nhiều lắm. Vua Linh Công nước Vệ có người vợ là nàng Nam Tử rất đẹp, thuộc nòi lãng mạn, khét tiếng đa tình. Ở đây chúng ta dùng uyển ngữ (*euphemism*) để đỡ tổn thương người đẹp, chứ trong sách sử Trung Hoa như bộ *Đông Chu Liệt Quốc* dày cộm của Phùng Mộng Long (1574-1646), họ nói huych toẹt với lời lẽ nặng nề!

Khi Đức Khổng cùng nhóm học trò đi sang nước Vệ, biết

thầy có ý vào cung để chào nàng Nam Tử thể theo lời người đẹp mời, thì môn đệ hoảng hồn mất vía, một mực cản ngăn. Người rất quyết liệt là ông Tử Lộ, không muốn uy tín, danh tiếng của thầy bị sút mẻ vì mạo hiểm tiếp xúc với bà đệ nhất phu nhân có chồng là ông vua đồng tính. (Cho nên Vệ Linh Công biết tổng mọi chuyện lảng tránh của vợ mà vẫn vô tư, có khi còn quan tâm, chủ động tạo cơ hội giúp bà nữa.)

Nhưng Đức Khổng cứ đàng hoàng tới gặp mỹ nhân. Hai người trò chuyện cách nhau một bức màn. Trở về chỗ trọ, ngài cứ bị ông Tử Lộ bám theo điều tra xem thầy vô cung nói gì, làm gì, v.v...

Bực mình không chịu thấu, Đức Khổng đành phải chỉ tay lên trời thề (*Luận Ngữ*, Chương 6, câu 28):

“*Nếu thầy có làm điều gì sai quấy thì Trời bỏ thầy! Trời bỏ thầy!*”⁽²⁾

Trở lại chuyện Đức Chúa bên bờ giếng. Chúa là đáng thượng đức nếu nói theo ngôn ngữ Đức Lão Tử. Chúa không thêm noi theo lẽ thói thế tục Do Thái để có dịp giáo hóa cho chị đàn bà Samari. Đó cũng là quan điểm giáo dục của Đức Khổng Tử (*Luận Ngữ*, Chương 15, câu 39): “*Hữu giáo vô loại.*”⁽³⁾ Dạy người thì đừng thêm phân biệt họ là hạng người nào trong xã hội, đừng chăm chăm xét lý lịch ba đời của họ làm gì.

Ông Vương Triết cũng là bậc thượng đức, nên ông chịu giao du cởi mở với hai ông ăn mày, bắt chấp bề ngoài nghèo hèn, chỉ biết tới phẩm cách cao quý bên trong con người họ.

⁽²⁾ Tử kiến Nam Tử, Tử Lộ bất thuyết. Phu Tử thì chi viết: Dư sở phủ giả, Thiên yếm chi! Thiên yếm chi!

子見南子, 子路不說. 夫子矢之曰: 予所否者, 天厭之! 天厭之!

⁽³⁾ 有教無類

Nhờ vậy mà ông có được cơ hội làm học trò hai vị Đại Tiên, về sau ông tu đắc đạo, thành chánh quả, làm tổ sư một tông phái lẫy lừng là Toàn Chân Đạo.

2. Tu mau kẻo trễ

Nhắc lại chuyện ông Vương tìm thầy học đạo. Sau khi suy luận ra Kim Trọng tức là Chung Tổ, và Vô Tâm Xương chính là Lữ Tổ thì ông tiếc hùi hụi, tự trách: “*Ta nay thật vô duyên, gặp Tiên trước mặt mà để lỡ.*” Rồi không đành lòng được, ông gào lớn: “*Tiếc quá! Tiếc quá!*” (tr. 19)

Đọc tới đây chúng ta đừng nghĩ tác giả *Thất Chân Nhân Quả* vì muốn cường điệu mà dặm mắm thêm muối. Thật sự, chi tiết này ngụ ý người cầu đạo phải tha thiết khát khao. Bởi lẽ không khao khát thiết tha thì chẳng ai chịu mất công tìm thầy học đạo làm gì.

Đạo vốn nhân nhạt, đâu có nồng nàn cháy bỏng như nam nữ đang đắm đuối thương yêu. Thế nên, nếu con người đam mê học đạo như ham sắc dục, mê ái tình thì tu hành càng mau tiến bộ. Đức Khổng Tử bôn ba các nước để truyền đạo mà thấy bà con đa số làm lơ, ngài than thở (*Luận Ngữ*, Chương 15, câu 13):

“*Ta chưa thấy ai ham đạo đức như ham sắc vậy!*”⁽⁴⁾

Ông Vương lòng nôn nao, cứ trông cho mau tới ngày mừng ba tháng ba mà quay lại cây cầu, vì Lữ Tổ đã hẹn ước: “*Chỉ trong hai cái ba ... Dứt vạn duyên bên cầu.*” (tr. 16)

Vạn duyên 萬緣 tức là tất cả các nhân duyên khiến cho con người đau khổ và luân hồi trong vòng sanh tử. Tại Minh Lý Thánh Hội (Tam Tông Miếu), ngày 14-12-1974, Đức Bác

⁽⁴⁾ Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã. 吾未見好德如好色者也.

Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ diễn tả chỗ trùng trùng duyên khởi của kiếp người hệ lụy như sau:

*Có cái kia, cái này mới có
Do cái này, cái nọ mới sanh
Trong vòng lẩn quẩn loanh quanh
Bao giờ thoát khỏi tử sanh luân hồi.*

Thế nên, *bên cầu dứt vạn duyên* là lời hứa nặng ngàn cân của Lữ Tổ, xác định rằng sẽ giúp ông Vương thoát khỏi mọi ràng rịt của kiếp người để giải thoát trọn vẹn.

Dẫu nôn nóng đến mấy thì ông Vương cũng phải đợi qua mùa xuân năm sau mới đúng kỳ ước hẹn. *Thất Chân Nhân Quả* kể (tr. 20):

“Thời gian qua mau như tên bay, ngày tháng trôi qua như thoi đưa. Đông tàn rồi, xuân lại tới.

Có bài thơ rằng:

*Một năm khí tượng, một năm tân
Hoa cỏ tranh đua, lại một xuân
Em bé nhi đồng đều lớn cả
Xem qua lại thấy bạc đầu nhân.”*

Rất có thể phần đông người đọc sách dễ dàng lướt qua chi tiết nhỏ nhất này. Mấy câu thơ chẳng có gì xuất sắc mà dung không còn xen vô hai câu hơi kỳ kỳ:

*Em bé nhi đồng đều lớn cả
Xem qua lại thấy bạc đầu nhân.⁽⁵⁾*

Người xưa viết sách cốt để truyền đạo chứ nào phải mong thỏa mãn cái thú văn chương. Vậy, chúng ta nên đọc những

⁽⁵⁾ Thiếu tiểu nhi đồng giai trưởng đại / Khán khán hựu thị bạch đầu nhân. 少小兒童皆長大/看看又是白頭人。

bài thơ trong *Thất Chân Nhân Quả* theo tinh thần của Trang Tử (365-290 trước Công Nguyên):

“Có lời vì ý, được ý quên lời.”⁽⁶⁾

Khi nói chuyện cầu đạo tìm tu, người xưa luôn luôn khuyên chúng ta nhớ rằng thời gian vô tình chẳng chờ ai đợi ai. Con người già đi rất nhanh, sức khỏe tàn đi rất chóng, trí óc minh mẫn cũng theo đó mà cùn lụt thật lẹ.

Chẳng ai lường trước mình được sống khỏe mạnh bao lâu trong lúc tu hành là đường dài thiên lý. Phải có sức khỏe đủ đầy và tâm trí sáng suốt để học đạo, thực hành các pháp môn. Còn trẻ, đủ sức khỏe, thời gian dồi dào mà không tu; đợi đến lúc già yếu, quên trước quên sau, quý thời gian vẫn vôi mới mon men, tấp tễnh bước vào đường đạo thì nguy quá!

Bốn câu thơ nói trên bề ngoài tưởng rằng xoàng xoàng nhưng chính là lời tâm huyết nhắn nhủ chúng ta sớm biết lo tu, tu mau kéo trễ kiếp người. Đừng hẹn rằng để chờ thu xếp xong việc này việc nọ, rảnh rang rồi sẽ lo tu.

Qua Hồi Thứ Tư, *Thất Chân Nhân Quả* lại có thêm bài thơ nhắc nhở chúng ta đừng chậm trễ bước đường tu (tr. 35):

*Ngày tháng trôi nhanh chẳng đợi đâu
Về đông nước chảy đã bao lâu
Chẳng tin cứ thử soi màu tóc
Xưa mặt tươi non, nay bạc đầu.*

*

⁽⁶⁾ Ngôn giả sở dĩ tại ý, đắc ý nhi vong ngôn. 言者所以在意,得意而忘言. (*Nam Hoa Kinh*, Chương 26: *Ngoại Vật*)

Tu mau kéo trẻ cũng là một chủ đề quen thuộc đối với đông đảo tín đồ một số tôn giáo ở miền Nam nước ta lâu nay. Trong dân gian nhiều người thường gắn liền lời khuyên này với đức tin về Hội Long Hoa, về tận thế, về Phật Vương Di Lạc ra đời tái tạo thế gian thành thiên đàng cực lạc, nhân loại sống hạnh phúc trong cảnh đất Thuần trời Nghiêu... Đó là một thời hoàng kim (*golden age, millennium*) đích thực.

Mấy mươi năm trước kia tại vùng Sài Gòn, Gia Định có một bậc chân tu vì lòng từ bi lân mẫn, ngài đã khuyên bá tánh thức tỉnh bằng những vần thơ đạo lý giản dị mà rất hay như sau:

*Tu mau kéo trẻ người ơi!
Trần gian sụp đổ tới nơi đây rồi.
Công danh phú quý cuộc đời,
Là tuồng ảo ảnh giấc mơ mau tàn.
Tiền tiền, bạc bạc, vàng vàng,
Càng thu cho lắm, lại càng khổ thân.
Rồi khi tách biệt dương trần,
Hai bàn tay trắng giữ phần nào đâu.
Sao bằng thức tỉnh tu mau,
Kịp kỳ Long [Hoa] Hội, cùng nhau thanh nhàn.
Mau mau nhẹ bước xuống hoàn,
Đò chiều chuyển chót, rước toàn chơn tu...*

Bài thơ khuyên tu của bậc đạt đạo khả kính ấy được phổ biến trong hoàn cảnh chiến tranh lan tràn khốc liệt, thiên tai hoành hành nơi này nơi kia trên thế giới, mạng người mỏng dòn như vỏ trứng... Nghĩ rằng sắp tận thế thật rồi, một số người sợ hãi, bèn sắm bàn thờ để hàng ngày tu hành rất nghiêm túc.

Tu được một thời gian, thấy chiến tranh ngớt đi, thiên tai

lắng xuống, cuộc sống vẫn muôn hồng ngàn tía quá đổi hấp dẫn, bà con không khỏi mừng rơn là tận thế chưa tới, bèn bỏ tu vì thấy chưa trẻ, hãy còn sớm chán!

Cho nên, khi nghe tu mau kéo trẻ thì cần hiểu theo chánh tín là tu mau kéo trẻ một kiếp người. Thánh hiền Trung Hoa ngày xưa cảm thán: Khó khăn lắm mới được làm con người. *Vi nhân nan đắc!*⁽⁷⁾

Ông Darwin (1809-1882) chần chừ ủng hộ điều này vì theo ông, kể từ lúc bỏ được bộ lông con khỉ để mang lấy làn da mịn màng óng chuốt, cuộc tiến hóa làm “*cây sậy biết suy nghĩ*”⁽⁸⁾ phải trải qua biết bao nghìn năm đằng đẵng!

Hiểu như vậy, ngày nay đọc Thất Chân Nhân Quả, chúng ta nên biết ơn tác giả ẩn danh, vì mới mở đầu Hồi Thứ Hai, ông đã từ bi buông xuống bốn câu thơ, mà hai câu cuối nhằm nhắc nhở chúng ta ghi nhớ:

*Thử thân bất hướng kim sinh độ
Cánh hướng hà thời độ thử thân.⁽⁹⁾
(Kiếp này không độ thân này được
Thân đời kiếp nào mới độ yên.)*

23-3-2011

⁽⁷⁾ 爲人難得.

⁽⁸⁾ Lời nói của Blaise Pascal (1623-1662), nhà toán học, vật lý học, triết học người Pháp.

⁽⁹⁾ 此身不向今生度/更向何時度此身.

Chương 3

THẤY VẬY MÀ KHÔNG PHẢI VẬY

1. Bên cấu truyền đạo

Hồi Thứ Hai, Thất Chân Nhân Quả kể rằng đúng ngày hẹn ước mừng ba tháng ba, ông Vương Triết rời nhà tìm đến bên cầu, chờ một lúc thì hai vị Chung Ly Quyền và Lữ Động Tân hiện ra. Đức Lữ Tổ trước hết giảng cho ông về ý nghĩa huyền diệu của hai chữ Toàn Chân: “*Không giả dối một chút nào, tức là chân đạo. Chân đạo thì hành rộng khắp, nên gọi là Toàn Chân.*” (tr. 23)

Toàn Chân sau này trở thành tên gọi một môn phái tu Tiên danh tiếng của đạo Lão Trung Quốc, do Tổ Sư Vương Trùng Dương (Vương Triết) sáng lập.

Kể đến, Đức Lữ Tổ truyền cho ông Vương phương pháp tu tiên theo đạo Lão, gồm các kỹ thuật như: *luyện kỹ trúc cơ, an lô lập đỉnh, thái được, hoàn đan, hỏa hầu, trầu thêm*. Sau cùng hai vị Tổ hóa thành hào quang bay mất, ông Vương cung kính lạy tạ ơn. (tr. 23)

Ở đây Thất Chân Nhân Quả nói quá vắn tắt việc truyền phép tu Tiên cho ông Vương. Tác giả lại còn kể ra các kỹ thuật tu luyện không theo đúng thứ tự. Chúng ta hiểu rằng tác giả không muốn khinh suất tiết lộ bí quyết pháp môn, cho nên đã cố ý xáo trộn trình tự luyện đạo.

An lô lập đỉnh. Bài học đầu tiên của hành giả tu tiên là điều thân và điều tức.

Ông Vương chân ướt chân ráo bước vào ngưỡng cửa tu tiên, đầu tiên ông phải tập ngồi xếp bằng sao cho yên ổn, vững vàng (*điều thân*). Ngồi chừng nửa giờ trở lên mà lưng, cổ, và đầu vẫn thẳng như cây cột, không tê nhức hai chân, không thấy ngứa ngáy trong da thịt, không cự quậy, không ngủ gục, tư thế vẫn vững vàng như pho tượng bất động – điều này nói nghe đơn giản nhưng thực hành lại chẳng dễ dàng. Ngoài việc luyện tập lâu ngày cho quen, còn tùy thuộc vào cách thở cho nhẹ nhàng, điều hòa (*điều tức*), và còn tùy thuộc vào tâm ý phẳng lặng, không nghĩ nhớ lung tung. Ngồi được vững vàng như thế gọi là *an lô lập đỉnh* (đặt lò, để bếp).

Luyện kỹ trúc cơ là sửa mình đắp nền.

Cát nhà càng to càng cao thì nền càng phải dày phải chắc. Đó là *trúc cơ*. Người tu tiên là để thánh hóa mình không còn tánh tình phàm phu tục tử.

Sở dĩ thánh hóa bản thân thất bại vì mình còn bản ngã (hữu ngã, vị kỷ), còn cái tôi (tư tâm), thế nên thất tình lục dục mới cấu kết nhau để chi phối lòng mình, bắt mình phải ham muốn hơn thua, ghét ganh thù oán, được thì mừng vui, mất thì rầu rĩ. Bởi vậy suốt con đường tu phải luôn *luyện kỹ* để được vô dục (hết ham muốn), vô cầu (hết mong được này được nọ), vô ngã (không còn cái tôi), vô cố (không cố chấp), vô úy (không sợ hãi), v.v...

Phúc Âm theo Thánh Maccô (1:13) chép rằng Đức Giêsu chịu cám dỗ trong sa mạc: “*Người ở trong hoang địa bốn mươi ngày, chịu Xatan cám dỗ...*”

Người tu tiên hiểu đó là một quá trình luyện kỹ. Đức Giêsu thắng được sự cám dỗ của Xatan tức là Người luyện kỹ thành công.

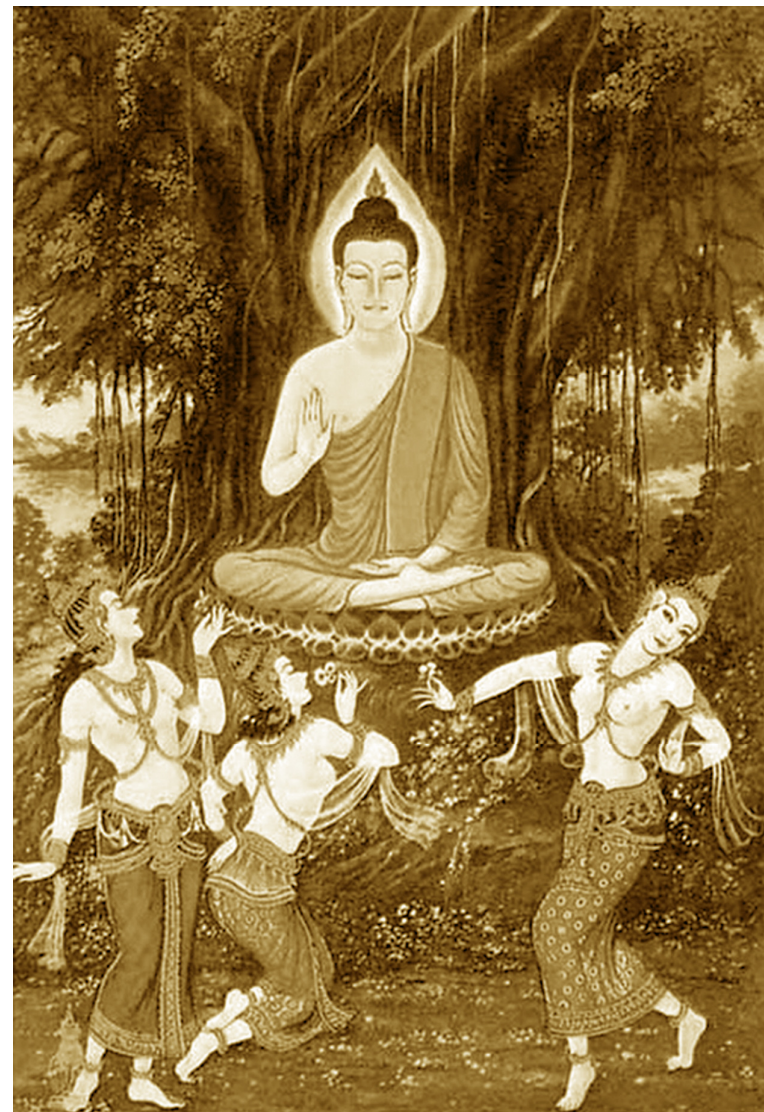


Xatan cám dỗ Đức Giêsu trong sa mạc

Vào cái đêm trước khi thành Phật dưới cội cây bồ đề, tu sĩ Cồ Đàm (*Gautama*) còn phải chịu thử thách trước một màn múa gợi cảm do ba cô con gái tuyệt đẹp của ma vương Ba Tuần trình diễn. Đó cũng là cám dỗ, và hành giả Cồ Đàm đã vượt qua.

Theo *Kinh Trường Thọ III*, ba cô gái kể lại việc này với cha là Ba Tuần như sau:

Ngày trước, dưới gốc cây bồ đề, ba đưa chúng con xinh đẹp nhưt hạng, vậy mà bày trăm cách ngàn kiểu kêu gọi dục tình, bỏ tất Cồ Đàm đều không chút đắm nhiễm, ngài xem chúng con như ba mụ già xấu xí...



Ba cô con gái ma vương cám dỗ Đức Cồ Đàm

Đức Lữ Tổ ở bên cầu truyền dạy ông Vương phương pháp luyện kỹ, mà đây cũng là con đường Lữ Tổ từng trải qua.

Thuở mới đi tu, ngài Lữ được thầy là Chung Tổ bày ra đủ cách thử thách. Truyện *Đông Du Bát Tiên* chép rõ mười cảnh ảo do Đức Chung Tổ hóa ra để làm đề thi luyện kỹ thử thách học trò. Lược kể tám đề thi trong số đó như sau:

- Ngài Lữ thấy toàn gia quyến bị bệnh dịch chết hết mà không hề oán trời trách đất.

- Bị người mua gian bán lận mà không buồn giận.

- Cho tiền kẻ xin ăn, bị họ chê ít và mắng nhiếc mà vẫn tươi cười.

- Gặp gái trẻ đẹp là loi, rù quên mà không động lòng dâm.

- Bị trộm ăn cắp hết của; rồi cuốc đất gặp vàng ròng mà thân nhiên không thêm nhặt.

- Mua đồ đồng, người bán đưa lộn vàng thật, liền đem trả lại.

- Bị nạn lụt lớn mà không kinh hãi.

- Không chịu học phép chỉ đá hóa vàng, vì biết sau này vàng ấy sẽ trở lại thành đá, làm tổn hại người xài vàng giả.

Những thử thách kể trên, đặc biệt là thử thách đầu tiên (thấy toàn gia quyến bị bệnh dịch chết hết mà không hề oán trời trách đất) khiến chúng ta nhớ *Cựu Ước* chép chuyện ông Gióp ở đất Út là người vẹn toàn và ngay thẳng, kính sợ Thiên Chúa và lánh xa điều ác. Xatan nói với Đức Chúa:

“Ngài cứ thử giơ tay đánh vào mọi tài sản của nó xem, chắc chắn là nó nguyện rửa Ngài trắng mặt!” (Gióp 1:11)

Được Thiên Chúa cho phép, Xatan bèn ra tay thử thách ông Gióp. Trong một ngày, ông liên tiếp nghe bốn tin dữ:

- Dân Sova cướp hết bò và lừa, người làm của ông bị giết.
- Chiên và dê cùng một số người làm bị chết cháy.
- Người Candê cướp lạc đà, giết người làm của ông.
- Con trai và con gái ông đang ăn tiệc thì nhà sập đè họ chết.

Trước bốn việc dữ xảy đến dồn dập, ông Gióp vẫn không một lời trách móc, không hề phạm lỗi với Thiên Chúa.

Xưa nay muốn nên Thánh, Tiên, Phật, không vị nào mà không luyện kỹ. Thế nhưng kinh sách có câu: Luyện đan (tu tiên) rất dễ, luyện kỹ khó nhất.⁽¹⁾

Đức Khổng Tử đã luyện kỹ thành công. Môn đệ chép trong *Luận Ngữ (Tư Hãn)* câu này:

Đức Khổng Tử đã dứt hết bốn điều: Không có tình ý riêng tư, không bị ngoại vật chi phối, không cố chấp, không còn cái tôi nhỏ hẹp.⁽²⁾

Nhưng Đức Khổng luyện kỹ mất bao nhiêu lâu mới thành công như thế? *Luận Ngữ (Vi Chính)* chép lời Ngài tự thuật:

“Thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du củ.”⁽³⁾

Du củ là vượt qua khỏi phép tắc. Vậy, đến bảy mươi tuổi thì Đức Khổng mới có thể chịu theo lòng Ngài ước muốn mà vẫn không bị sai lầm.

Ngày nay, trong pháp môn tu tiên của đạo Cao Đài (phái Chiếu Minh) thì luyện kỹ trúc cơ (sửa mình đắp nền) là bước thứ đầu tiên trong chín bước tu tập:

⁽¹⁾ Luyện đan tối dị, luyện kỹ tối nan. 鍊丹最易, 鍊己最難.

⁽²⁾ Tử tuyệt tứ: Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã. 子絕四: 毋意, 毋必, 毋固, 毋我.

⁽³⁾ 七十而從心所欲, 不踰矩.

Sơ nhứt chuyển lo tròn luyện kỹ
Xây đắp nền thần khí giao thông
Diệt trừ phiền não lòng không
Thất tình lục dục tận vong, đờn thành.⁽⁴⁾

2. Xây thành La Mã

Thành La Mã không thể xây trong một ngày. Pháp môn phải lần lượt đi từng bước, luyện xong phần này mới được học tiếp phần sau. Không thể nào trong một buổi sáng bên cầu mà Tổ Sư lại trao nguyên một gói đủ thứ như thế, bắt kẻ thứ tự trước sau và trình độ tu tiến của học trò. Những kỹ thuật hành thiền như *thái được*, *hoàn đan*, *hỏa hấu*, *trừu thiêm* không thể nào dạy cho người mới bước vào đường thiền như ông Vương. Bởi vì:

Thái được (hái thuốc) là dùng ý dẫn hơi thở (khí) vào Đan Điền nằm dưới rún.

Hoàn đan là nói tắt của *Kim dịch hoàn đan*. Vì phổi thuộc về Kim trong ngũ hành nên gọi nước dịch trong phổi là Kim dịch. Hoàn đan là đưa nước dịch ở phổi về Đan Điền.

Hỏa hấu tức là lửa trong lúc vận công hành thiền, có hai loại là *lửa vãn* và *lửa võ*. Khi hít thở mạnh mẽ gọi là lửa võ, tức là nổi lửa cho lớn. Khi hít thở nhẹ nhàng gọi là lửa vãn, tức là để lửa cháy riu riu. Đạo Lão dùng hình tượng lửa trong phép tu, nên cũng hay nói tới bếp, tới lò (như *an lô lập đỉnh*), bếp lò này đặt ở Đan Điền nằm dưới rún, và việc tu thiền được ví von là luyện đờn nấu thuốc.

⁽⁴⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 01-9 Bính Tý (1936), bài “Nền Tảng Cao Đài Đại Đạo”.



Hành giả đặt lò nấu thuốc ở Đan Điền

Trừu thiêm là nói tắt của *trừu diên thiêm hồng* (bớt chì thêm thủy ngân). Diên và hồng nghĩa đen là chì và thủy ngân. Chúng ám chỉ tinh và thần con người. Hơi thở con người là khí. Đạo Lão xem tinh, khí, thần là ba món báu (tam bảo) giúp người luyện đạo thành Tiên. Thế nên không dám dục để giữ tinh, không lo lắng sợ hãi để giữ thần. Phép hành thiền phải lấy hơi thở (khí) vận chuyển trong cơ thể. Khi ngồi thiền mà thân thể không làm khí xáo trộn thì gọi là *trừu*; và tâm không xao động làm cho thần được an trụ thì gọi là *thiêm*.

Phép tu thiền đạo Lão hay dùng chữ tượng trưng, mượn đông nói tây, lấy tên gọi món này để ám chỉ món khác. Thế nên, người tu thiền theo đạo Lão không thể học mọt, học lóm,

vì chữ nghĩa sẽ làm đầu óc rối tung, hiểu sai vấn đề. Mà chủ ý của người xưa là vậy, muốn giấu giếm bí mật pháp môn. Dù các đạo sĩ có viết rất nhiều sách truyền lại, người ta cũng không thể tự học theo sách mà thành công. Phải có thầy đã đắc đạo (minh sư) hướng dẫn.

Hành giả đạo Lão khi tịnh luyện ắt phải theo đúng phương châm của Đức Lão Tử:

*Cây to một ôm sinh ra từ gốc nhỏ xú.
Đài cao chín tầng phát khởi từ mô đất.
Cuộc viễn hành ngàn dặm bắt đầu từ dưới chân.*⁽⁵⁾

Cho nên chắc chắn ông Vương được truyền phép tu Tiên lần lượt mỗi lần một ít. Giống như em bé muốn học toán trừ phải làm xong toán cộng, muốn tập toán chia thì phải rành rọt toán nhân.

Quá trình để ông Vương cất được đài cao chín tầng hay đi xa ngàn dặm theo Thất Chân Nhân Quả phải cần tổng cộng “mười hai năm” (Hồi Thứ Ba, tr. 27). Trong mười hai năm đó, hai vị Tổ Sư ắt nhiều lần đến dạy đạo thêm cho ông, tùy theo mức tiến bộ của ông. Không thể nào giảng suông một buổi lý thuyết bên câu rồi thầy trò chia tay mà ông Vương có thể tu luôn một lèo để thành chánh quả.

Ngày nay, đạo Cao Đài truyền pháp môn tu tịnh (luyện đơn nấu thuốc) cũng không khác:

“Luyện đơn nấu thuốc không phải một ngày một buổi chi mà thành, phải tận tâm trì chí cứ lo tu gom thần nhập định, bảo tinh, dưỡng khí, tồn thần, lâu ngày tự kết lại thành nhi

⁽⁵⁾ Hợp bão chi mộc, sinh ư hào mạt. Cửu tầng chi đài, khởi ư lũy thổ. Thiên lý chi hành thủy ư túc hạ. 合抱之木, 生於毫末. 九層之臺, 起於累土. 千里之行, 始於足下. (Đạo Đức Kinh, Chương 64)

xác thân, nhưng phải luyện cho đủ đầy ngày tháng, chớ đừng nóng nảy.”⁽⁶⁾

3. Diễn kịch một mình

Được truyền phép tu Tiên xong, ông Vương lạy tạ ơn hai Tổ Sư rồi trở về. Vô tới trong nhà, ông bèn rút lui ngay vào thư phòng lo ôn lại phương pháp tu luyện mới được truyền dạy.

Vợ ông lẳng xẵng bước tới hỏi han, thấy ông chẳng nói chẳng rằng, dáng vẻ như suy nghĩ điều gì dữ lắm, bà cần nhằn: “Ông mấy lần xem thường thân thể mà đi ra ngoài, khiến tôi lo lắng, chỉ sợ hư phẩm hạnh, bị làng xóm chê cười. Ông chẳng nghe lời khuyên, như thế nào mới là tốt?” (tr. 24)

Ông Vương suy gẫm, thấy cứ để vợ quấy rầy như vậy thì đầu được yên thân rảnh trí mà tập trung tu luyện cho thành chánh quả. Cho nên trước tiên phải tính kế dứt tuyệt duyên trần, tự giải thoát khỏi những ràng buộc gia đình.

Cuối Hồi Thứ Hai và đầu Hồi Thứ Ba kể khá tỉ mỉ cách ông Vương diễn kịch. Và ông rất có khiếu nên diễn rất đạt.

Thoạt tiên, ông giả bộ trúng gió á khẩu. Nhạc thấy ai xấp tới gần thì ông làm ra vẻ ngây dại, miệng ú ớ. Ông không trở vào phòng trong với vợ nữa, cứ nằm hoài ở thư phòng (tránh chuyện sex). Hễ thấy bà tới thăm, hỏi han, thì ông cứ ú a ú ớ, la hét, lắc đầu hoài.

Vợ ông mời thầy thuốc bắt mạch thì không tìm ra bệnh, vì ông nào có bệnh. Thầy thuốc bèn kê đại một toa vô thường vô phạt rồi lãnh tiền ra về. Thuốc đem tới, ông lén đổ đi.

Vợ ông cho người nhà đi mời vài bạn thân của ông đến,

⁽⁶⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 01-9 Bính Tý (1936), bài “Nền Tầng Cao Đài Đại Đạo”.

không giúp được gì. Họ chán, rồi cũng như mấy người bà con, tất cả đều xa lánh. Vợ ông sau cùng đành phớt mặc ông cho cô người làm. Từ đó ông Vương trở thành số không trong nhà và trong xóm. Ông cắt đứt hết mọi quan hệ gia đình, xã hội, không còn bận bịu những giao tế, thù tạc vãng lai phù phiếm. Ông hoàn toàn yên thân, tu thiền ráo riết mười hai năm thì thành chánh quả.

Ngày nay, người tu thiền theo Cao Đài cũng được dạy phải biết dứt bỏ những ràng buộc không cần thiết để dốc hết thời gian và tâm lực vào việc tu luyện. Đức Cao Đài Tiên Ông khuyên môn đệ:

*Trái oan con gỡ cho xuôi
Nhơn tình qua lại tới lui bớt lần
Một mình ẩn dạng tu thân
Ngồi thiền định tưởng xuất thân cho quen.⁽⁷⁾*

Câu kinh “*Một mình ẩn dạng tu thân*” diễn tả đúng cách ông Vương Triết lánh vợ con, lìa chòm xóm, xa bạn bè thế tục. Ông trốn hết tất cả mà vẫn ở gần bên họ, chẳng cần phải vào rừng núi hẻo lánh xa xôi. Hàng ngày không ra khỏi nhà mà ông vẫn đạt được diệu lý thâm sâu của bốn chữ *ly gia cát ái*⁽⁸⁾ (bỏ nhà và cắt đứt tình ái) như các kinh dạy tu thiền khuyên bảo. Trong lúc ấy, có lắm người quyết chí vào nơi thâm sơn cùng cốc để ngồi tu lẻ loi, nhưng vẫn nhớ nhung vợ con, bạn bè, luyện tiếc thú vui trần thế. Thân họ ly gia mà lòng họ tại gia!

Thông thường, trên đời này chẳng ai muốn mình trở nên một hình ảnh thảm hại, đáng thương trước con mắt kẻ khác.

⁽⁷⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 01-10 Bính Tý (1936), bài “*Tâm Tu Chơn Đạo*”.

⁽⁸⁾ 离家割爱

Hễ bị chê là khờ khạo, ngây ngô, khùng điên... thì ta ắt dễ nổi giận vì thấy bị xúc phạm nặng nề.

Trái lại, những người ần tu như ông Vương vui lòng tự khoác cho mình một bề ngoài thấp kém, thua thiệt trong con mắt thế gian, miễn sao mình đạt được mục đích tối hậu là đắc đạo. *Đạo Đức Kinh* (chương 12) chép rằng Thánh Nhân *bất vị mục*⁽⁹⁾ (không để ý tới con mắt) có ần ý như thế, và bảo rằng Thánh Nhân *khứ bỉ thủ thử*⁽¹⁰⁾ (bỏ cái kia giữ cái này) cũng hàm ngụ lý lẽ kín nhiệm đó.

Ta thường nghe thiên hạ bảo: *Thấy vậy mà không phải vậy*. Câu này nào ngờ rất đúng với những bậc chân tu đi tìm con đường giải thoát khỏi hệ lụy kiếp người. Chúng ta đâu biết rằng các vị ấy đang “*diễn*”, đúng như “*kịch bản*” chép trong kinh *Đại Thừa Chơn Giáo*:

*Làm như đốt nát đại khờ
Dừng cho kẻ thế rằng ngờ mình tu!⁽¹¹⁾*

25-4-2011

⁽⁹⁾ 不爲目

⁽¹⁰⁾ 去彼取此

⁽¹¹⁾ Đàn ngày 01-9 Bính Tý (1936), bài “*Tôn Chỉ Của Cao Đài Đại Đạo*”. *Đại Thừa Chơn Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011, tr. 58. Quyển số 36 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Cao Đài.

Chương 4

MẮT XANH PHỤ NỮ PHI PHÀM

1. Đạo pháp trường lưu

Hồi Thứ Ba, Thất Chân Nhân Quả kể rằng ông Vương Triết giả bệnh, cắt đứt mọi ràng buộc gia đình, không thềm phí thời gian giao du với đời, dốc lòng chuyên cần tu luyện suốt mười hai năm thì đắc quả, lấy đạo hiệu là Trùng Dương (tr. 27-28). Bây giờ có Đức Thái Bạch Kim Tinh giáng trần, đọc sắc chỉ của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ban cho ông đạo quả là Khai Hóa Chân Nhân. Ngay lúc ấy ông Vương còn được Thượng Đế giao phó sứ mạng qua tỉnh Sơn Đông hóa độ bảy vị học trò (tr. 28).

Chi tiết này cho thấy một người khổ nhọc tu hành đắc đạo rồi thì không được riêng hưởng an nhàn, mà phải lập tức trở vào thế gian, chăm lo truyền giáo để giúp người khác. Có thể xem đây là một nguyên lý cứu độ của các Đấng, vì Phật và Chúa ngày xưa đều làm như thế cả.

Tu sĩ Cồ Đàm (*Gautama*) tọa thiền dưới gốc cây Ajapala bên bờ sông Ni Liên Thiên (*Neranjara*) và đắc quả Phật. Thế rồi, thay vì lìa thế gian để nhập niết bàn thì Đức Phật Thích Ca trở vào cõi đời để dạy đạo. Trước khi bắt đầu con đường truyền giáo, Đức Phật tuyên bố:

“*Cửa vô sanh bất diệt đã mở cho chúng sanh. Hãy để cho ai có tai nghe đặt trọn niềm tin tưởng!*”

Sau khi ở trong hoang địa ròng rã bốn mươi đêm ngày và

vượt qua những cám dỗ của quỷ, Đức Giêsu đắc đạo. Rồi Chúa đến Caphácnaum là một thành ở ven biển hồ Galilê để bắt đầu rao giảng, và như một tuyên ngôn mở đường cứu thế, Đức Giêsu phán (Matthêu 4:17):

“*Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần.*”

Đức Lữ Tổ là thầy của ông Vương Trùng Dương cũng vậy. Tổ kể cho ông Vương biết rằng sau khi đắc đạo, Tổ tới Liêu Dương độ được một đệ tử là Lưu Hải Thiềm tu thành Tiên. Hải Thiềm đi về phương Nam độ được Trương Tử Dương. Tử Dương độ được Thạch Hạnh Lâm. Hạnh Lâm độ được Tiết Đạo Quang. Đạo Quang độ được Trần Trí Hư. Trí Hư độ được Bạch Tử Thanh. Tử Thanh độ được Lưu Vĩnh Niên. Vĩnh Niên độ được Bành Hạc Lâm (tr. 31).

Mượn hình ảnh ông lão bắc cầu trong bài thơ “*The Bridge Builder*” (Người Bắc Cầu) nổi tiếng của nữ sĩ Will Allen Dromgoole (người Mỹ, 1860-1934),⁽¹⁾ có thể nói rằng mỗi một vị chân tu sau khi đắc đạo chẳng ai nữ riêng hưởng cảnh thiên đàng cực lạc. Tất cả đều từ bi thương cho kẻ đi sau, nên đều nhọc nhằn tìm cách “bắc cầu” để giúp hàng hàng lớp lớp người sau có phương tiện vượt qua sông mê bể khổ.

Dòng đạo pháp cứu thế nhờ vậy mà trải qua mấy ngàn năm, từ Đông sang Tây, luôn luôn được tuôn chảy, không gián đoạn. Hơn thế nữa, từ dòng chủ lưu còn phân nhánh ra các chi lưu, phụ lưu, lan rộng khắp cùng. Con người thế gian đời nọ sang đời kia nhờ đó mà được hưởng ơn cứu độ của các Đấng nối tiếp nhau truyền lại.

Trong kinh cúng tứ thời của đạo Cao Đài, hình ảnh bất tận của những dòng chảy ấy được gọi là *Đạo pháp trường lưu*.⁽²⁾

⁽¹⁾ Xem Chương 8: *Những Người Bắc Cầu*.

⁽²⁾ 道法長流.

2. Tu Tiên được trường sinh bất tử?

Đọc xong sắc chỉ của Thiên Đình, Đức Thái Bạch Kim Tinh khuyên ông Vương Trùng Dương:

“*Chân Nhân mau đến Sơn Đông độ thế, chớ sợ khó nhọc mà phụ lòng Ngọc Đế.*” (tr. 28)

Vâng lời, trong ngày hôm ấy ông Vương liền rời khỏi thôn Đại Ngụy, tìm tới tỉnh Sơn Đông. Đi hết mấy ngàn dặm chẳng thấy ai đáng làm học trò, chỉ thấy hai hạng người: một hạng tham danh, một hạng tham lợi. Ông chán quá, trở về tỉnh Thiểm Tây, chui vào hang núi Chung Nam ẩn thân, chờ thời. Được khoảng nửa năm thì hai vị Chung Tổ và Lữ Tổ hiện đến. Lữ Tổ quở:

“*Người tu hành xứ nào mà chẳng có. Chỉ tại người không gắng sức tìm, nên không thấy.*” (tr. 29-31)

Ông Vương sợ hãi, quỳ lạy xin tha tội. Chung Tổ bảo Vương Trùng Dương đứng dậy, rồi dạy:

“*Hội Bàn Đào cận kề. Phải độ người trong thiên hạ tu hành liễu đạo thành Tiên, cùng đi dự Hội Bàn Đào. Bàn đào này ở núi Côn Lôn. Một ngàn năm mới nở hoa, một ngàn năm mới kết trái, một ngàn năm mới chín. Cả thấy ba ngàn năm mới được trái đào hoàn toàn. Trái đào lớn như cái đầu, hồng như lửa bừng, ăn một miếng thì sống ngàn năm.*” (tr. 31-32)

Ăn một miếng đào tiên thì sống ngàn năm! Đào tiên của Tây Vương Mẫu dĩ nhiên không thể kiếm được ở trần gian. Nhưng người Hoa giàu óc tưởng tượng, họ lấy bột nặn thành những trái đào to, nhuộm phẩm màu phơn phớt hồng, và thứ bánh này được dùng để mừng thọ các cụ ông, cụ bà.

Trong văn học Trung Quốc, người ta vẫn truyền tụng tu Tiên sẽ được trường sinh bất tử. Họ cũng tin rằng các vị Tiên có thuốc trường sinh. Thế nên nhiều hoàng đế Trung Hoa đã

phung phí ngân khố quốc gia để sai người tìm thuốc trường sinh, với ảo vọng không chết, được làm vua đời đời!

Thành Cát Tư Hãn (1162?-1227) cũng nuôi dục vọng sống lâu, nên có lần phái hai mươi chiến sĩ Mông Cổ đi mời học trò của Vương Trùng Dương là Khuru Trường Xuân rời Trung Quốc, viễn hành sang tận Tây Tạng. Ngày mùng 3 tháng 4 âm lịch (15-5-1222), Khuru Chân Nhân và mười tám đệ tử đến trại của Thành Cát Tư Hãn. Trong buổi đầu tiếp kiến, Thành Cát Tư Hãn hỏi Chân Nhân: “Từ phương xa đến đây, thầy đem thuốc trường sinh gì cho ta?” Chân Nhân thành thực đáp: “Bản đạo có thuật trường sinh [tức phương pháp tu tiên] chứ không có thuốc trường sinh.”⁽³⁾

Sở dĩ người ta mê tín rằng tu Tiên nếu đắc đạo, có thể sống lâu muôn tuổi, trường sinh bất tử, chỉ vì họ đọc *Đạo Đức Kinh* lại hiểu theo nghĩa đen. Họ tin rằng bộ kinh danh tiếng này của đạo Lão ẩn giấu bí quyết tu luyện trường sinh bất tử. Chẳng hạn, cuối Chương 33 chép: *Chết mà không mất là sống lâu*,⁽⁴⁾ và cuối Chương 59 chép: *Cái đạo sống lâu*.⁽⁵⁾

Chữ Hán, *Tiên* 仙 hay 僊 mang ý nghĩa người (*Nhân* 人 hay 人) tu trên núi (*Sơn* 山). Tuy nhiên, các giáo sĩ Công Giáo từ châu Âu qua Trung Quốc, khi dịch chữ *Tiên* của người Trung Hoa đã không thêm dùng nghĩa này, mà mượn luôn quan niệm của người Hoa cho rằng Tiên là trường sinh bất tử. Vì vậy, các giáo sĩ dịch *Tiên* là *Immortal* (tiếng Anh: *im + mortal*), *Immortel* (tiếng Pháp: *im + mortel*).

⁽³⁾ Huệ Khải, *Giải Mã Truyện Tây Du*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 139. Quyển số 31 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Cao Đài, tái bản 2011.

⁽⁴⁾ Tử nhi bất vong giả thọ. 死而不亡者壽.

⁽⁵⁾ Trường sinh cửu thị chi đạo. 長生久視之道.

Trong hai cách dịch đó, gốc từ là *mortal / mortel*, do gốc La Tinh *mortalis*, nghĩa là *chết*. Còn *im* là một tiền tố (*prefix*) diễn tả ý phủ định. Vậy, *Immortal* (Anh), *Immortel* (Pháp) đều có nghĩa là *không chết, bất tử*.

3. Trái đào tiên là gì?

Hữu hình thì hữu hoại. Người tu Tiên đắc đạo vẫn phải bỏ lại thân xác hữu cơ vùi chôn vào lòng đất chứ không thể mang mấy chục ký lô xác thịt nặng nề bay lên cõi bồng lai tiên cảnh. Các đạo sĩ tu luyện nội đan (thiền) nói trường sinh bất tử để ám chỉ không còn luân hồi nữa, khỏi phải sinh lại kiếp sau, được giải thoát. Luyện đan nấu thuốc trường sinh trong đạo Lão nên hiểu là ngồi thiền, dùng âm dương và ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) có sẵn trong cơ thể làm lò lửa, được liêu.

Hội Bàn Đào của Tây Vương Mẫu mà Đức Chung Tổ nói cho ông Vương Trùng Dương biết nên hiểu là ẩn dụ (*metaphor*). Trong chữ Hán, vật gì tròn mà dẹt thì gọi là *bàn*. Vậy bàn đào 蟠桃 tức là trái đào dẹt, người Trung Quốc dịch ra tiếng Anh là *flat peach*.

Chung Tổ bảo “*Bàn đào này ở núi Côn Lôn*” (tr. 32). Núi Côn Lôn là một ẩn dụ. Các đạo sĩ còn gọi đó là Thượng Côn Lôn, nằm tại Nê Hoàn Cung (trong đỉnh đầu). Tu thiền theo đạo Lão là đem Tinh, Khí, Thần (Ngọc Hoa, Kim Hoa, Cửu Hoa) gom về Nê Hoàn Cung, nên có thuật ngữ *Tam Hoa tụ đỉnh*.

Núi Côn Lôn hay Nê Hoàn Cung trong đỉnh đầu cũng gọi là Cao Đài. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy các thiền sinh Cao Đài như sau:

*Thử hỏi Cao Đài ở chốn nao
Người tu trở lại, trở về đâu*

*Phải chăng tìm đến Cao Đài thượng
Đài thượng vô vi tại đỉnh đầu.*⁽⁶⁾

Nói tóm lại, đọc kinh sách đạo Lão ngày xưa, hay xem thánh giáo Cao Đài ngày nay, nếu thấy nhắc tới quả đào tiên của Tây Vương Mẫu, hay của Diêu Trì Kim Mẫu (Phật Mẫu), chúng ta nên hiểu là ẩn dụ, ám chỉ kết quả của người tu thiền đắc đạo, sẽ không còn tái sinh trong vòng luân hồi nữa.

Lãnh hội được ý nghĩa ẩn dụ về trái đào tiên trong Hội Bàn Đào của Đức Phật Mẫu (Tây Vương Mẫu), chúng ta suy gẫm lời Đức Chung Tổ dạy ông Vương Trùng Dương (tr. 32):

“Tây Vương Mẫu không dành lòng hưởng riêng [đào tiên] một mình, mà muốn cùng hưởng đào với chư Thần Thánh Phật Tiên, cho nên thiết lập hội yến tên gọi là Đại Hội Quán Tiên.

Mỗi lần đại hội thì phải có Thần Tiên mới tu thành chánh quả, vậy đại hội mới có vẻ rực rỡ, chứ tham dự hội yến chỉ có những vị Thần Tiên cũ, chứng tỏ thiên hạ không còn người tu hành học đạo nữa hay sao. Tây Vương Mẫu ắt rất buồn.”

Đọc đoạn văn trên giữa hai hàng chữ, chúng ta biết tâm lòng của các Đấng, lúc nào cũng tha thiết mong cho chúng sanh được siêu việt khỏi kiếp phàm phu tục tử, để trở nên như các Đấng. Các Đấng không bao giờ muốn con đường các Đấng đã trải qua sẽ bị bỏ hoang, vì thiếu người tiếp bước.

Bởi thế, trong Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Thích Ca Mâu Ni dạy:

“Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành.”

Thánh Clement (150?-215?) ở thành Alexandria (Hy Lạp) dạy tương tự:

“Thiên Chúa trở thành người để cho người có thể trở

⁽⁶⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, ngày 01-5-1972.

thành Thiên Chúa.”⁽⁷⁾

Bên Ý, Giám Mục thành Milan, là Thánh Ambrōsius (340-397) nhắc lại:

“Thiên Chúa làm người để người làm Thiên Chúa.”⁽⁸⁾

Sang Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Cao Đài dạy môn đệ:

“Thầy là các con, các con là Thầy.”

Và Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt xác định:

“Tu hành là học làm Trời...”

4. Hòa quang đồng trần

Được Đức Chung Tổ dạy thấu triết lý lẽ về quả đào tiên của Tây Vương Mẫu, ông Vương Trùng Dương sụp lạy và nói: “Đệ tử nay nghe lời Tổ Sư dạy, như vừa tỉnh mộng, nguyện lần nữa tới Sơn Đông hóa độ, xin Tổ Sư chỉ rõ đường đi nước bước.”

Đức Chung Tổ nói: “Ngươi tới vùng đất dân cư đông đúc, sống lẫn với người trần, hiện thân thuyết pháp, tự nhiên có người tới tìm ngươi. Ngươi nên theo đó mà khai đường mở lối cho họ, thì công lớn sẽ thành tựu.” (tr. 33)

Đọc thoáng qua, chúng ta ngỡ đây chỉ là một hướng dẫn giản đơn. Thật ra, mấy chữ “sống lẫn với người trần”⁽⁹⁾ của Đức Chung Tổ là một nguyên lý muôn thuở được các Đấng áp dụng để cứu đời.

Trong *Đạo Đức Kinh* (Chương 4) có chín chữ này: *tỏa kỳ*

⁽⁷⁾ <http://mb-soft.com/believe/txn/alexandr.htm> (God became man that we might become God.)

⁽⁸⁾ <http://www.danchua.eu/373.0.html>

⁽⁹⁾ Hồn tích đồng trần. 混跡同塵.

nhuệ, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.⁽¹⁰⁾ Ý nói rằng các bậc Thánh Nhân muốn gài gửi người đời để có cơ hội giáo hóa chúng sanh thì các vị đều che giấu sự sắc sảo, tinh anh của mình (*tỏa kỳ nhuệ*); sao cho các ngài không “sáng” hơn chúng sanh, các ngài bớt sáng đi cho giống như chúng sanh (*hòa kỳ quang*); và chúng sanh sống “bụi bặm” thì các ngài cũng chịu chung, chia sẻ chỗ bụi bặm đó (*đồng kỳ trần*).

Muốn hiểu dễ hơn, chúng ta nhớ lại trong nhà mình, khi có trẻ con, để chơi đùa cùng trẻ, người lớn cũng phải giả vờ đóng kịch với những lời nói đót đất, cử chỉ vụng về, v.v... Có vậy mới làm bạn được với trẻ, dễ dàng được trẻ.

Trong một thánh giáo Cao Đài, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy những ai muốn “*tế thế độ nhơn*” (giúp đời cứu người) phải biết cách “*hòa quang hỗn tục*”.⁽¹¹⁾ Bốn chữ *hòa quang hỗn tục* vẫn cùng một ý với sáu chữ *hòa kỳ quang, đồng kỳ trần* của Đức Lão Tử (về sau thường được nói gọn là *hòa quang đồng trần*), và đồng nghĩa với *hồn tích đồng trần* của Đức Chung Tổ.

5. Bốn cũ soạn lại

Thấm thía lời thầy dạy, ông Vương Trùng Dương liền rời tỉnh Thiểm Tây, trở gót qua tỉnh Sơn Đông. Nhớ Đức Chung Tổ căn dặn “*gặp Hải thì lưu, gặp Mã thì hưng, gặp Khưu thì dừng*”, nên khi tới huyện Ninh Hải, thuộc phủ Đãng Châu, thì ông không đi thêm nữa. Lời dặn ấy cũng mách cho ông biết rằng việc hóa độ bảy vị đệ tử trên đất Sơn Đông phải bắt đầu từ Mã Ngạc và kết thúc ở Khưu Xứ Cơ.

Làm sao có thể “*sống lẫn với người trần*” để chờ thời cơ

⁽¹⁰⁾ 挫其銳, 和其光, 同其塵.

⁽¹¹⁾ 和光混俗. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, ngày 15-7 Đinh Ty.

gặp đệ tử? Ông thấy không có gì hơn là bắt chước hai vị Chung Tổ và Lữ Tổ. Do đó ông cũng giả dạng làm hành khất, hàng ngày đi xin ăn loanh quanh trong vùng (tr. 33).

Trước con mắt thế nhân, ông chỉ là kẻ nghèo hèn đáng thương hại. Đâu ai biết đó là một vị Đại Tiên đã được Thiên Đình phong tặng là Khai Hóa Chân Nhân. Quả thật đúng như lời Đức Lão Tử dạy:

Cho nên Thánh Nhân mặc áo vải nghèo hèn mà trong lòng chứa ngọc quý.⁽¹²⁾

Hình ảnh những ngày tháng Vương Chân Nhân giả làm ăn mày, chịu “bụi bặm” với khách trần tục khiến cho chúng ta nhớ tới bài thơ tương truyền của Hòa Thượng Bồ Đại (thế kỷ thứ 10, Trung Quốc), diễn tả bậc chân tu ôm bình bát đi xin ăn khắp chốn:

*Một bát cơm ngàn nhà
Thân đơn vạn dặm xa
Mắt xanh mấy ai có
Mây trắng hỏi đường qua.*⁽¹³⁾

Vương Chân Nhân “hỗn tích đồng trần” ở huyện Ninh Hải thối thoát mà đã mấy năm (tr. 43). Sau cùng, kẻ có mắt xanh biết nhìn thấy giá trị cao quý ở Chân Nhân lại là một phụ nữ.

6. Đàn bà để có mấy tay?

Qua Hồi Thứ Tư, chúng ta biết người đàn bà có mắt xanh ấy là Tôn Uyên Trinh, xinh đẹp, đọc nhiều kinh sách, trí tuệ

⁽¹²⁾ Thị dĩ Thánh Nhân bị hạt hoài ngọc. 是以聖人被褐懷玉。 (Đạo Đức Kinh, Chương 70)

⁽¹³⁾ Nhất bát thiên gia phạn / Cô thân vạn lý du / Thanh mục đồ nhân thiêu / Vãn lộ bạch vân đầu. 一鉢(鉢)千家飯 / 孤身萬里遊 / 青目睹人少 / 問路白雲頭.

hơn người, khác hẳn những chị em chỉ biết quanh quẩn với nồi niêu xoong chảo, bận bịu với cây kim sợi chỉ. Chồng bà là Mã Ngọc, sớm mồ côi, không anh em, nhờ tự lập mà sớm nên cơ nghiệp lớn ở tây bắc huyện Ninh Hải. Hai ông bà tuổi gần bốn mươi, không con cái. Ngày nọ, ông than với bà rằng gia tài to lớn mai sau chẳng biết sẽ về tay ai (tr. 36).

Bà không đồng ý. Theo bà, có đồng con hay không người nói dối rất cuộc đều phải trở về lòng đất với hai bàn tay trắng. Đòi người vài mươi năm ngắn ngủi, khác chi tia chớp nháng lên rồi vụt tắt. Nhà cao cửa rộng, tối ngủ vẫn chỉ vài thước giường nằm. Cửa cái kéch xù, mỗi ngày chỉ ăn nổi ba bữa. Đột ngột thần chết tìm tới dẫn đi, dầu quyền thế sang giàu đến mấy cũng chẳng cách chi đổi chết thành sống, uổng phí một kiếp làm người (tr. 39). Vậy, hay hơn hết là học phép trường sinh bất tử (tr. 40).

Ông Mã Ngọc hỏi làm sao luyện được phép đó. Bà trả lời rằng phải cầu học với minh sư (thầy sáng, thầy đã đắc đạo).

Ông ngần ngại, e sợ mình không có căn cơ để tu (tr. 40). Hai chữ *căn cơ* 根基 ngày nay có thể xa lạ với đại chúng. *Căn* là rễ cây; *cơ* là nền móng. Người Hoa dịch căn cơ ra tiếng Anh là *foundation*, hay *grounding*.

Vậy, căn cơ là nền tảng (hạ tầng cơ sở) để xây dựng trên đó một cái gì trọng đại (thượng tầng kiến trúc). Trong đạo học, căn cơ vừa là những gì chúng ta nhìn thấy trước mắt vừa là những gì của kiếp trước tích lũy cho kiếp này mà chúng ta không nhìn thấy bằng mắt thịt.

Thí dụ, do kiếp trước khéo tu, tạo nhiều phước đức, cho nên kiếp này đời sống dư dật, khỏi phải bận bịu áo cơm, có thời gian tu hành, lại thông minh sáng trí, học kinh mau hiểu mau nhớ... Đó là có căn cơ sâu dày.

Trái lại, kiếp trước vụng tu, phước đức ít ỏi, cho nên kiếp này chật vật mưu sinh, không có thời gian dành cho chuyện tu hành, trí tuệ chậm lụt, học trước quên sau... Đó là căn cơ mỏng cạn.

Gần trọn trang 41 trong Thất Chân Nhân Quả là lời lẽ bà Tôn Uyên Trinh giảng giải tỉ mỉ cho chồng hiểu rõ thế nào là căn cơ. Bà khẳng định ai cũng có căn cơ, tuy nhiên khác nhau giữa người này với người khác. Theo bà, điều quan trọng là nên biết rằng căn cơ không hề bất di bất dịch, vì nó có thể được thay đổi:

“Do đó phải xem căn cơ là cái tùy thời tăng bổ, không thể xem là một cái bẩm sinh cố định.” (tr. 41)

Chúng ta thấy bà Tôn Uyên Trinh nói rất đúng. Giả sử như cát nhà gặp cái nền non yếu, thì vẫn có nhiều phương cách gia cố cho vững chắc thêm.

Chính vì căn cơ là cái có thể tăng bổ cho tốt hơn, nên trong phép tu hành, các Đấng luôn dạy người tu phải biết làm việc thiện, mở lòng bác ái trợ giúp cho người cho vật.

Ở đạo Phật, đó là *bố thí ba la mật* (*dāna-pāramitā*).

Ở đạo Nho, đó là *đức nhân*.

Ở Cao Đài, đó là *công quả*.

Khi hành thiện như thế, nhìn ngoài hình thức thì chỉ thấy người tu đang giúp người khác, nhưng xét về bản chất thì thật ra người tu đang giúp cho chính mình, bởi lẽ họ đang bồi đắp cho căn cơ của mình thêm sâu dày.

Hiểu như thế, ắt sẽ lãnh hội vì sao Đức Giêsu dạy:

“Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại. (...) Vì anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy.” (Luca 6:38).



Mã Ngọc và Tôn Uyên Trinh

Ông Mã Ngọc được bà vợ bản lĩnh phi thường thuyết giảng cho một hồi thì bưng tỉnh, nhưng lại bản khoăn chưa biết tìm thầy học đạo trường sinh ở đâu. Bà bèn nói hãy đón tìm ông ăn mày mấy năm nay cứ quần quanh trong xóm.

Vốn sẵn bái phục vợ tài tuệ hơn người, ông Mã Ngọc vẫn hay nghe theo lời cổ vắn của bà. Thế nên khi bà bảo đón ông ăn mày rước về nhà tôn làm thầy, ông không hề thắc mắc, liền hứa qua ngày mai sẽ đi tìm thầy. Bà liền đốc thúc:

“*Tu sớm một ngày, thì giải thoát sớm một ngày. Việc này chẳng nên chậm trễ.*” (tr. 42)

Tóm lại, cơ duyên để Vương Chân Nhân thâm nhận bảy vị học trò thật sự phải từ bà Tôn Uyên Trinh. Sách vở xưa nay khi kể tên Toàn Chân Thất Tử thường bắt đầu với ông Mã Ngọc và kết thúc với bà Tôn Uyên Trinh, nhưng phải nói chính bà mới là người lập công đầu.

Vương Chân Nhân nếu như không lọt vào “mắt xanh” của bà thì chưa biết chừng nào mới hoàn thành sứ mạng thâm nhận bảy vị đệ tử bước vào đường đạo.

Quả thật, nếu Nguyễn Du biết được bà Tôn Uyên Trinh ắt sẽ chẳng tiếc lời mà tán thán rằng:

*Khen cho có mắt tinh đời
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già.*⁽¹⁾

26-5-2011

⁽¹⁾ *Kiều*, câu 2201-2202.

Chương 5 PHÁP TÀI LỮ ĐỊA

1. Vì trò lao khổ thân thầy

Liên quan vấn đề câu học pháp tu giải thoát luân hồi sinh tử, đạo Lão có hai thuật ngữ là *thất nan* (bảy điều khó) và *cửu nan* (chín điều khó).

Trong thất nan, điều khó thứ nhất là người muốn học đạo thường không dễ gặp *minh sư*. Minh sư là thầy sáng, thầy giỏi, thầy đã đắc đạo nên có thể dẫn dắt trò đi đúng đường tu cho tới chánh quả.

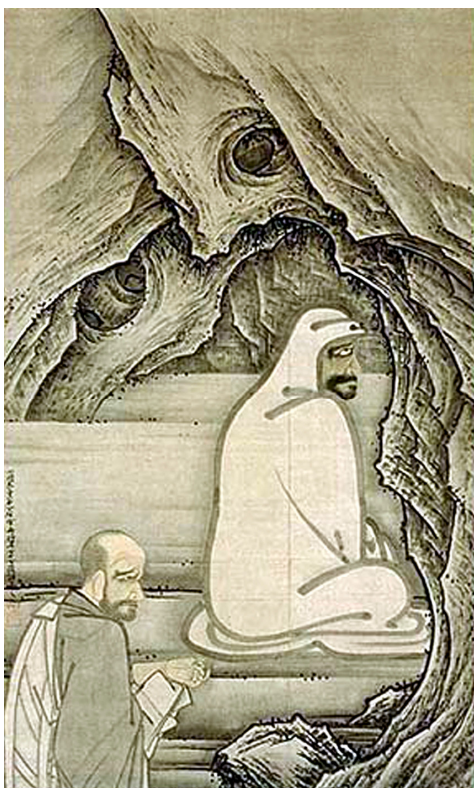
Minh sư rất quan trọng. Phương pháp tu đơn (thiền đạo Lão) có nội ngoại âm dương, ứng dụng ngũ hành, bát quái; có trật tự trước sau; có chỗ lấy ý mà lãnh hội chỗ tế vi chứ không thể diễn bày rõ ràng bằng ngôn ngữ. Do đó, dẫu có nhiều kinh sách chỉ bày, nhưng vẫn không thể thiếu minh sư dẫn dắt.

Vì khó gặp minh sư nên người tìm đạo nhiều khi dễ bị *manh sư* lừa dối vào đường sai lạc, tu không thành công mà lại còn thiệt thân. Manh sư là thầy mù, thầy dở, thầy chưa đắc đạo. Do đó, trong cửu nan, điều khó thứ năm là bị manh sư trối buộc (câu thúc).

Minh sư khó gặp một phần vì duyên lành chưa tới. Học trò có duyên với thầy, nhưng còn trí phàm mắt thịt thì làm sao biết thầy mình ở đâu mà tìm tới. Riêng thầy vì đã đắc đạo, có thần thông, mở huệ nhãn nên biết được ai sẽ làm đệ tử của mình, do đó thầy chủ động tìm tới trò, nhưng không lập tức

thâu nhận ngay đệ tử, mà phải nhẫn nại chờ đợi cho đúng thời cơ, đúng ngày giờ.

Đọc tích xưa chúng ta biết Huệ Khả (478-593) quỳ mãi ngoài trời tuyết lạnh mà Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma (*Bodhidharma*) vẫn không thèm đếm xỉa gì. Mãi khi Huệ Khả tự chặt bàn tay trái để chứng tỏ quyết tâm xả thân cầu đạo thì Sơ Tổ mới chấp nhận. Huệ Khả về sau trở thành Nhị Tổ của Thiền Tông Trung Hoa.



Huệ Khả chặt tay cầu đạo với Bồ Đề Đạt Ma

Đây là một trong nhiều sự tích ly kỳ cho thấy muốn được thầy thâu nhận thì trò phải chịu thử thách rất nghiệt ngã. Nhưng chúng ta đừng quên chiều ngược lại: *Để chờ tới đúng thời cơ thâu nhận học trò, thì chính thầy cũng phải nhẫn nại, hy sinh vô bờ bến.* Minh chứng điều này là chuyện Đạo Tín (580-651), Tứ Tổ của Thiền Tông Trung Hoa.

Một hôm có vị sư già ở núi Long Phong muốn xin học thiền với Tổ Đạo Tín. Tổ bảo vị sư ấy quá già yếu rồi, sợ tu không kịp, nhưng nếu chịu đầu thai kiếp nữa thì Tổ sẽ ráng chờ. Vị sư đồng ý. Vì lời hứa ấy, Tổ Đạo Tín tuy tuổi đã cao, nhưng nán lại, chưa chịu thoát xác về trời (các bậc đắc đạo có thể quyết định ngày bỏ xác của mình). Còn vị sư già thì đầu thai vào nhà cô gái họ Châu (không chồng) ở huyện Hoàng Mai. Năm bảy tuổi cậu bé xin xuất gia đến tu với Tổ Đạo Tín. Tổ có thần thông nhìn chú bé liền biết đây chính là vị sư già năm xưa, nên đặt tên cho trò là *Hoảng Nhẫn*, tức là lòng nhẫn nại to tát. Pháp danh này hàm ngụ ba ý nghĩa:

(a) Vị sư già vì muốn học đạo giải thoát luân hồi sanh tử nên nhẫn nại đầu thai kiếp nữa.

(b) Tổ vì lời hứa nên nhẫn nại kéo dài cuộc sống ở trần gian chờ ngày học trò tái sinh.

(c) Cô gái họ Châu không chồng mà có con, phải chịu nhục nhã với gia tộc, làng xóm, nhưng nhẫn nại sống nuôi con. Sau này Hoảng Nhẫn làm Ngũ Tổ, là thầy của Lục Tổ Huệ Năng.

Nhắc lại tích xưa hơi lòng vòng như trên để chúng ta thấm thía ơn đức của thầy phải gian khổ và nhẫn nại chờ chờ. Bằng không, đọc *Thất Chân Nhân Quả*, chỉ thấy kể vắn tắt “*Vương Trùng Dương loanh quanh qua lại chốn này, không xa gia trang Mã viên ngoại lắm. Như thế mấy năm...*” (Hồi Thứ Tư, tr. 42-43) thì e rằng chúng ta không lãnh hội được chỗ hy sinh to tát của Vương Tổ Sư trong lúc chờ cơ hội hóa độ vợ chồng

Mã Ngọc và Tôn Uyên Trinh.

Lý do thầy phải chờ đợi trò mất mấy năm được giải thích như sau: Tuy Vương Tô Sư “*cũng đã thấy mặt Mã viên ngoại vài lần, biết ông có đức tính lớn; cũng thấy mặt Tôn Uyên Trinh đôi lần, biết bà có trí huệ sâu. Ông cũng muốn tới khai thị cho hai người một lần. Nhưng lại nghĩ: Thầy thuốc chẳng nên tự tới gõ cửa người ta; đạo pháp chẳng nên truyền dạy để duôi cho đời. Nếu họ không tới cầu khẩn, chí tâm học hỏi, thì không thể nói gì.*” (tr. 43)

Như thế, suy ra cửa đạo không bao giờ đóng chặt để bỏ chúng sanh bên ngoài. Cửa đạo luôn luôn đợi chờ chúng sanh thể hiện ý chí và tự do chọn lựa của mình. Kẻ có lòng tìm tu phải chủ động bước lên thềm, và phải mạnh dạn gõ cửa. Đức Giêsu dạy: “*Hãy xin, sẽ được; hãy tìm, sẽ gặp; hãy gõ cửa, sẽ mở cho.*” (Matthêu 7:7)

2. Con lạc đà và người nhà giàu

Hồi Thứ Năm kể rằng sau khi bà Tôn Uyên Trinh rước được Vương Tô Sư vào nhà rồi, ông Mã Ngọc sai người làm dọn chỗ ở cho Tô rất chu đáo. Xong xuôi, ông nói với vợ: “Hai chúng ta với cụ trò chuyện nửa ngày mà chưa biết tên họ ông cụ là chi. Để tôi đi hỏi cụ.”

Bà vợ cản, nhưng ông nhất quyết đi đến trước mặt Tô, hỏi họ tên, quê quán, vì lý do nào mà tới xóm này.

Tô đáp: “*Vì cái gia tài to lớn của người mà ta đến đây.*”

Ông Mã vừa thấy tức cười vừa thấy giận, nhưng vẫn hỏi tiếp: “*Cụ vì gia tài to lớn của con mà tới, bộ cụ muốn lấy nó hay sao?*”

Tô đáp tinh queo: “*Nếu không muốn cái gia tài to lớn của người, thì ta chẳng đến đây.*”

Nghe vậy, ông Mã Ngọc không đành được cơn giận, sắc mặt sa sầm, vội vàng bỏ ra ngoài. Gặp vợ, ông trách móc rằng không hề ông cụ là kẻ quá tham lam tài sản người khác. (tr. 49-50)

May thay, bà Tôn Uyên Trinh trí tuệ hơn người, một mực khuyên chồng bình tĩnh, nếu thầy muốn lấy gia tài của hai vợ chồng thì cứ giao cho thầy, miễn sao học được đạo của Thầy truyền. Lý lẽ của bà như sau (tr. 52):

“Uổng cho ông là bậc nam nhi mà chẳng có kiến thức. Mình giao gia tài cho ông cụ để cầu đạo trường sinh bất tử. Nếu có đạo trường sinh, ta tu hành thành Thần Tiên, thì cái gia tài này dùng làm chi?”

Lại nghe nói: Một đứa con tu thành Tiên thì chín tổ siêu thăng. Vậy mình đâu có làm lỗi gì đối với tổ tiên? Xem ra chữ đạo này đáng giá hơn cái gia sản to lớn của ông nhiều lắm.”

Là người phục thiện, và lúc nào cũng biết nghe lời hay lẽ phải của vợ, ông Mã rốt cuộc bằng lòng giao hết tài sản cho Vương Tô Sư sử dụng.

Yêu cầu oái oăm của Vương Tô Sư buộc vợ chồng ông Mã Ngọc trước khi học đạo phải xả bỏ hết gia tài nhắc chúng ta nhớ tới tích một người nhà giàu muốn xin theo chân Đức Giêsu. Thánh Maccô (10:21) chép rằng Chúa dạy người đó như sau:

“Anh chỉ còn thiếu có một điều, là hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo thầy.”

Thánh Matthêu (19:21) chép tương tự lời Chúa dạy:

“Nếu anh muốn được trọn vẹn, hãy đi bán hết gia tài mà bố thí cho kẻ nghèo nàn, thì anh sẽ có của quý ở trên trời; rồi hãy đến mà theo thầy.”



Chúa Giêsu và anh chàng giàu có.
Tranh của Heinrich Hoffman (Đức, 1809-1894).

Lâu nay nhân gian bông đùa hay nói lái: “Điều kiện *đầu tiên* là *tiền đầu*.” Không ngờ rằng quả thật đây cũng là điều kiện mà Đức Chúa và Vương Tồ Sư đặt ra đầu tiên cho những ai thật lòng muốn bước vào đường tu giải thoát.

Khi anh nhà giàu tiếc của buồn bã bỏ đi, Chúa bèn dạy các tông đồ (Matthêu 19: 23-24):

“Thầy bảo thật anh em, người giàu khó vào Nước Trời. Thầy còn nói cho anh em biết: con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Thiên Chúa.”

Cái lỗ kim nhỏ tí ti mà Đức Giêsu dùng làm ẩn dụ cho cánh cửa vào Thiên Đàng khiến ta liên tưởng tới hình ảnh

khung cửa hẹp mà có lần Chúa dạy (Luca 13:24):

“Hãy gắng sức vào cửa hẹp.”

3. Có thực mới vực được đạo

Khi thấy chồng giận vì Vương Tồ Sư đòi lấy hết gia tài, bà Tôn Uyên Trinh bèn nhỏ nhẹ khuyên (tr. 51): *“Cụ Vương muốn gia tài mình chắc là có lý do. Nếu ông cụ nói hợp lý, thì mình chẳng ngại ngần tặng ông cụ cho rồi. Huống chi hai ta không con không cái. Gia sản về sau biết rơi vào tay ai?”*

Nghe vợ nói phải lẽ, ông Mã Ngọc đến gặp Vương Tồ Sư hỏi (tr. 53): *“Hôm qua cụ nói muốn lấy gia tài của tôi. Chẳng hay cụ muốn dùng tiền tài này để làm gì?”*

“Vương Trùng Dương nghiêm sắc mặt nói: “Ý ta muốn chiêu mộ những bậc ngộ đạo tu hành khắp thiên hạ về đây tu hành, luận đạo. Ta lấy tiền tài của người để dưỡng tánh cho họ và bảo vệ đạo. Giúp họ bên ngoài chẳng bị phiền lụy; bên trong được nuôi dưỡng. Khi đến thì họ an lạc, khi ở chung thì họ vui vẻ.”

Bốn chữ “*ng nghiêm sắc mặt nói*” trong đoạn này, theo nguyên tác Thất Chân Nhân Quả là “*chính sắc nhi ngôn*”.⁽²⁾ Chính sắc (*severe countenance*) tức là giữ nét mặt nghiêm nghị, không ra vẻ nói chơi, cốt cho người nghe phải lưu ý tầm mức hệ trọng của điều nói ra. Phân tích lời giải thích của Vương Tồ Sư, chúng ta thấy có hai ý chánh yếu và rất hệ trọng: (a) Tồ muốn lập chỗ tu hành tập thể (đạo trường), thế nên cần có tài sản. (b) Người vào tu trong đạo trường của Tồ cần được nuôi dưỡng đầy đủ để họ yên tâm vui vẻ tu hành, thế nên càng cần có tài sản.

Cả hai ý đó của Tồ, dân gian Việt Nam từ xưa có một câu

⁽²⁾ 正色而言.

ngắn gọn mà bao quát hết tất cả tâm huyết của Đấng Khai Hóa Chân Nhân (Vương Tổ): *Có thực mới việc được đạo.*

Trong *cửu nan* (chín việc khó), đạo Lão cho rằng điều khó thứ nhất của người tu là bị cái ăn cái mặc bức bách. Lưu ý đến việc chăm lo nhu cầu thiết yếu này, thầy của Vương Tổ là Đại Tiên Chung Ly Quyên (Chung Tổ) từng dạy: *“Chân khí chưa hoàn mãn, mỗi ngày cần ăn ba bữa. Đại được chưa thành, một năm phải mặc áo bốn mùa.”*⁽³⁾

Chân khí chưa hoàn mãn, đại được chưa thành, ấy là Chung Tổ nói tới những con người trần tục, vì tu hành chưa thành chánh quả, cho nên vẫn cần phải ăn đủ no, mặc đủ ấm thuận theo thời tiết trong năm. Bằng không, đói lạnh sẽ sinh tật bệnh, cản trở việc tu hành luyện đạo.

Nếu ai đó cho rằng người tu có thể phớt lờ tác động của vật chất là miếng cơm manh áo, e rằng như thế là duy ý chí. Ngày xưa, đến đời Tổ Sư phái Võ Đang là Trương Tam Phong mà còn phải ngậm ngùi than rằng giá như trước kia ngài có tiền bạc kha khá thì đường tu đã dễ dàng hơn và đã đắc đạo sớm hơn rồi!

Thiếu phương tiện tài chánh để giải quyết vấn đề cơm áo thì không ai dễ an lòng tu hành. Vật chất tạm đủ thì mới mong chuyên tâm tập trung tu hành hôm sớm.

Các cư sĩ tại gia phải tự túc đã đành, nhưng những người xuất gia tu hành cùng trong một tập thể, đã hiến thân cho đạo thì càng không thể phớt mặc họ tự giải quyết cuộc sống đời thường với áo cơm và thuốc men giống như hoàn cảnh cư sĩ. Nếu ở đâu mà có giáo hội, có dòng tu đúng nghĩa, biết tổ chức chăm lo đời sống các thành viên cho hiệu quả thì vấn đề sẽ được giải quyết ổn thỏa.

⁽³⁾ *Tiên Học Từ Điển*. Mục từ *cửu nan* 九難.

Tuy nhiên, không phải bất kỳ cộng đồng người tu nào cũng nhìn ra vấn đề rất hệ trọng này để tìm cách giải quyết thỏa đáng ngay từ căn bản. Trong đạo Cao Đài, Đức Giáo Tông Đại Đạo Lý Thái Bạch có lần đã minh thị cho thấy rõ điều sai lầm thường xảy ra trong nhiều tập thể người tu:

“Từ xưa, các tổ chức hành đạo chỉ biết đòi hỏi cán bộ nhân sanh về phương diện thoát ly hành đạo, lập công quả, mà không bù lại về sinh kế; rồi lần hồi hướng đạo, cán bộ nghèo khổ, suy vi, xa chùa xa đạo, gây nên cảnh người đời cũng phát sợ, không đủ đức hy sinh suông ấy. Ngày nay và sắp đến, cần chú trọng các phương tiện nâng đỡ đỡ để nuôi dưỡng hướng đạo thoát ly cùng kích động tinh thần nhập môn hướng thiện.”⁽⁴⁾

Cho nên, khi muốn mượn nhà cửa rộng lớn của ông bà Mã Ngọc làm đạo trường, Vương Tổ đã định hướng sẵn một kế hoạch lâu dài, như lời ngài bảo ông Mã Ngọc (tr. 53):

“Ý ta muốn chiêu mộ những bậc ngộ đạo tu hành khắp thiên hạ về đây tu hành, luận đạo. Ta lấy tiền tài của người để dưỡng tánh cho họ và bảo vệ đạo. Giúp họ bên ngoài chẳng bị phiền lụy; bên trong được nuôi dưỡng. Khi đến thì họ an lạc, khi ở chung thì họ vui vẻ.”

Cái tâm và cái tầm nhìn của Vương Tổ ngày xưa khiến chúng ta liên tưởng tới gương sáng ngày nay, trong thời đại chúng ta, của một bậc chủ chăn Công Giáo.

Theo lời kể của Linh Mục Inhaxiô Hồ Văn Xuân, sau biến cố 30-4-1975, tất cả tài sản của giáo phận không còn, mỗi ưu tư canh cánh bên lòng của Đức Tổng Giám Mục Phaolô Nguyễn Văn Bình (1910-1995) là lấy gì để nuôi dưỡng hoặc giúp đỡ các linh mục đang nghỉ hưu, đang bệnh tật. Bấy giờ

⁽⁴⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 03-6-1966.

Tòa Tổng Giám Mục không còn một phương tiện tài chánh nào hết. Thế nên ở tuổi tám mươi, Đức Tổng đã quyết định cho nâng cấp nhà hưu dưỡng cũ và xây dựng thêm dãy nhà hưu dưỡng mới tại Chí Hòa để các linh mục chưa tới tuổi hưu được yên tâm làm việc mục vụ. Một công trình nữa mà Đức Tổng đã vạch ra vào năm tám mươi tuổi thì phải đợi mười ba năm sau khi ngài về với Chúa (2008), mới được triển khai. Đó là một nhà nghỉ được xây mới ở Bãi Dâu (Vũng Tàu) để các linh mục có nơi dưỡng bệnh...⁽⁵⁾

*

Hồi Thứ Năm truyện Thất Chân Nhân Quả thoát xem chỉ là chuyện ông bà Mã Ngọc rước thầy về nhà dạy đạo tu Tiên, rồi là những lời lẽ bàn bạc xoay quanh việc Vương Tổ Sư muốn lấy hết gia tài họ Mã. Nhưng thật ra, chỉ trong một chương ngắn như thế, tác giả ẩn danh của pho tiểu thuyết đậm vị đạo học này đã khéo léo trình bày cho chúng ta bốn vấn đề vô cùng hệ trọng của mọi người tu và cũng là trách nhiệm của các bậc hướng đạo phải chăm lo cho những người tu đang chịu dưới sự dẫn dắt của các vị.

Bốn vấn đề hệ trọng đó đạo Lão gọi là *Pháp, Tài, Lữ, Địa*.

Pháp 法 (dharma) là chánh pháp, chánh giáo, có khả năng giúp con người phạm tục đắc đạo, thoát luân hồi sinh tử. Pháp đó phải có duyên lành mới gặp được minh sư để cầu học. Pháp đó đã truyền từ Chung Tổ và Lữ Tổ xuống ông Vương Trùng Dương, rồi đến lượt Vương Tổ làm minh sư truyền lại cho các đệ tử của ngài, khởi đầu là vợ chồng ông Mã Ngọc và bà Tôn Uyên Trinh.

Tài 財 (finance, fortune) là của cải vật chất để nuôi dưỡng cộng đồng tu học dưới sự dẫn dắt của Vương Tổ. Tài ấy Vương Tổ mượn của ông bà Mã Ngọc. Chúng ta hiểu rằng ngay khi phát tâm cầu đạo giải thoát, bằng cách xả bỏ hết gia tài để giao cho thầy dùng vào việc đạo, đó là hai ông bà Mã Ngọc và Tôn Uyên Trinh đang làm công quả pháp thí, lấy đó làm âm chất bồi dưỡng cho hai ông bà phần công phu luyện đạo sau này. Xét về hiện tượng, hai ông bà đang giúp thầy hoằng pháp; nhưng xét về bản chất, hai ông bà đang giúp chính mình trên đường tu, vì lẽ như Đức Giêsu đã dạy:

“Anh em đừng bằng đầu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đừng cho anh em đầu ấy.” (Matthêu 7:2)

Lữ 侶 (companions) là bạn đồng tu học trong một đạo trường. Vương Tổ vừa mới thu nhận hai ông bà Mã Ngọc và Tôn Uyên Trinh nhưng đã nói rõ ý hướng của ngài là “*chiêu mộ những bậc ngộ đạo tu hành khắp thiên hạ về đây tu hành, luận đạo*”. Trong việc tu hành, cần có bạn đồng chí đồng tâm nâng đỡ nhau từ vật chất tới tinh thần. Đó là dụng ý của Vương Tổ khi muốn biến nhà cửa đất đai họ Mã thành một đạo trường. Không chỉ hai vợ chồng họ Mã được thọ giáo mà chúng sanh bá tánh gần xa, ai có duyên lành cũng đều có cơ hội tìm đến. Ý nghĩa của chữ *lữ* trên đường tu đã sớm được dân gian Việt Nam diễn tả từ xưa là: *Ăn cơm có canh, tu hành có bạn*.

Địa 地 (environment, land) là đất lành cho người tu nương náu trong những tháng năm luyện đạo. Chung Tổ và Lữ Tổ bảo ông Vương Trùng Dương hãy đến Ninh Hải tìm học trò. Đất lành cho bước khởi đầu hoằng pháp của Vương Tổ là đây, mà thân hạp lại chính là mảnh gia trang của họ Mã.

⁽⁵⁾ UBĐKCG/TPHCM, *Một Trang Sử Mới*, 2010, tr. 33-35.

24-6-2011

Chương 6
ĐƯỜNG TU CÓ VỢ CÓ CHỒNG

1. Quyển sách đời mở ra trang mới

Khi một người phát tâm tu hành là có một bước ngoặt quan trọng đánh dấu hai chặng đường đời của mình. Chặng đầu là lúc chưa có đức tin, chưa tỉnh thức, chưa chọn cho mình một tín ngưỡng, chưa gõ một cánh cửa tôn giáo nào hết. Chặng sau là lúc có đức tin, được tỉnh thức, nên quyết định chọn cho mình một tín ngưỡng, và mạnh dạn gõ cửa một tôn giáo để được sống cuộc đời mới trong ánh sáng soi dẫn của Đấng thiêng liêng mà người đó tin tưởng.

Bước ngoặt quan trọng đánh dấu hai chặng đường ấy là một nghi thức hay bí tích có tên gọi khác nhau tùy theo từng tôn giáo. Bên Chúa gọi là *rửa tội*, bên Phật bảo là *quy y*, bên Cao Đài nói là *nhập môn*... Sau nghi thức đó, coi như người tín đồ bắt đầu mở ra trang mới cuốn sách đời mình. Khi chào đời, đã được cha mẹ đặt tên (*thế danh*, tên khai sinh); nay bắt đầu một cuộc đời mới thì được đặt cho một tên mới (*tên thánh, pháp danh, đạo hiệu*...).

Hai ông bà Mã Ngọc, Tôn Uyên Trinh cũng thế. Hồi Thứ Bảy, Thất Chân Nhân Quả cho biết:

“Ngày nọ, Mã Ngọc và Tôn Uyên Trinh cùng đến am của Vương Trùng Dương, quỳ xuống xin học đạo. (...) Mã Ngọc nhận lãnh đạo hiệu là Đan Dương. Tôn Uyên Trinh nhận lãnh đạo hiệu là Bất Nhị, ngụ ý là vĩnh viễn không có hai

lòng. Nhận lãnh đạo hiệu xong, cả hai quỳ lạy tạ ân thầy rồi trở về nhà trên.” (tr. 66-67)

Người Hoa hay ghép đạo hiệu với họ (*tính*), nên cũng gọi hai ông bà là Mã Đan Dương, Tôn Bất Nhị.

Khi đặt pháp danh hay đạo hiệu cho trò, thầy thường gói gắm trong đó một ý chỉ sâu xa. Như trường hợp Tứ Tổ Đạo Tín đặt tên cho trò là *Hoằng Nhân*, sau làm Ngũ Tổ Thiên Tông Trung Hoa.⁽¹⁾ Trường hợp ông Mã, đạo hiệu *Đan Dương* 丹陽 ngụ ý gì?

Người tu thiên phải ra công tiêu trừ phần âm trược để tăng trưởng phần dương thanh. Đạo hiệu nhiều vị đạo sĩ đặc đạo thường có chữ *Dương*: thầy của hai ông bà Mã, Tôn là *Vương Trùng Dương*; thầy của ông Vương là *Lữ Tổ* (Lữ Động Tân) còn có đạo hiệu là *Thuần Dương Chân Nhân*...

Đan (*đơn*) trong đạo Lão chỉ sự hòa hiệp âm dương. Phép tu thiên của đạo Lão cũng gọi là *đan đạo*, hay *tu đan*. Kinh sách dạy tu thiên gọi là *đan kinh*. Phòng ngồi tu của hành giả gọi là *đan phòng*. Những yếu tố như âm dương, ngũ hành, tinh khí thần... có sẵn trong cơ thể, đạo Lão gọi là *đan dược* (thuốc tu thiên), người tu vận dụng chúng để luyện cho thành chánh quả. Hành giả dùng lửa (nhiệt) trong cơ thể vận công, luyện đạo thì lửa đó gọi là *đan hỏa*, v.v...

Đan (*đơn*) còn là màu đỏ, đỏ như son. Lòng trung thành gọi là lòng son (*đơn tâm, đan tâm*). Ông Văn Thiên Tường (1236-1283) đời nhà Tống có hai câu thơ bất hủ:

*Nhơn sanh tự cổ thùi vô tử,
Luu thủ đơn tâm chiếu hãn thanh.*⁽²⁾

⁽¹⁾ Chương 5: *Pháp Tài Lữ Địa*, tr. 58.

⁽²⁾ 人生自古誰無死, 留取丹心照汗青.

(Xưa nay thử hỏi ai không chết,
Giữ chút lòng son rọi sử xanh.)

Phải chăng, khi đặt tên trò là Đan Dương, ngoài những hàm ngụ về luyện đạo, hành thiền, Vương Tổ Sư còn muốn chúc lành cho ông Mã trọn vẹn đường tu, chung thủy có trước có sau, không vì khó khăn thử thách mà bỏ đạo nửa đường (*bán đồ nhi phế*)?

Thật vậy, người tu phải có lòng trung thành, không được bỏ đạo, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Đó mới đúng là chân tu. Trong lịch sử truyền giáo Kitô trên thế giới, rất nhiều vị môn đồ của Chúa đã chết thảm vì sự bách hại chứ không bỏ đạo, và các vị đã nên Thánh Tử Đạo (*Martyrs*). Trong lịch sử đạo Cao Đài cũng không ít trường hợp tử đạo như bên Công Giáo.

Khi nhập môn Cao Đài, tín đồ phải thề độc rằng nếu mai kia bỏ đạo thì trời tru đất diệt (*thiên tru địa lục*), nguyên văn:

“Con tên là ..., tuổi ..., từ nay biết một Đức Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp cùng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì thiên tru địa lục.”

Để chúc lành cho bà Tôn sẽ tu hành trọn vẹn, không có lòng hai nên Tổ Sư Vương Trùng Dương đặt cho bà đạo hiệu *Bất Nhị* 不二 (không hai). Ngoài ra, hai chữ Bất Nhị còn có nghĩa cao siêu về đạo học.

Người phạm tục chúng ta sống trong thế giới nhị nguyên nên quen nhìn mọi sự theo óc nhị nguyên (*dualism*), lúc nào cũng thấy mọi sự theo hai mặt đối lập như: cao thấp, còn mất, đạo đời, hơn thua, may rủi, sang hèn, sướng khổ, ta người, tâm vật, thánh phàm, thiện ác, tốt xấu, v.v... Chính thế gian chúng ta đang sống đã tạo cho ta cái nhìn đó và tạo cho ta cách sống là chọn lựa cái này mà buông bỏ cái kia.

Trái lại, bậc đắc đạo đã vượt ra khỏi luật nhị nguyên đối đãi thì các ngài có cái nhìn *bất nhị* của *Bát Nhã Tâm Kinh* (*Prajñā Pāramitā Hridaya Sūtra*). Tâm Kinh có câu:

“Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm...”⁽³⁾

(Vây các pháp ấy không có hình tướng, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt...)

Hoặc, câu này nữa:

“Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc.”⁽⁴⁾

(Sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc. Sắc chính là không, không chính là sắc.)

Nước ròng rồi lớn, hết lớn lại ròng. Trăng tròn rồi khuyết, hết khuyết lại tròn. Khi nhìn với con mắt *bất nhị*, chúng ta thấy tất cả hiện tượng, sự vật trên thế gian tuy đối lập, đối đãi nhưng đều không phải là hai, vì chúng cùng ở trong một đại cuộc tuần hoàn của vũ trụ. Hiểu như vậy chúng ta chẳng ngạc nhiên khi thấy trong thánh giáo Cao Đài, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát dạy:

“Bởi sinh mà biến, bởi diệt mà còn. Sinh diệt, biến hóa đều ở trong chu trình của tuần hoàn Thiên luật.”⁽⁵⁾

Nói cách khác, tính nhị nguyên cũng giống như hai mặt của một đồng xu. Không thể tách rời mặt này ra khỏi mặt kia. Có đủ hai mặt thì đồng xu mới thành hình, mới tồn tại (hiện hữu). Khi ta biết nhìn các mặt đối lập trong thế gian như một song tồn hiện hữu (*simultaneous existence*) của một đồng xu

⁽³⁾ 是諸法空相，不生不滅，不垢不淨，不增不減...

⁽⁴⁾ 色不異空。空不異色。色即是空。空即是色...

⁽⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, ngày 15-7 Đinh Tỵ.

thì ấy là đã biết nhìn bằng cái nhìn bất nhị của chân tâm bát nhã.

Đọc tới đây, biết đâu có người sẽ cả gan ngụy biện rằng với cái nhìn bất nhị thì thiện cũng là ác, mà ác cũng là thiện. Thế nên ai đó có thể tùy thích làm xằng làm quấy, chẳng hề tội lỗi chi hết. Nếu ngụy biện với tà kiến như vậy thì đạo lý ắt đảo điên, luân thường đành bại hoại!

Về cái nhìn *bất nhị*, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát còn dạy:

*Ngày nay thức tỉnh giấc mê,
Biết rằng phiền não, bỏ đề không hai.*⁽⁶⁾

Phiền não và *bỏ đề* là một cặp đối lập. Nói phiền não và bỏ đề không hai tức là ngụ ý phiền não là bỏ đề, bỏ đề là phiền não. Ứng dụng cái nhìn bất nhị này vào cuộc đời thường, người chân tu không vì tìm cầu giải thoát mà chạy trốn cuộc đời, trái lại phải biết vun trồng cội bỏ đề (giác ngộ) ngay tại thế gian (đất phiền não).

Thánh giáo Cao Đài cũng dạy môn đệ biết sống đạo bằng tâm bất nhị như thế:

*Đất phiền não bỏ đề vun xới,
Lìa thế gian sao tới Niết Bàn?*

Tóm lại, đạo hiệu của bà Tôn Bất Nhị hàm chứa cả một nghĩa lý cao siêu của chánh pháp thượng thừa.

2. Sắc (sex) với người tu thiền

Đạo Lão xem *tinh*, *khí*, *thần* là ba món vật báu (*tam bảo*, *tam bảo*), con người nhờ đó mà tu luyện thành Tiên, trường sinh bất tử, thoát khỏi luân hồi. *Tinh* là tinh trùng (*sperm*), liên quan tới thận, dâm dục. Dâm dục làm hao tinh,

⁽⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, ngày 15-7 Đinh Ty.

thân thể suy mòn. Người tu thiền (hành giả) phải tuyệt dục, giới dâm để *bảo tinh* (không cho xuất tinh ra). Giữ cho tinh vững bền, không lọt ra ngoài để nuôi dưỡng mạng sống, đạo Lão gọi là *cố tinh dưỡng mạng*.⁽⁷⁾ Dâm dục phá hoại công đức người tu, nguy hiểm đứng vào hàng đầu, đạo Lão ví nó như cọp dữ.

Khi ông Vương Triết thọ pháp tu Tiên với hai Tổ Sư Chung, Lữ, vừa trở về tới nhà thì việc đầu tiên là ông lập tức “cố thủ” trong phòng đọc sách (thư phòng), lánh xa phòng ngủ để khỏi gần vợ suốt mười hai năm. Chủ ý ngăn ngừa sắc dục.

Trong đạo Cao Đài cũng vậy. Những vị môn đệ nếu đã có gia đình, khi nộp đơn xin tu thiền thì buộc phải kèm theo giấy trắng mực đen xác nhận sự đồng ý của người phối ngẫu (vợ hay chồng). Điều kiện này nhằm giúp kẻ tu chạy khỏi bị người “ngủ mận” quấy nhiễu!

Người muốn tu thiền nên bắt đầu khi tuổi đời chưa già vì già quá thì tinh khô khí kiệt, tu thiền khó kết quả. Thế nhưng, lúc tuổi chưa già mà vợ tu còn chồng không tu, hoặc ngược lại, thì nhiều trường hợp hai bên đương sự phải khéo léo “xử lý nội bộ” cho yên. Tốt nhất là vợ chồng rủ nhau cùng tu, thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn.

Trong Thất Chân Nhân Quả, hai ông bà Mã, Tôn vì cùng đồng lòng nhất quyết tu thiền nên việc giới sắc hóa ra dễ dàng. Hơn thế nữa, người chủ động đề xướng việc giới sắc lại là bà vợ. Hồi Thứ Bảy kể rõ như sau (tr. 67-68):

“Tôn Bất Nhị nói với Mã Đan Dương rằng: ‘Trước khi bái sư học đạo thì hai ta là vợ chồng. Như nay cùng bái sư rồi thì hai ta là đạo hữu, tôi gọi ông là sư huynh, ông gọi tôi là đạo

⁽⁷⁾ 固精養命.

hữu. Người học đạo phải dứt tuyệt ân ái, cho nên phải ở riêng biệt. Tôi không được tới chỗ riêng của huynh, huynh không được tới chỗ riêng của tôi. Có chuyện chi cần bàn bạc, thì sai hai đứa tôi tới mời đến tiền sảnh để nói chuyện.'

Mã Đan Dương nói: 'Cứ làm theo ý đạo hữu đi. Tôi không thể không theo. Đạo hữu có lòng chân, tôi có ý thực. Một năm hay nửa năm không đến phòng riêng đạo hữu, cũng không có trở ngại chi.'

Nói xong, Mã Đan Dương sai Mã Hưng dọn mùng màn chiếu gối ra cái phòng ở hiên phía trước cho ông ở. Từ biệt Tôn Bất Nhị rồi, ông liền ra đó an nghỉ."

Vì sắc dục là một trở lực rất lớn với người tu, cho nên Thất Chân Nhân Quả kể nhiều việc liên quan tới sex. Chẳng hạn, Hồi Thứ Tám chép tỉ mỉ bài giáo pháp Vương Tổ Sư dạy hai ông bà Mã Đan Dương và Tôn Bất Nhị. Về các thứ bệnh mà người tu thường mắc phải, và là bệnh rất khó trị, Tổ có nói tới bệnh sắc dục. Tổ dạy rõ như sau:

"Nói về chữ sắc (sex). Có người biết sắc hại đạo, thế bỏ sắc, nhưng khi thấy sắc thì niệm khởi, lúc đó phải lấy giới luật mà giữ gìn. Có khi người đẹp tự dâng hiến, trao tình, mà mình có ý muốn tư thông, như vậy dù mình vốn chưa tư thông nhưng cái tình đã khởi, thì xem như đã tư thông rồi. Đó là gốc của bệnh về sắc." (tr. 72)

Tổ Sư Vương Trùng Dương nhắc tới giới luật của người tu để gìn giữ đạo hạnh, thoát khỏi chàm bầy sex, vì nó là cửa ải "ngọt ngào" mà lại hiểm nghèo nhất của con người, chẳng kể là giới xuất gia tu hành hay người đạo hữu tại gia. Cho nên từ ngàn xưa, các chánh giáo đều phòng xa cẩn thận, đưa ra giới luật (giới cấm) liên quan tới sex. Chẳng hạn:

* Mười Điều Răn (*The Ten Commandments; Decalogue*)

do Đức Chúa Trời truyền cho Thánh Moses trên núi Sinai, tạo thành nền tảng luân lý của Do Thái Giáo. Trong đó, liên quan tới sex có hai điều sau:

- Điều bảy: Không được ngoại tình.
- Điều mười: Không được ham muốn vợ người ta...

* Sau này Giáo Hội Công Giáo (La Mã) ấn định lại nội dung chuẩn của Mười Điều Răn, trong đó liên quan tới sex có hai điều sau:

- Điều sáu: Chớ làm sự dâm dục.
- Điều chín: Chớ muốn vợ chồng người...

* Trong *Mười Giới* của đạo Bà La Môn (Ấn Độ Giáo), điều thứ tư quy định:

- Không buông thả theo ham muốn (*brahmacharya*).

* Sang thời Phật Thích Ca, Đức Phật áp dụng Ngũ Giới Cấm cho các tín đồ tu tại gia (cư sĩ). Theo đó, giới cấm thứ ba là *bất tà dâm*. Đối với hàng tập sự sa di (từ 18 tuổi trở lên) thì có mười giới và giới thứ ba cũng là *cấm dâm dục*.

* Đạo Cao Đài duy trì Ngũ Giới Cấm của nhà Phật, và giới thứ ba (*tam bất tà dâm*) được Tân Luật Cao Đài ra đời năm 1926 giải thích chi tiết như sau:

"Tam bất tà dâm, là cấm lấy vợ chồng người, thả theo đàng điếm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (vợ chồng không gọi tà dâm)." (Điều Thứ Hai Mười Một)

Giáo lý Cao Đài cho Ngũ Giới Cấm tương đồng Ngũ Thường hay Ngũ Đức (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín) của đạo Khổng. Theo đó, đức thứ ba là *Lễ (propriety)* được hiểu như sau: sự đúng đắn, đúng mực, thích hợp, chính đáng, hợp lý, đúng phép tắc... trong thái độ, hành vi, việc làm, cách cư xử.

Nam nữ không phải vợ chồng mà có quan hệ sắc dục là trái với đạo lý và luật pháp, tức là trái lễ.

3. Một chút má đào, một làn sóng mắt

Trở lại chỗ Vương Tổ dạy về sắc, dịch giả Lê Anh Minh có một chú thích thú vị như sau:

“Nói về chữ sắc 色. Chữ sắc 色 (đàn bà): gồm chữ ba 巴 (gò má) ghép với chữ dao 刀 (con dao), ý nói chút má hồng của phụ nữ là dao bén giết người không thấy máu.” (tr. 72)

Cách chiết tự chữ sắc kèm lưỡi dao bén giết người như trên khiến chúng ta nhớ tới một thiên thoại bên Nhật do thiền sư Vô Trúc Đạo Hiểu (*Mujū Dōkyō*, 1226-1313) kể lại.

Thiền sư Vô Trúc thuộc dòng Lâm Tế, có soạn một tác phẩm nổi tiếng, nhan đề *Sa Thạch Tập* 沙石集 (*Shasekishū*), gồm một trăm lẻ một thiên thoại thâm trầm, lý thú. Sách được dịch sang tiếng Anh, nhan đề *Collection of Stone and Sand* (Góp Nhật Cát Đá), rất được phương Tây hâm mộ.

Thiên thoại thứ tám mươi tám trong *Sa Thạch Tập* nhắc đến một bài thơ tứ tuyệt (bốn câu) tả hai mỹ nhân ở Kinh Đô Phủ (*Kyoto*) như sau:

*Người bán lụa ở Kinh Đô Phủ có hai con gái.
Chị tròn đôi mươi, em vừa mười tám.
Một chiến binh giết người bằng thanh gươm.
Nhưng hai cô giết đàn ông bằng ánh mắt.⁽⁸⁾*

Chả trách dân Việt ta vẫn bảo con gái đẹp ánh mắt sắc như

⁽⁸⁾ Two daughters of a silk merchant live in Kyoto.
The elder is twenty, the younger, eighteen.
A soldier may kill with his sword.
But these girls slay men with their eyes.

dao (bỏ) cau!

Đời Hán Vũ Đế (trị vì 141-87 trước Công Nguyên), vì muốn “tiếp thị” cô em gái tài sắc của mình cho thiên tử, nhạc sư Lý Diên Niên làm bài hát có hai câu tả ánh mắt mỹ nhân như sau:

*Nhất cố khuynh nhân thành,
Tái cố khuynh nhân quốc.⁽⁹⁾*

(Nhìn một cái làm thành trì người ta nghiêng,
Nhìn thêm cái nữa làm đất nước người ta đổ.)

Cho nên, ánh mắt đàn bà đẹp tuy được gọi là *thu ba* 秋波 (con sóng nhỏ mùa thu), nhưng chớ nên coi thường nó! Bề ngoài trông có vẻ êm đềm, lả lẩn, gòn gợn; nhưng luôn ngầm hứa hẹn một trận sóng thần, từng đánh đắm bao khách anh hùng kim cổ đông tây! Chả trách tráng sĩ Tiêu Sơn của nhà văn Khái Hưng (1896-1947) phải ngậm ngùi: “*Than ôi, chí lớn trong thiên hạ, đọng lại không đầy mắt mỹ nhân!*”

Mà dường như Thượng Đế thích rèn luyện, ưa thử thách nội lực người tu trước cạm bẫy sex; thành thử, hầu hết đàn bà đẹp còn được ông Trời phú thêm cái giọng thanh tao, quyến rũ. Không tin cứ nhìn các cô ca sĩ nổi tiếng thì rõ! Khi khen tặng nữ ca sĩ, người ta vẫn bảo các nàng có “thanh sắc”. Bởi vậy, người tu chẳng những dễ chết đứng vì sắc đẹp đàn bà mà còn mau chết ngò vì giọng oanh vàng thỏ thẻ!

Để giúp người tu phương kế thoát ra khỏi cạm bẫy ngọt ngào mà nguy hiểm này, các chánh giáo đều dự phòng ít nhiều biện pháp bảo vệ đệ tử.

Chẳng hạn, trong giới khát sĩ nhà Phật, hàng ngày khi ôm bình bát (*patra*) đi xin ăn, có quy định như sau để ngăn ngừa

⁽⁹⁾ 一顧傾人城, 再顧傾人國.

mắt và tai gây rối:

“*Khi đi khát thực phải trang nghiêm hòa huân, ngó ngay xuống, ngó xa hai bước [chân], chớ ngó liếc hai bên, chớ tìm lóng nghe chuyện người nói, tâm phải niệm Phật.*”⁽¹⁰⁾

Trong phép tu Tiên của đạo Lão và tu thiền Cao Đài, thiền sinh phải đọc bài thần chú Kim Quang, có câu: “*Thị chi bất kiến, thính chi bất văn.*”⁽¹¹⁾ (Ngó mà không nhìn thấy, nghe mà không lọt tai.)

Tám chữ nói trên cũng có trong chương 14 của *Đạo Đức Kinh*. Ông James Legge (1815-1897) dịch ra tiếng Anh như sau (trích):

Thị chi bất kiến... = *We look at it, and we do not see it ...*

Thính chi bất văn ... = *We listen to it, and we do not hear it ...*

Để dễ hiểu sự khác nhau giữa các chữ *thị / kiến (look / see)*, *thính / văn (listen / hear)*, chúng ta lấy hai thí dụ này:

Một người mù ngó (*thị / look*) người đối thoại, nhưng không thấy (*kiến / see*) được gương mặt người đối diện. Một người điếc lóng tai (*thính / listen*), nhưng không nghe (*văn / hear*) được âm thanh. (Suy ra, cách gọi người mù, người điếc là *khiếm thị, khiếm thính* có lẽ không chính xác!)

Tóm lại, để tự phòng thủ trước người đẹp, kẻ tu thiền (hành giả) phải cố làm như mình vừa điếc vừa điếc; nói theo cách tu từ “tréo ngoe” của dân Việt, đó là “*tai ngơ mắt điếc*”.

Nếu biện pháp điếc điếc vẫn chưa đủ hiệu nghiệm, hành giả nên dùng thêm phép “*quán thân bất tịnh*” do Đức Phật Tổ

⁽¹⁰⁾ Thiền viện Minh Đức, luật nghi khát sĩ.

Xem: <http://www.thienvienminhduc.com>.

⁽¹¹⁾ 視之不見，聽之不聞。

Thích Ca Mâu Ni dạy, tức là dùng ý chí mà tự cảnh tỉnh lấy mình rằng mỹ nhân ấy chỉ là hiện tượng lừa dối; còn xét về bản chất hay thực chất, nàng chẳng qua cũng là “*túi da thú*” mà thôi. (Xin lỗi quý chị hoa hậu.)

4. ĐÀN BÀ DỄ CÓ MẤY TAY

Đức Khổng Tử dạy (*Luận Ngữ*, Chương 4, câu 8):

“*Sáng nghe đạo, tối chết cũng cam.*”⁽¹²⁾

Lời dạy này của Đức Khổng cho thấy đạo pháp quý vô cùng. Hai ông bà Mã, Tôn bỏ gia tài, lia thú vui chồng vợ chỉ để đạt được cái đạo vô giá. Nhưng không chỉ có thế, bà Tôn Bất Nhị còn can đảm làm một việc kinh thiên động địa.

Đàn bà xưa nay ở xứ nào cũng đều muốn cho mình đẹp, muốn giữ lâu bền nhan sắc của mình (bởi vậy họ mới được mệnh danh là *phái đẹp*). Nhờ nhu cầu làm đẹp của phụ nữ mà công nghệ mỹ phẩm trên thế giới càng ngày càng giàu sụ.

Năm 2008, Hội Phụ Nữ Công Giáo Trẻ (YWCA: *Young Women's Christian Association*) tại Hoa Kỳ công bố một báo cáo nhan đề “*Đẹp Với Mọi Giá*” (*Beauty at Any Cost*) cho biết phụ nữ Mỹ mỗi năm tiêu tốn khoảng bảy tỷ đô la chỉ để mua mỹ phẩm (chưa tính các dịch vụ làm đẹp). Cũng theo YWCA, số tiền đó, nếu tiết kiệm bình quân mỗi tháng một trăm đô trong suốt năm năm thì thừa sức giúp một sinh viên trả trọn vẹn chi phí một năm ăn học tại đại học công lập Mỹ.

Nhưng bà Tôn Bất Nhị là một mỹ nhân phi thường. Để được học đạo và đắc đạo, gia tài kếp xù bà coi là chuyện nhỏ, ái ân bà không quyên luyến, và sắc đẹp với bà cũng chẳng thành vấn đề hệ trọng. Thất Chân Nhân Quả (Hồi Thứ Mười) cho chúng ta biết sự việc ly kỳ như sau:

⁽¹²⁾ Triều văn đạo, tịch tử khả hỷ. 朝闻道，夕死可矣。

Một hôm nhân lúc chồng đi vắng, bà tìm đến chỗ Vương Tổ Sư và nói:

“Đệ tử muốn học đạo của bậc Thiên Tiên thượng thừa.”

Vương Trùng Dương cười nói: “Tâm ngươi rất lớn, sợ chỉ không bền.”

Tôn Bất Nhị đáp: “Tâm không lớn, mà chí thì rất bền. Thân này có thể diệt, mà chí thì không thể bị ai đoạt được.”

Vương Trùng Dương nói: “Người tu đạo phải được cái linh khí của núi non sông nước, do đó phải chọn đất lành. Nay ở huyện Lạc Dương phía đông, linh khí đang thịnh, xuất hiện một vị Chân Nhân. Nếu tới đó tu luyện, tu được mười hai năm thì thành đạo. Ngươi đi được chăng?”

Tôn Bất Nhị đáp: “Đệ tử nguyện đi.”

Vương Trùng Dương ngắm Tôn Bất Nhị một cái, rồi lắc đầu: “Đi không được! Đi không được!”

Tôn Bất Nhị nói; “Đệ tử bỏ chết quên sống, làm sao mà đi không được?”

Vương Trùng Dương nói: “Từ đây đến Lạc Dương xa hơn ngàn dặm, trên đường có không ít kẻ phong lưu phóng đãng, đùa liễu mạng cũng nhiều. Nếu chúng nhìn thấy ngươi mặt xinh đẹp như hoa như ngọc, lẽ nào chúng chẳng động lòng. Việc nhỏ thì buông lời trêu ghẹo, việc lớn thì làm ô nhục thân ngươi. Ngươi bản tính trinh liệt, lẽ nào cam chịu ô uế, tất liễu chết để giữ vẹn danh tiết. Vốn muốn cầu trường sinh bất tử, mà trở lại tự làm mất mạng. Do đó ta nói ngươi không đi được.”

Tôn Bất Nhị nghe xong, trầm ngâm một lát, rồi không chào thầy, bà rời am cỏ, đi thẳng xuống nhà bếp. Báo mọi người đi ra ngoài hết rồi, bà lấy chảo bắc lên bếp, đổ dầu ăn vào. Đợi dầu sôi, bà cầm chén nước lạnh trên tay, nhắm hai mắt lại,

tâm can cứng rắn. Bà đưa mặt hướng vào rồi đổ chén nước vô chảo. Dầu đang sôi gặp nước lạnh phùng lên, bắn những giọt dầu sôi làm mặt bà phồng hết. Tôn Bất Nhị chịu đựng đau đớn, đi tới am cỏ, hỏi thầy: “Đệ tử mặt mũi thế này, có đi được không?”

Vương Trùng Dương cười: “Hay quá! Hay quá! Đòi mấy ai có chí lớn thế này. Thật chẳng uống công ta tới Sơn Đông lần này.” (tr. 92-93)

Việc bà Tôn Bất Nhị quyết chí tự hủy nhan sắc để đường tu khỏi dang dở khiến chúng ta nhớ tới một sự kiện tương tự bên Nhật.

Truyện thứ năm mươi trong quyển *Sa Thạch Tập* của thiên sư Vô Trú chép rằng tướng quân Tín Huyền (*Shingen*) có một cháu gái rất xinh đẹp, giỏi thơ phú. Nàng được tiên cung năm mười bảy tuổi để hầu cận Hoàng Hậu.

Khi vị mẫu nghi thiên hạ qua đời, nàng thức tỉnh và thấm thía ý nghĩa hai chữ vô thường (cuộc đời không có gì là trường cửu), nó không chừa một ai và cũng không hẹn giờ hẹn ngày với ai.

Nàng muốn đi tu nhưng gia đình không chịu, buộc phải lấy chồng. Nàng ra điều kiện: Sau khi sinh cho nhà chồng ba đứa con, mọi người phải để nàng xuất gia tu hành. Trước năm hai mươi lăm tuổi, người phụ nữ tài sắc này mới được toại nguyện.

Nàng cạo đầu, tự lấy đạo hiệu là Liễu Nhiên 了然 (*Ryonen*), nghĩa là đã giác ngộ rồi. Sau đó, nàng bắt đầu tìm tới các thiền viện danh tiếng để cầu học đạo pháp giải thoát.

Kinh đô nước Nhật bây giờ là Giang Hộ (*Edo*: cửa sông; nay gọi là *Tokyo*, tức Đông Kinh Đô). Tại đây, nàng xin thiên sư Thiết Ngưu 鐵牛 (*Tetsugyu*: trâu sắt) thọ nhận làm đệ tử.

Thoáng nhìn thấy dung nhan xinh đẹp của nàng, sư liền lắc đầu nguây nguây.

Sự lo xa của thiền sư Thiết Ngưu không phải là thừa. Mặc dù nhiều người đã xuất gia tu hành, nhưng vẫn chưa thể dễ dàng diệt hết tâm phàm tục, nên vẫn còn bị sex chi phối.

Cũng trong *Sa Thạch Tập*, truyện thứ năm chép về ni cô Hòa Thuận 和順 (*Eshun*) đang tu với một thiền sư. Bây giờ thiền viện còn có hai mươi vị thiền sinh nữa. Vì Hòa Thuận quá đẹp, một số thiền sinh không khỏi đem lòng mơ tưởng, yêu thâm nhớ trộm.

Có anh bạo gan, viết cho ni cô Hòa Thuận lá thư tình mùi mẫn và xin được hò hẹn ở một chỗ riêng tư. Hòa Thuận không thèm trả lời.

Ngày hôm sau, đợi thiền sư vừa kết thúc buổi giảng pháp, ni cô bước ra giữa giảng đường, trước mặt sư phụ và các đồng môn, nàng nhìn thẳng vào mặt kẻ gởi thư, nói đồng dục:

“Nếu sư huynh thực sự yêu tôi thắm thiết thì ngay bây giờ hãy bước ra đây ôm tôi đi!”

Dĩ nhiên anh chàng xấu hổ co vùi rụt cổ; từ đó ni cô mới được yên ổn tu hành.

Trở lại với ni cô Liễu Nhiên. Sau khi bị thiền sư Thiết Ngưu khước từ, nàng tìm đến thiền sư Bá Phu 伯夫 (*Hakuo*). Nhưng sư cũng lắc đầu, bảo rằng sắc đẹp của nàng sẽ làm cho thiền viện rối lên, các học trò khó giữ lòng thanh tịnh tu hành.

Liễu Nhiên bèn trở ra ngoài, tìm một bàn ủi nóng áp lên mặt rồi trở lại gặp thiền sư Bá Phu. Dĩ nhiên bây giờ sư không còn lý do gì để từ chối nàng nữa.

Do sự kiện này, ni cô Liễu Nhiên sáng tác mấy câu thơ và viết lên mặt lưng tấm gương soi như sau:

*Khi còn hầu Hoàng Hậu, ta đốt trầm thơm xông xiêm y ta
lộng lẫy.*

*Nay làm khát sĩ không nhà, ta đốt gương mặt để bước vào
thiền viện.⁽¹³⁾*

*

Sau khi tự hủy nhan sắc, được Vương Tổ Sư truyền cho bí quyết tu thiền, bà Tôn Bất Nhị theo kế của thầy liền giả điên giả khùng, trốn nhà đi tới Lạc Dương. Bà nương nấu trong một lò gạch hoang phế, tu ráo riết mười hai năm thì thành chánh quả (tr. 182), là người đầu tiên trong nhóm Thất Chân đắc đạo. Ông Mã Đan Dương là người thành đạo kế tiếp.

Sau này, hai ông bà về châu Thượng Đế, được xét công hạnh tu tập và được ban phong quả vị: Ông Mã là Vô Vi Phô Hóa Chân Quân, và bà Tôn là Huyền Hư Thuận Hóa Nguyên Quân (tr. 247).

25-7-2011

⁽¹³⁾ In the service of my Empress I burned incense to perfume my exquisite clothes. / Now as a homeless mendicant I burn my face to enter a zen temple.

Chương 7
TUỔI TRẺ ĐẦU XANH
TÌM XUÂN TRƯỜNG CỬU

1. Tuổi trẻ chí lớn

Thất Chân Nhân Quả, Hồi Thứ Mười Hai, bắt đầu thuật về chàng tuổi trẻ Khuru Xứ Cơ. Năm mười chín tuổi (1167), Khuru tìm tới Mã gia trang thì Vương Tổ đã thu nhận thêm Đàm Xứ Đoan, Lưu Xứ Huyền, Vương Xứ Nhất, Hác Đại Thông. Như vậy đủ số bảy vị tông đồ theo tiền định, đúng như lời báo trước của hai vị Chung Tổ và Lữ Tổ. Trong nhóm, lớn tuổi hơn cả là bà Tôn (sinh năm 1119). Hai ông Mã và Đàm ngang tuổi (1123), họ Vương trẻ hơn (1142). Suýt soát nhau là hai vị Lưu (1147), Khuru (1148). Riêng họ Hác thì sách sử ghi năm sinh không giống nhau (1140, 1149).

Lai lịch và cốt cách khác phàm của ông Khuru trẻ tuổi được kể như sau (tr. 108-109):

Ở thôn Đậu, huyện Thê Hà, phủ Đặng Châu, tỉnh Sơn Đông, có một người tên Khuru Xứ Cơ, hiệu Khải Phát. Cha mẹ mất sớm. Nhà có ba anh em: Anh cả tên Khải Minh, anh kế tên Khải Hưng, ông là em út.

(...) Anh chị nhiều lần khuyên ông đọc sách cầu công danh, ông liền đáp rằng đọc sách là để thấu triệt đạo lý, chứ đâu phải để cầu danh tranh lợi.

Anh chị muốn ông lấy vợ, nhưng ông kiên quyết từ chối: ‘Nam nhi chưa tự lập, lẽ nào để hôn nhân buộc ràng?’

Ông Khuru bộc lộ chí hướng (tr. 109):

“Người ta sống trên đời, nếu không tìm con đường thoát, mà cứ cầu danh tranh lợi, yêu vợ mến con, một mai quý vô thường tới, thì muôn việc đều là không. Người đời xem thế sự là chân thật, nhưng ta xem nó là mây nổi, là sương sớm, là bọt nước, là ảo ảnh mà thôi.”

Người sớm có tâm tư đó thì sớm muộn gì cũng phải đi tu. Khi nghe lời đồn về đạo trường của Vương Tổ tại nhà ông Mã ở huyện Ninh Hải, ông Khuru liền trốn anh chị, trong đêm bỏ nhà tìm đạo, chẳng khác chi Thái Tử Sĩ Đạt Ta Cồ Đàm (*Siddhārtha Gautama*) nửa khuya lên ra khỏi hoàng cung.

Khi ông Mã đưa ông Khuru đến trình diện Vương Tổ, ngay từ đầu Tổ đã tỏ ra lạnh nhạt với chàng trẻ tuổi. Tổ ngắm ông Khuru rồi lắc đầu đuôi về. Ông Khuru và ông Mã nài cầu, năn nỉ, nhưng Tổ vẫn quyết liệt (tr. 110):

“... gốc khổ của hẩn rất nặng, sợ sau này hẩn không vượt qua được nạn ma, thì hẩn thôi chí nản lòng. Chi bằng đừng nhận hẩn thì hơn.”

Đó là lời tiên tri con đường tu luyện của ông Khuru, trải trật gian nan nhất trong nhóm bảy vị tông đồ của Vương Tổ.

Ông Mã lén thầy cầm giữ chàng trai ở lại, định bụng có cơ hội sẽ nài xin thầy.

Ngày nọ, ông Khuru theo các sư huynh đến nghe Vương Tổ giảng đạo. Tổ dạy (tr. 111):

“Đời xem ta là dị nhân. Ta lẽ nào là dị nhân? Chẳng qua ta dại, ta tầm thường, ta ngu. Tại sao ta ngu? Vì ta không tham lam ganh ghét. Tại sao ta dại? Vì ta không vọng tưởng. Không biết mưu này kế nọ, không biết xảo quyết, tức là ngu. Không nói điều quái dị, không lạc chỗ trần tục, tức là tầm thường.”

Người đời chê ta dại, cười ta ngu, trách ta tầm thường. Trái lại ta muốn lấy cái quá dại, quá ngu, quá tầm thường của ta mà giác ngộ cho người đời.”

Lời lẽ trên nhắc chúng ta nhớ tới *Đạo Đức Kinh*:

Mọi người đều có thừa, riêng ta như thiếu thốn; lòng ta ngu muội, đần độn thay! Người đời sáng rõ, riêng ta tối tăm...⁽¹⁾

Rồi Vương Tổ Sư dạy tiếp đoạn này (tr. 111-112):

“Các người không biết được tâm thì sẽ không biết Đạo. Cho nên người tu đạo trước tiên phải luyện tâm. Nên luyện cho tâm chưa phát. Tâm phát rồi là cái tâm rong chơi, phóng túng, đầy tạp niệm. Nếu tâm đã phát rồi, thì phải khiến nó im lìm bất động, bèn giữ tâm, định tâm, thu tâm.

(...) Phải khiến cho cái tâm này trống không, chẳng có một vật gì. (...) Cái tâm khởi lên thì không gọi là tâm, mà gọi là niệm. (...) Tâm là chủ của cái thân. Tâm có một chứ không có hai. Nếu khởi hai lòng thì gọi là niệm. Cái niệm này ngay khi khởi lên thì sinh ra nhiều việc hư vọng, mà tâm cũng không thể làm chủ được nữa, khiến cho thân bị hãm vào chỗ chìm đắm.”

Nghe tới đó, ông Khuru thích quá, nói lớn: “Tuyệt diệu! Tuyệt diệu!” Tổ giận, lườm ông rồi không thềm giảng tiếp. Bị các sư huynh trách cứ nhưng ông Khuru không để bụng, cứ thân nhiên theo lời thầy mà luyện tâm: “*mỗi ngày ông kiểm điểm tâm mình, xem nó có lỗi hay không có lỗi, có sai hay không có sai.*” (tr. 113)

⁽¹⁾ Chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di; ngã ngu nhân chi tâm dã tai, độn độn hề! Tục nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn... 眾人皆有餘，而我獨若遺；我愚人之心也哉，沌沌兮！俗人昭昭，我獨昏昏...(Chương 22).

Cách phản tỉnh của ông Khuru khiến chúng ta nhớ tới một đại môn đồ của Đức Khổng Tử là thầy Tăng Sâm. *Luận Ngữ* chép lời thầy Tăng Tử như sau:

Mỗi ngày tôi nhắc nhở mình ba điều: Làm việc giúp ai có hết lòng không, chơi với bạn có thành tín không, lời thầy dạy có thực hành không.⁽²⁾

Cuối cùng, thuận theo lời xin của các môn đồ, Vương Tổ Sư chấp thuận cho ông Khuru làm học trò. Tổ bảo (Hồi Thứ Mười Ba, tr. 115):

“Nào phải ta không muốn nhận hấn. Chỉ sợ hấn tâm không chân thành, lỡ gặp nạn ma thì hấn sinh lòng chán nản. Lúc đó đạo tu chẳng thành, trái lại còn mắc tội nữa. Chi bằng không nhận hấn thì hơn.”

(...)

“Các người hai ba lần xin giùm cho hấn. Ta cũng đành niệm tình thu nhận vậy. Các người nên lo cho hấn. Ta ban cho hấn đạo hiệu là Trường Xuân.”

Đạo hiệu *Trường Xuân* 長春 nghĩa là xuân dài, xuân bền bỉ, xuân trường tồn. Tại sao Tổ cho ông Khuru hiệu này?

Khi đến với Tổ, ông mới mười chín tuổi, là một trang thanh niên thông minh lanh lợi. Ông đến với Tổ đang lúc tuổi xuân phơi phới để cầu đạo giải thoát sinh tử luân hồi. Nếu ông đắc đạo, tuổi xuân của ông không bao giờ mất đi, mùa xuân của ông trường tồn miên viễn. Ngược lại, những người không tu, tuổi xuân của họ chỉ giới hạn theo tháng năm; họ sẽ mau chóng già nua, bệnh tật rồi lìa đời, và sẽ tái sinh và tiếp

⁽²⁾ Ngô nhật tam tỉnh ngô thân: Vị nhân mưu nhi bất trung hồ, dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ, truyền bất tập hồ. 吾日三省吾身：為人謀不忠乎？與朋友交不信乎？傳不習乎？(Chương 1, câu 4)

tục lần quần trong vòng Tứ Khổ (sinh, lão, bệnh, tử) như Đức Phật Thích Ca đã dạy.

Đạo hiệu Trường Xuân được ban cho chàng thanh niên họ Khuru khiến chúng ta nhớ tới một đoạn thánh giáo Cao Đài. Đức Đại Tiên Cao Triều Phát dạy:

“Trời có xuân, hạ, thu, đông, cuộc thế có sanh, trưởng, thâu, tàng, mà mùa xuân là mùa vạn vật hồi sinh ấm áp, trải qua mấy lúc đông thiên. Còn trong một đời người, tuổi thanh niên là mùa xuân, là phát huy, là sáng tạo. Do đó, thanh niên cần phải được vun quén, tổ chức, giáo dục, chăm sóc và thúc phát mọi mặt. Người đi trước hãy dọn đường sửa lối cho kẻ theo sau, làm thế nào khai thác những mầm sinh, những khả năng từ thuở thanh thiếu niên, vì thanh thiếu niên là những gì đang chờ đợi kết quả ở tương lai.”⁽³⁾

Ngay từ đầu Tổ đã cố tình lạnh nhạt, hắt hủi chàng trẻ tuổi. Thời gian sau cũng vậy, vì Tổ có chủ ý sâu xa, muốn rèn luyện, mài giũa, dọn đường sửa lối cho người học trò mà Tổ thương yêu nhưng lại giấu kín tình thương ấy, để rồi luôn đối xử với học trò nghiêm khắc đến mức tưởng như tàn nhẫn. Các đệ tử khác cũng phải lấm phen ái ngại thay cho sư đệ của mình.

Ngày xưa, cha hiền thương con vẫn hay dạy con nghiêm khắc, thế nên văn học cổ gọi cha là *ng nghiêm đường* 嚴堂. Khuru Trường Xuân sớm mồ côi, nay đã có Vương Tổ Sư là thầy giỏi mà đồng thời cũng là cha hiền. Tổ chủ tâm rèn luyện cho ông Khuru trở thành một *đạo khí* 道器 tức là công cụ hiệu quả phục vụ cho đạo pháp mai sau. Ông Khuru là một thanh thép tốt, nhưng cần có thợ rèn giỏi tôi luyện, đập mài, cạo gọt kỹ càng mới trở thành món lợi khí giúp chúng sinh sau này.

⁽³⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 08-02-1967.

Ông Khuru tư chất hơn người lại trẻ tuổi, giác ngộ đi tu khi chưa nhiễm mùi đời (chưa hao phí chân dương khí lực vào cuộc vui với phấn son yêu điệu). Như thế ông dễ tu chứng mà cũng dễ đổ vỡ, nếu không có cao thủ rèn cặp.

Vương Tổ Sư thường hay nhieác mắng ông thậm tệ trước mặt đồng môn là chủ ý làm sẵn cái thảng, bộ phanh hãm bớt “tốc độ” của ông, kéo cái xe tốt lao nhanh quá, e sẽ có điều bất trắc. Nói cách khác, ngay từ đầu Tổ đã làm sẵn bộ hàm thiếc và dây cương để kềm chế con ngựa hay, ngựa giỏi nhưng còn non, đang sung sức...

Nếu không nhận ra lòng thương học trò bao la của Tổ, người đọc Thất Chân Nhân Quả hời hợt dễ hiểu lầm, nghĩ quấy rằng thầy Vương là bậc Đại Tiên mà có sao bụng dạ xấu quá, ác quá! Chúng ta thử đọc lại Hồi Thứ Mười Ba, ngẫm nghĩ ý tứ sâu xa của Tổ khi làm ra vẻ giận dữ, điếm mặt ông Khuru mà mắng (tr. 119):

“Ngươi nghe đạo không tiến, biết lý không ngộ, hiển lộ thông minh, phô bày linh lợi, không thể nhẫn nại, không biết ẩn giấu, đem trí xảo làm quấy, không phải là đạo khí (công cụ của đạo). Ta mấy lần thuyết pháp, bị ngươi phạm quy củ. Nay ta phải đi đông nam, để xa lánh ngươi, kéo bị ngươi quấy rối.”

Ý Tổ dạy ông Khuru phải biết *thao quang hồi tích* (che bớt ánh sáng và làm mờ dấu tích), chính là cách của Thánh Nhân: ẩn giấu phần hay của mình mà làm ra vẻ tầm thường ngu muội. Đó cũng là ba chữ *tỏa kỳ nhuệ* (làm nhạt bén nhọn) mà Đức Lão Tử dạy trong *Đạo Đức Kinh* (Chương 56).

Ông Khuru trẻ người nhưng không non dạ. Thầy càng mắng nhieác thậm tệ chừng nào, lòng ông vui thêm chừng nấy. Ông hiểu hết bụng thầy, nên thầy càng làm ra vẻ hắt hủi thì ông càng đeo bám thầy không chịu buông bỏ. Bởi thế, lúc Vương

Tổ kéo róc nhóm đệ tử ruột rời khỏi Mã gia trang, ông Khuru cũng lật đặt cuốn gói đi theo.

Thấy vậy, Mã Đan Dương nói: “Thầy không chịu nổi anh, nên mới ra đi. Nay anh đi theo, thầy chắc giận lắm.”

Khuru Trường Xuân nói ngay: “Đâu phải thầy không chịu nổi tôi, mà thầy muốn tôi học tốt thôi. Nay tôi không đi theo thầy, thì phụ lòng tốt của thầy.” (tr. 120)

Ôi! Trò như ông Khuru nên mới có thầy như Vương Tổ. Cách Tổ rèn giữa chàng thanh niên họ Khuru khiến chúng ta suy gẫm thêm hai chữ *thúc phát* mà Đức Đại Tiên Cao Triều Phát đã dùng trong thánh giáo dẫn trên:

“Do đó, thanh niên cần phải được vun quén, tổ chức, giáo dục, chăm sóc và thúc phát mọi mặt.”

Phải chăng *thúc phát* hàm ngụ ý nghĩa là song song việc *phát triển, phát huy* những tiềm năng tuổi trẻ, còn phải nhớ *kềm thúc* thanh niên, vì họ còn thiếu trải nghiệm, dễ nông nổi, hay bốc đồng mà thường làm hư việc lớn?

2. Ma chướng cản đường tu

Ngày xưa, khi dạy học trò, Đức Không Tử có phương châm này:

Kẻ nào chẳng gắng sức để hiểu thông, thì ta chẳng giúp cho hiểu thông được. Kẻ nào không cố gắng tỏ bày ý kiến, thì ta chẳng giúp cho phát triển được. Kẻ nào biết một góc mà chẳng chịu tìm hiểu thêm ba góc kia thì ta chẳng dạy cho.⁽⁴⁾

Ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Ngọc Hoàng

⁽⁴⁾ Bất phẫn, bất khái. Bất phi, bất phát. Cừ nhất ngưng bất dĩ tam ngưng phân, tắc bất phục dã. (Luận Ngữ, Chương 7, câu 8)
不憤不啓; 不悱不發; 舉一隅不以三隅反, 則不復也.

Thượng Đế dạy môn đệ Cao Đài như sau:

“Thầy đã nói cho các con hay trước rằng, nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng.

Ấy vậy, cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó. Thấy vì công lý mà khai Đạo cho các con, cũng là một phúc hạnh lớn cho các con. Nếu Thầy còn đưa tay bồng ẵm thì các con chẳng còn để ý chịu nhọc vì Đạo.”⁽⁵⁾

Vương Tổ Sư cũng không thể “bồng ẵm” các đệ tử hoài. Cho nên, sau khi đã truyền trao tạm đủ “vốn liếng” cho các tông đồ, xem như Tổ làm xong giùm “một góc”; còn lại “ba góc” thì Tổ để cho học trò tự lực hoàn thành, đúng theo phương châm của nhà giáo họ Không.

Để có cơ chia tay, Tổ bèn giả chết (Hồi Thứ Mười Lăm). Bấy giờ bà Tôn đang tu ở lò gạch bỏ hoang tại Lạc Dương, ông Mã ở lại Ninh Hải (Sơn Đông) giữ nhà, chỉ có năm đệ tử đưa quan tài về quê thầy an táng tại Thiểm Tây.

Xong việc, các ông không quay lại Sơn Đông vì không muốn tiếp tục làm tốn thêm tiền bạc ông Mã. Năm anh em bàn bạc với nhau, mỗi người một phương tìm chỗ tu hành. Thế là ông Lưu đi hướng đông nam; ông Vương, tây nam; ông Đàm xuôi nam; ông Hác về đông. Ông Khuru không biết đi đâu, đành ở lại Thiểm Tây xin ăn qua ngày (tr. 139).

Hồi Thứ Hai Mươi Hai (tr. 191-192) kể rằng buổi trưa nọ ông Khuru ghé nhà một ông thầy tướng số xin ăn. Ông vừa được người nhà dọn cho đĩa bánh, chưa kịp ăn, thì gia chủ bước ra bảo đem trở vô gần hết, chỉ chừa lại hai cái.

Ông Khuru hỏi: “Em nhỏ đem thức ăn cho bản đạo để tạo

⁽⁵⁾ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, đàn ngày 15-4-1927.

duyên lành, có sao ông bảo nó mang bót vào? Chẳng hay ông tiếc của hay là bản đạo không đáng hưởng? Xin ông nói cho rõ, chớ ngại.”

Chủ nhà đáp: “Hồi nãy tôi xem tướng đạo trưởng, thấy tướng này ăn không no được. Hễ ăn no một bữa thì phải bị đói mấy bữa. Chẳng bằng ăn ít một chút mà luôn có ăn. Đó là ý tốt của tôi, chứ tôi chẳng tiếc bữa ăn với đạo trưởng.”

Nghe vậy, ông Khuru hỏi tiếp: “Xin ông xem lại lần nữa, tướng tôi tu hành có thành đạo hay không.”

Than ôi! Ông Khuru mở miệng hỏi câu ấy là đã vướng vào ma chướng, là những chướng ngại làm cản trở đường tu.

Đức Phật Tổ (Thích Ca Mâu Ni) dạy môn đệ tu theo *Bát Chánh Đạo*, trong đó nội dung thứ năm là *Chánh Mạng* (phải hành nghề chơn chánh nuôi thân). Đối với Phật tử, thực hành chánh mạng thì không được làm thầy bói, thầy tướng số. Như thế cũng đồng nghĩa không được đi coi bói coi tướng hay xem tử vi! Không được mua mấy cuốn sách bói toán linh tinh vẫn hay bày bán trước cổng mấy chùa lớn!

Nguyễn Du bảo:

*Ma đưa lối quỷ đem đường,
Lại tìm những chốn đoàng trường mà đi.*⁽⁶⁾

Đúng thế! Ông Khuru tới lúc bị ma quỷ thử thách (ma khảo) nên trời xui đất khiến mới ghé xin ăn đúng nhà của tay coi tướng số! Thế rồi “thần khẩu hại xác phàm” nên ông mới mở miệng xin coi tướng để biết mình tu hành sẽ đắc đạo hay thất bại! Câu hỏi của ông đã sai quấy từ căn bản rồi. Tu được hay không tu được là do chính mình có quyết tâm quyết chí, có làm đúng theo sự phụ dạy dỗ hay không, chứ phải đâu do

⁽⁶⁾ *Kiều*, câu 2665-2666.

tướng mạo, định mạng!

Bởi ông Khuru trót lỡ buột miệng hỏi quấy mà tay tướng số mới có dịp phán ra mấy câu giết người mà không thấy máu me như sau (tr. 192):

“Xem tướng đạo trưởng thấy hai bên đầu mũi có hai nếp nhăn chạy vào miệng, sách gọi là đằng xà tóa khẩu (rắn bay khóa miệng), ứng vào thế chết đói. (...) Tai ách này không tránh được thì sao thành đạo được?”

Lại hỏi: “Tướng mệnh có thể sửa đổi được không?”

Đáp: “Cái tướng đã định vậy thì suốt đời như vậy. Làm sao sửa đổi được? Chừng nào chết thì thôi.”

Luận Ngữ (13:15) bảo: *Một lời nói mà làm cho nước suy vong. (...) Một lời nói mà làm cho nước hưng thịnh.*⁽⁷⁾

Thế nên trong nghi thức tụng kinh của Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu) có bài *Tịnh Khẩu Chú* răn dạy như sau:

*Lời ăn nói là nơi lỗ miệng
Tiếng luận đàm liệu biện đề phòng
Giữ gìn miệng đặng sạch trong
Thốt lời mình chánh, rèn lòng tụng kinh.*

Kinh *Sám Hồi* của Minh Lý Đạo (và được dùng trong Cao Đài) khuyên:

*Gìn lòng ngay thẳng thật thà,
Nói năng mình chánh, lời ra phải nhìn.*

Nghĩa là *phải nhìn* thấy trước (lường trước) hậu quả lời phát ngôn của mình. Nói năng bừa bãi tránh sao khỏi lãnh lấy khẩu nghiệp.

⁽⁷⁾ Nhất ngôn nhi táng bang. [...] Nhất ngôn nhi hưng bang. 一言而喪邦. (...) 一言而興邦.

Ông thầy tướng kia không tu theo Bát Chánh Đạo của Phật, dĩ nhiên cũng chưa biết đọc Tịnh Tâm Chú hay tụng Kinh Sám Hối của Tam Tông Miếu, cho nên mới thân nhiên phán ra mấy câu nói cực kỳ tai hại, bất kể hậu quả.

Ông Khuru nghe thầy tướng số bàn nhảm thì không khỏi *“kinh hãi, nhiệt tâm hóa thành tro lạnh, lòng tu hành chán nản như ngôi sọt băng tan”* (tr. 194). Ông tìm một chỗ núi vắng, quyết chí nằm bên khe nước, nhịn đói chờ chết! Ấy là muốn tự kết liễu đời mình, cũng sai chánh pháp! Người tu không được tự hủy diệt sinh mạng cho dù bất kỳ hoàn cảnh nào.

Nằm bên khe chín ngày rốt cuộc không chết, ông Khuru leo lên núi cao nhịn đói khoảng tám, chín ngày nữa, vẫn không chết. Ấy là nhờ chư thần hộ pháp bảo vệ người tu, dù khuất mặt (vô hình) vẫn phù trợ bằng cách tạo nhân duyên xui khiến cho người đến cứu. Ông Khuru vẫn quyết chết, bèn tính cách khác (tr. 200):

“Ông xuống núi xin ăn hơn một tháng, có được hai trăm quan tiền, liền đi mua một dây xích sắt và một ổ khóa. Ông mang theo dây xích và khóa bên mình, đi tìm một chỗ không có miếu, cách xa đường lộ, xung quanh toàn cây cối. Đây là chỗ trong rừng sâu, không ai lai vãng, cỏ thụ vút trời, gai góc khắp nơi. Ông lấy một đầu dây xích cột trên cây, một đầu thì quán vào cổ ông, khóa lại. Ông ném chìa khóa văng mất, rồi nằm xuống bên gốc cây, tự nhủ lần này là chết chắc rồi.”

Không ngờ ông làm vậy khiến kinh động thượng giới. Đức Thái Bạch Kim Tinh biến ra một người hái thuốc, đi tới chỗ ông nằm, hỏi: “Thầy phạm tội gì vậy? Ai khóa thầy vào gốc cây này?”

Lần đó, nhờ Đức Thái Bạch Kim Tinh giáng phàm giải mê, Khuru đạo sĩ mới diệt tan ma chướng, phục hồi chánh niệm,

rồi tu tiếp cho đến khi đắc thành chánh quả.

Trong Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân (đời Minh), thường kể những lúc thầy Đường Tăng gặp nguy hay Tề Thiên bí kếp, đều có Đức Thái Bạch Kim Tinh (tức là Trường Canh Lý Bạch) kịp thời hiện ra cứu hộ. Cho nên không lạ khi ông Khuru lâm vào cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” thì có Đức Thái Bạch Kim Tinh từ bi hiện ra giải nguy.

Ngày nay, Đức Thái Bạch Kim Tinh là Nhứt Trần Oai Nghiêm thay mặt cho Giáo Tổ Tiên Đạo, đồng thời là Giáo Tông Vô Vi (*Spiritual Pope*) Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài thường cận kề ám trợ kẻ chân tu, và khuyên môn sanh Cao Đài những khi cõi lòng điên đảo hãy thành tâm niệm danh Ngài...

Ở trần gian (hạ giới, giới ba), môn sanh Cao Đài kính thành (kiền thiên) xưng tụng Ngài như sau:

*Kiền thiên vọng bái Trường Canh
Tây phương Thái Bạch Kim Tinh tiên tòa
Rộng lòng bác ái gần xa
Rộng lòng điều dắt giới ba ngây khờ...*

3. Khổ tu và chánh quả

Hồi Thứ Hai Mười **Bốn**, ông Khuru tới Bàn Khê, nơi đây có con suối rộng băng ngang lộ mà không có cầu. Lòng suối cạn không đi ghe xuống được, chỉ có thể lội qua. Ông Khuru bèn làm công quả, ai không dám lội qua thì ông công giúp miễn phí. Ai cho tiền thì ông nhận vài đồng mua cơm ăn qua ngày.

Khi nước suối rút cạn thì ông đi xin ăn. Xin được rồi, nếu gặp ai đói, ông nhường luôn cho họ, bản thân nhịn đói. Nếu ngày nào mưa gió tuyết rơi, không đi xin ăn được, cũng đành chịu đói. Trong sáu năm tu ở Bàn Khê ông bị đói hơn trăm lần. Đói lớn bảy mươi hai lần, đói nhỏ vô số kể (tr. 204-205).



Khuru Trường Xuân công người qua suối.

Ông tu chí thành nên bắt đầu đạt được thần thông, bèn cỡi mây bay tới gặp tay tướng số năm xưa để chứng minh rằng tiên tri sai bét (tr. 207-208). Nào ngờ, chỉ vì chút háo thắng ấy mà khi trở về chỗ ẩn tu ông lại bị ma quỷ cám dỗ, thử thách.

Trong lúc tọa thiền (*công phu*) ông liên tiếp gặp những cảnh ảo như sau (tr. 209-210):

- Thấy mình ở trong núi, bỗng có hai con cọp dữ muốn vồ.
- Thấy Mã Đan Dương tới thăm.
- Thấy nhiều người mang lúa, mang tiền tới trả ơn ông đã công họ qua suối.
- Thấy cô gái chừng mười bảy, mười tám tuổi tới khóc lóc, cầu cứu vì bị mẹ ghê đánh đập độc ác.
- Thấy chị dâu dắt mấy đứa cháu tới cầu cứu, nói anh ông

chết rồi, nhà cửa vườn tược bị họ hàng chiếm, khiến các cháu thiếu ăn, thiếu mặc.

- Thấy hai đồng tử dẫn con hạc trắng đến truyền lệnh Ngọc Hoàng Thượng Đế rước ông cỡi hạc về trời.

Nhưng ông giữ tâm không, không ta không người... các cảnh ảo ấy tự dung tan biến.

Những cảnh ảo ấy là bệnh của người tu thiền (hành giả) khi trình độ đã tới mức cao thâm. Giúp hành giả cảnh giới các cảnh ảo, Kim Quang Thần Chú trong đạo Lão và Cao Đài có câu: *Nhìn mà không thấy, nghe mà chẳng lọt tai.*⁽⁸⁾ Tương tự, trong thiền môn nhà Phật truyền lại câu này: *Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ.*⁽⁹⁾ Tức là hành giả phải làm lơ hết tất cả những cảnh ảo hiện ra, không để tâm thiền rối loạn.

Ông Khuru bỏ Bàn Khê, tìm đến một ngọn núi đất, ở dốc núi có hòn đá tròn rất nặng. Ông tự dựng lều cỏ để ngồi tu. Mỗi khi thấy cảnh ảo hiện ra, ông xả thiền, đi ra ngoài vằn ngược hòn đá lên nửa dốc núi, thả lăn xuống, rồi trở vào lều ngồi thiền. Được một lúc, vằn thấy cảnh ảo, thì lại bỏ ra ngoài để vằn hòn đá ngược lên dốc núi. Ông kiên trì như thế ba năm, trừ sạch âm ma (không còn cảnh ảo), biết trước được những chuyện sắp xảy ra (tr. 212).

Cách ông Khuru vằn đá ngược lên dốc núi như thế ngày nay đạo Cao Đài gọi là *công trình*, để rèn luyện tâm tánh bản thân (luyện kỹ). Người xưa bảo: Hành thiền (*công phu*) rất dễ, nhưng luyện rèn tâm tánh bản thân (*công trình*) rất khó.⁽¹⁰⁾

Nhờ lại, Hồi Thứ Hai Mười Hai, ông Khuru lập chí tu phàn

⁽⁸⁾ Thị chi bất kiến, thính chi bất văn. 視之不見, 聽之不聞.

⁽⁹⁾ Phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ. 逢佛殺佛, 逢祖殺祖.

⁽¹⁰⁾ Luyện đan tối dị, luyện kỹ tối nan. 鍊丹最易, 鍊己最難.

công trình rất quyết liệt (tr. 189-191):

Thoạt tiên, ông làm bài thơ *Trừ Vọng Niệm* tự răn mình như sau:

*Vọng niệm nảy sinh không thể ngăn
Khát thì nhớ uống, đói thêm ăn
Nay bao niệm quấy xin cùng dứt
Lòng quấy khi xưa nguyện sửa dần
Hễ quấy tham tiền: gân cốt đứt
Quấy ham ăn uống: miệng lở loang
Bao nhiêu niệm quấy đều tiêu tán
Trống rỗng thân này chẳng chứa mang.*

Ông theo đó thực hành được hơn một tháng, cũng không tránh khỏi đôi lần sai sót. Bởi thế, ông đến một tiệm thợ mộc, xin miếng gỗ, làm tấm thẻ nhỏ, rồi mượn bút mực viết lên đó tám câu thơ:

*Niệm quấy muốn trừ, mãi chưa thành
Nay trên tám gỗ viết rành rành
Vọng ngôn quấy ngữ đều trừ hết
Vọng tưởng quấy tham quét sạch sanh
Nhận quấy bạc tiền: tay đứt đoạn
Miệng ham ăn uống: loét không lành
Bên mình mọi việc luôn xem xét
Sáu dục bảy tình khởi phát sanh.*

Ông đeo tấm thẻ gỗ bên mình, mỗi ngày xem hai lần. Niệm quấy trừ được một phần thì công phu sâu một bước. Công phu diệt trừ niệm quấy dần dần luyện được thuần thực, không còn trở ngại nữa.

Tu như thế, đạo Cao Đài gọi là *Vô Ngã Kiểm* (tự xét mình một cách công tâm).

4. Chánh quả trọn lành

Kết thúc truyện Thất Chân Nhân Quả, Hồi Thứ Hai Mười Chín kể rằng bảy vị tông đồ của Vương Tổ Sư ra trước Thiên Đình để được xét công đức tu hành. Ông Khuru Trường Xuân tu hành khổ hạnh bậc nhất (tr. 246). Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đẹp dạ, sắc phong ông đứng đầu bảng, quả vị là “*Thiên Tiên Trạng Nguyên, Tử Phủ Tuyển Tiên, Thượng Phẩm Toàn Chân Giáo Chủ, Thần Hóa Minh Ứng Chủ Giáo Chân Quân*” (tr. 247)

Nhưng ông Khuru không chịu quỳ xuống tạ ơn Trời! Chỗ này, truyện Thất Chân Nhân Quả kể thật hay:

“*Tam Quan Đại Đế trách: ‘Khuru Xứ Cơ sao không lạy tạ?!’*”

Khuru Xứ Cơ phủ phục dưới bệ ngọc, nước mắt lã chã, tâu rằng:

“*Chẳng phải thần không tạ ân, nhưng vì Đạo vốn khó học, Tiên không dễ thành, người đời sau tu hành học đạo bị trăm ngàn vạn khổ mà không thối chí nản lòng như thần quả thật vạn người mới có một.*”

(...)

Ngộ đạo không dễ, học tốt thật khó. Việc học tốt, nếu không là người có nghị lực lớn, thì không học nổi. Phải chịu đựng đói khát, nhẫn nhịn si nhục, áo không kín thân, cơm không đầy miệng, ngày hai bữa không trọn, đêm khó ngủ một giấc, chẳng ngày nào mà không bị người ghét mắng, biết bao lần bị người lăng nhục. Nói ra xót lòng, nghe cũng lạnh mật.

Thần trái muôn ngàn khổ nạn, nên biết học đạo cho tốt thật là rất khó. Chử tốt đã khó học, dám vọng tưởng thành Tiên sao?

Thần sợ người đời sau trong thiên hạ tu hành ngộ đạo không thể chịu nổi khổ nạn như thần, chỉ có cái tiếng là học đạo, chứ thực tế thì không học đạo, khiến thần không chỗ hóa độ thì phụ ân Ngọc Đế vinh phong cho thần. Do đó thần không dám lay tạ. Cúi xin Ngọc Đế xá tội!”

Trước lời giải bày của ông Khuru, vị Lôi Công (thần sấm sét, ông Thiên Lôi) động lòng trắc ẩn, tự nguyện làm Thần Hộ Pháp bảo bọc người chân tu. Lôi Công bèn nói lớn rằng:

“Khuru Xứ Cơ! Người cứu ta ân đi. Đời sau có ai học đạo tu hành, kẻ ấy có ba phần tu trì thì ta có bảy phần cảm ứng. Kẻ ấy có mười phần tu trì thì ta tùy thời chiếu cố, cho người cúng dường, không để cho người ấy phải bị đói lạnh.” (tr. 247-249)

*

Trong bảy vị Toàn Chân, ông Khuru Trường Xuân nhỏ tuổi nhất, đắc đạo trẻ hơn sáu vị huynh tỷ, mà quả vị cao hơn cả. Quá trình ông tu *công quả, công trình, công phu* (tức là *Tam Công*, theo cách gọi trong Cao Đài) rất mực gian khổ!

Chuyện tu hành của Khuru Chân Nhân là một tấm gương cho người sau học đạo. Ông vì một chút sơ suất, để lòng lo sợ đối lạnh bại thành mà bị ma khảo liên miên, điên đảo. Nhưng ông vẫn “lỳ lợm” tu hành, đúng như lời Đức Chí Tôn khuyên hành giả Cao Đài, chép trong *Đại Thừa Chơn Giáo*:

*Biết đạo đức chịu lỳ với Đạo
Để quỷ ma nó khảo mới cao
Phơi gan trải mật anh hào
Đại hùng, đại lực mới vào cảnh Tiên.*⁽¹¹⁾

⁽¹¹⁾ Đản ngày 04-9 Bính Tý, bài “*Kiên Nhẫn – Hạnh Người Tu*”.

Có ăn mặn mới biết thương người khát nước. Những trải nghiệm của ông Khuru khiến ông phải bặc bạch trước Thiên Đình nỗi lòng đau đáu nghĩ tới những người tu hành đời sau sẽ nối tiếp ông đi theo dòng đạo pháp. Lôi Công vì thế nguyện đứng ra làm Hộ Pháp bảo vệ những bậc chân tu.

Xưa nay tu hành vẫn cứ là quá khó! Nếu dễ thì cả thiên hạ đã thành Tiên Phật hết ráo từ khuya rồi! Thương môn đệ, Đức Cao Đài khuyên nhủ:

*Non cao chón chớ rắng trèo
Vượt qua biển khổ hiểm nghèo chớ than.*⁽¹²⁾

Để trèo núi cao chón chớ, để vượt biển hiểm nghèo, môn đệ Cao Đài được khuyên hãy đặt trọn lòng tin vào Thầy của mình là Đức Thượng Đế Chí Tôn:

*Lòng con tin Đấng Cao Đài,
Đạo đời Trời sẽ an bài cho con.*⁽¹³⁾

Cũng thế, Đức Đại Tiên Cao Triều Phát dặn dò:

“Mọi người sẽ vượt qua tất cả mọi hoàn cảnh nếu biết có Thượng Đế đang ngự trị ở lòng mình.”⁽¹⁴⁾

Lời dạy của Đức Cao Triều khiến chúng ta thấy rất gần gũi với Tin Mừng theo Thánh Gioan (15:4,9):

“Hãy ở lại trong Thầy như Thầy ở lại trong anh em. (...) Anh em hãy ở lại trong tình thương của Thầy.”

28-7-2011

⁽¹²⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011, tr. 116. Quyển số 36 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tông Kinh Sách Cao Đài.

⁽¹³⁾ Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, ngày 14-7-1973.

⁽¹⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, ngày 01-9-1974.

Chương 8

NHỮNG NGƯỜI BẮC CẦU

Thất Chân Nhân Quả nhắc tới bốn đệ tử khác của Vương Tổ như sau (Hồi Thứ Mười Hai, tr. 106):

- Ông Đàm Xứ Đoan, đạo hiệu Trường Chân.
- Ông Vương Xứ Nhất, đạo hiệu Ngọc Dương.
- Ông Hác Đại Thông, đạo hiệu Thái Cổ.
- Ông Lưu Xứ Huyền, đạo hiệu Trường Sinh.

Bốn ông cùng với ông Khuu Trường Xuân đưa quan tài Vương Tổ về quê thầy ở Thiểm Tây. Hậu sự xong, năm anh em chia tay. Khuu ở lại quê thầy, Đàm đi hướng nam, Hác hướng đông, Lưu đông nam, và Vương tây nam (Hồi Thứ Mười Sáu, tr. 139).

1. Bốn vị tông đồ đặc đạo

* Ông Đàm và ông Vương

Khi qua đất Sở, ông Vương Ngọc Dương tình cờ gặp lại ông Đàm Trường Chân. Hai vị rủ nhau vào núi Vân Mộng tu luyện, được vài năm thì cùng đắc thành chánh quả (Hồi Thứ Hai Mươi, tr. 176).

Về châu Đức Chí Tôn, ông Đàm được xếp hạng ba, quả vị là Tông Huyền Minh Đức Chân Quân. Ông Vương hạng sáu, quả vị là Quảng Từ Phổ Độ Chân Quân (Hồi Thứ Hai Mươi Chín, tr. 247).

* Ông Hác

Ông Hác tới đất Tấn, ngồi thiền miệt mài dưới chân một cây cầu đá. Một hôm có người đến chỗ ông ngồi mà cặm cũi mài gạch làm gương soi mặt. Thấy vậy, không khỏi tức cười, ông Hác bèn nói:

- Gạch ngồi chẳng phải bằng đồng, đâu có thể mài cho bóng làm gương soi!

Chúng ta biết rằng trước khi phát minh gương soi bằng thủy tinh có tráng lớp bạc hay thủy ngân ở mặt lưng như hiện nay, người xưa dùng miếng đồng nhẵn, đánh bóng. Loại gương đồng này được dùng trước tiên ở vùng châu thổ hai con sông Euphrates và Tigris, tức là vùng Lưỡng Hà (*Mesopotamia*) từ năm 4.000 trước Công Nguyên. Người Ai Cập biết dùng sau họ một ngàn năm. Người Trung Quốc biết dùng gương đồng sau người Ai Cập một ngàn năm. Chữ *Kính* 鏡 (gương soi) của người Hoa có bộ *Kim* 金 (kim loại), nhắc ta nhớ tới những miếng đồng.

Trở lại chuyện ông Hác. Được “dạy khôn” như vậy, người kia trả đũa:

- Tôi mài gạch không thể làm gương soi, còn ông ngồi chết khô liệu có thể thành Tiên được ư?!

Nghe thế, ông Hác tỉnh ngộ, liền rời chân cầu đá, bỏ đi nơi khác (Hồi Thứ Mười Sáu, tr. 139-141). Đến Hoa Âm, ông đục vách núi thành cái hốc vừa đủ chỗ ngồi thiền, chợt có người tới giành chỗ. Ông nhẫn nại đục sang hốc khác. Cứ mỗi lần đục xong một hốc, lại có người tới chiếm, nhưng ông không nổi giận. Hơn mười năm, ông đục được bảy mươi hai cái hốc, thì có bảy mươi hai người tới đoạt lấy. Cuối cùng ông ra phía sau núi, đục một hốc ở chỗ rất cheo leo, muốn lên xuống chỉ có cách duy nhất là đu dây lát lèo (tr. 165-167).

Hồi Thứ Hai Mười (tr. 176) cho biết ông Hác tu luyện nhiều năm ở núi Thái Hoa và đắc đạo. Thiên Đình xếp hạng ông thứ năm, quả vị là Thông Huyền Diệu Cực Chân Quân.

* Ông Lưu

Hồi Thứ Mười Tám (tr. 155-159), ông Lưu tới đất Lỗ, tu luyện ở núi Thái Sơn ba năm, đắc thành chánh quả, có thần thông. Nhưng khi lên trời dự yến Diêu Trì Cung, ông trót nhìn lên các Tiên Nữ cực kỳ xinh đẹp, bị Tây Vương Mẫu (Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu) quở rằng sắc tướng chưa dứt, đuổi ông trở xuống trần gian để tu lại phần luyện kỹ.

Ông Lưu bèn đi Hàng Châu và Tô Châu là hai nơi nức tiếng có nhiều gái đẹp. Giả làm thương nhân giàu lớn, ông ghé một nhà chứa hạng sang để rèn luyện cho con mắt chẳng còn chút ham muốn nhan sắc. Cả ngày ông nằm chung giường, kê đầu chung gối với gái đẹp, cứ nghĩ là nằm bên cạnh túi da thú và đầu lâu khô.⁽¹⁾ Thậm chí bị các cô xinh tươi nỡ nà lột trần ra trưng giỡn suồng sã mà ông cứ trơ trơ, chẳng hề động dục tìm vui. Trong chỗ son phấn làng chơi, ông tu lậ lòng như thế mà đắc đạo, thành bậc Chân Tiên (Hồi Thứ Hai Mười, tr. 170-171).

Rõ ràng, sắc (sex) vẫn khó trị nhất.⁽²⁾ Ông Lưu lấy sex mà trị bệnh sex, quả là tay “hào hớn”, dám lấy độc trị độc. Thế nên sau này Thiên Đình xếp công tu của ông đứng hạng nhì, quả vị là Huyền Tĩnh Uẩn Đức Chân Quân (Hồi Thứ Hai Mười Chín, tr. 247).

Tuy nhiên, đời nay chớ nên liêu lĩnh bắt chước ông Lưu, chớ làm theo cách ông tu, vì chưa kịp thành chánh quả thì đã dính HIV/AIDS mất rồi!

⁽¹⁾ Tức làm theo cách “quán thân bất tịnh” của nhà Phật.

⁽²⁾ Xem Chương 6, tr. 71-78.

2. Riêng và chung, dị và đồng

Mỗi vị trong Toàn Chân Thất Tử dụng công tu một kiểu riêng, chẳng ai giống ai, nhưng cuối cùng đều thành tựu trọn vẹn. Trong những cái riêng, cái dị biệt của bảy bậc chân tu đại hạnh này vẫn có cái chung, cái đồng nhất.

Cái chung, cái đồng nhất đó là trung thành với đạo pháp, quyết chí tu hành chân chính, vượt qua mọi hoàn cảnh éo le thử thách.

Cả bảy vị còn có một điểm chung rất hay là sau khi đắc đạo, tất cả đều trở vào trần gian mở trường thu nhận môn đồ, không nề lao nhọc viết sách dạy người sau tu học, phát huy đạo Toàn Chân. Gương sáng này các vị noi theo thầy là Vương Tổ, và Tổ cũng noi theo thầy mình là Lữ Tổ.

Trong quyển *Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*,⁽³⁾ tôi đã liệt kê rất nhiều tác phẩm do Đức Lữ Động Tân (Phù Hựu Đế Quân) trứ tác. Nay căn cứ theo *Tiên Học Từ Điển* của Đái Nguyên Trường⁽⁴⁾ lược kể sự nghiệp giáo dục và lập ngôn của thầy Vương cùng với bảy tông đồ như sau:

* Vương Tổ Sư lập phái *Toàn Chân*, và soạn: *Phân Lê Thập Hóa Tập*, *Trùng Dương Lập Giáo Thập Ngũ Luận*, *Trùng Dương Toàn Chân Tập*...

* Khuru Chân Nhân lập phái *Long Môn*, và soạn: *Bàn Khê Tập*, *Đại Đan Trực Chỉ*, *Nhiếp Sinh Tiêu Tức Luận*...

* Lưu Chân Nhân lập phái *Tùy Tâm*, và soạn: *Âm Phù*

⁽³⁾ Quyển số 16 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Cao Đài (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2009, 2010), tr. 71-72.

⁽⁴⁾ Nxb Chân Thiện Mỹ, Đài Loan, 1970. Bản tiếng Việt có quyển *Từ Điển Thuật Ngữ Đạo Giáo*, Tấn Tài và Phước Đức dịch (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2006).

Diễn, Chí Nhân Ngữ Lục, Đạo Đức Kinh Chú, Huỳnh Đình Thuật, Tiên Lạc Tập...

* Đàm Chân Nhân lập phái *Nam Vô*, và soạn: *Thủy Vân Tập...*

* Mã Chân Nhân lập phái *Ngộ Tiên*, và soạn: *Động Huyền Kim Ngọc Tập, Thần Quang Sán...*

* Hác Chân Nhân lập phái *Hoa Sơn*, và soạn: *Thái Cổ Tập, Thái Dịch Đồ...*

* Vương Chân Nhân lập phái *Côn Lô*, và soạn: *Thanh Chân Tập, Vân Quang Tập...*

* Tôn Chân Nhân lập phái *Thanh Tịnh*, và soạn: *Tôn Bất Nhị Nguyên Quân Pháp Ngữ* (một quyển), *Tôn Bất Nhị Nguyên Quân Truyền Thuật Đan Đạo Bí Thư* (ba quyển)...

Nhờ các đạo trường danh tiếng và các tác phẩm của tám vị thầy trò phái Toàn Chân mà rất đông người tìm tới học đạo. Không nói những vị đắc đạo, riêng những người chưa thành công, phải quay về thế tục cũng nhờ vốn liếng đạo đức ấy mà giữ được tâm lành tánh thiện, đâu chẳng thành Tiên Thánh thì cũng làm được người hiền, là phần tử tốt cho gia đình, xã hội.

Các vị phái Toàn Chân khổ hạnh một đời để tu thành chánh quả, đắc đạo làm Đại Tiên, Chân Nhân. Xong phần mình rồi, không một ai nở ung dung riêng hưởng nhàn cho bản thân nơi chôn non bồng nước nhược; tất cả đều chẳng quản nhọc nhằn nhập thế, mở trường dạy đạo, soạn sách giúp người.

Đức Phật có ông A Nan kết tập kinh. Đức Khổng có môn sanh chép lời vàng thành *Luận Ngữ*. Đức Chúa có bốn Thánh tông đồ chép lại *Phúc Âm*... Con đường truyền giáo Đông Tây kim cổ nối dài và mở rộng mãi mãi như thế. Hạt giống bồ đề nhờ vậy không hề mất đi, vẫn nứt mầm nảy tược đâm chồi

để rồi trở thành tàn cao cội cả đem bóng mát bao phủ thế gian.

3. Người bắc cầu

Nhìn lại con đường giáo dục và lập ngôn đã qua của các tổ sư và các vị đại tông đồ trong các nền chánh giáo, chúng ta làm sao không cảm kích biết ơn công đức hoằng đại của những người đi trước. Qua sông rồi mà chạnh lòng thương tưởng kẻ bước sau, các vị vẫn nán lại bắc cầu cho thế hệ tương lai. Hình ảnh này khiến tôi nhớ tới bài thơ Người Bắc Cầu (*The Bridge Builder*) của nữ sĩ Will Allen Dromgoole.⁽⁵⁾

⁽⁵⁾ An old man, going a lone highway,
Came, at the evening, cold and gray,
To a chasm, vast, and deep, and wide,
Through which was flowing a sullen tide.

The old man crossed in the twilight dim;
The sullen stream had no fear for him;
But he turned, when safe on the other side,
And built a bridge to span the tide.

“Old man,” said a fellow pilgrim, near,
“You are wasting strength with building here;
Your journey will end with the ending day;
You never again will pass this way;
You’ve crossed the chasm, deep and wide-
Why build you this bridge at the evening tide?”

The builder lifted his old gray head:
“Good friend, in the path I have come,” he said,
“There followeth after me today,
A youth, whose feet must pass this way.

This chasm, that has been naught to me,
To that fair-haired youth may a pitfall be.
He, too, must cross in the twilight dim;
Good friend, I am building this bridge for him.”

Bà chào đời tại thành phố Murfreesboro, bang Tennessee (Hoa Kỳ) ngày 26-10-1860 và tạ thế ngày 01-9-1934, để lại cho đời 13 tác phẩm, khoảng 5.000 bài nghị luận, và hơn 7.500 bài thơ...

Bài thơ *The Bridge Builder* dài 22 câu, 170 từ, tôi chuyển ngữ như sau:

NGƯỜI BẮC CẦU

*Một lão trượng đường trường muôn dặm
Bóng chiều rơi vệt thắm dùm chân
Nước sâu cuộn cuộn dữ dằn
Lòng già bình thản lần lần vượt sang.*

*Qua bờ kia đã toàn tánh mạng
Bước chân đi sao bỗng ngập ngừng
Quay lui lão trượng tìm phương
Bắc cầu vì bởi chạnh thương mai này.*

*Có người trách: Lạ thay ông lão!
Sao phí công lo hão việc đời
Ông không trở gót về đây
Cớ chi khổ nhọc đọa đầy tâm thân?*

*Mái đầu bạc ân cần phân tỏ:
Bạn tôi ơi, sẽ có một chiều
Vực sâu rún gót chân xiêu
Những người trẻ tuổi chưa nhiều gian truân.*

*Hãy thương họ muôn phần bất trắc
Hãy nghĩ xa mà bắc nhịp cầu
Đỡ chân nâng bước mai sau
Dọn đường giúp họ đuôi đầu bằng an.*



Will Allen Dromgoole

4. Thay lời kết

Năm tôi hai mươi tuổi, một cơn gió bụi làm gián đoạn bước đường học tập. Những tháng ngày dài lê la trong sân trường đại học Phú Thọ mông mênh và buồn tênh, tôi giải phiền bằng các trang sách cũ. Thương vàng hạ cám, cái gì lọt vào tay cũng ngẫu nhiên đọc! Thấy vậy, một bà Phật tử cao tuổi đưa cho quyển *Thất Chơn Nhơn Quả* của dịch giả Lâm Xương Quang, cứ luôn miệng căn dặn chỉ cho mượn, đọc xong phải trả lại, vì bà chỉ có một bản và rất quý.

Đó là bản dịch năm 1937 của vị lão sư Minh Sư ở Tân An (nay là Long An). Tôi vẫn nhớ như in cuốn sách không dày lắm, in bằng thứ giấy xấu đen đúa, do các Phật tử ở Liên Hoa Tịnh Thất tại Mỹ Tho hùn tiền ấn tống đầu thập niên 1970.

Mặc dù lời văn người xưa mộc mạc, chánh tả sai quá nhiều, nhưng tình tiết ly kỳ vẫn khiến tôi đọc say mê, đọc liền một mạch không ngưng nghỉ. Rồi tôi không khỏi nhớ tới mấy pho truyện kiếm hiệp dày cộm của Kim Dung; ông đã khéo

tưởng tượng, biến các vị Chân Nhân, Đại Tiên trong nhóm Toàn Chân Thất Tử trở thành những khách giang hồ võ nghệ cao cường nhưng cũng đầy ắp hỷ nộ ái ố. Lạ lùng quá!

Hồi ấy, tôi đọc Thất Chân Nhân Quả như tiểu thuyết, để mua vui. Cũng như thuở bé, chú nhỏ học trò trường làng Mỹ Lương (quận Chợ Mới, tỉnh An Giang) ghiền đọc *Tề Thiên Đại Thánh*, truyện bằng tranh in từng tập mỏng, phụ trương hàng tuần của nhật báo *Buổi Sáng*.

Cơ duyên đưa đẩy, tôi bắt đầu tìm đọc khá nhiều kinh điển Tam Giáo, Cao Đài, Thiên Chúa, Thông Thiên Học... Đọc lung tung, đọc không thứ lớp gì cả! Vẫn là cái tật cố hữu của con mọt! Trải qua mấy năm, nhờ số kinh điển đọc ngang, đọc tắt (vì đâu có ai hướng dẫn gã thanh niên non nớt kia nên khởi sự đọc từ chỗ nào, đọc tuần tự ra sao), bỗng dưng hồi tưởng mấy quyển truyện Tàu từng khiến cho mình say mê một thời thanh thiếu, tôi sững sốt nhận ra đằng sau những cốt chuyện ly kỳ đến mức tưởng như hoang đường ấy thật sự chẳng có chút gì hoang đường cả!

Tôi bèn tìm đọc lại sách xưa, đọc chậm chậm, suy gẫm những chỗ có vẻ như “vô lý” để rồi thử soi chiếu bằng giáo lý các nền đạo pháp, và bàng hoàng khi nhận thức được những chỗ rất có lý mà người xưa tài hoa và cao siêu đã “gài” vào tiểu thuyết, ngõ hầu mượn cuộc giải trí mua vui để dắt dẫn người đọc bước vào ngưỡng cửa đạo lý siêu thoát của Thánh Hiền, Tiên Phật. *Văn dĩ tải đạo* là thế. Đạo lý thượng thừa được chuyên chở bằng con thuyền Logos là như thế.

Thử nghiệm đầu tiên, tôi “*Giải Mã Truyện Tây Du*”, một tác phẩm đầu tay (1993, tái bản nhiều lần).⁽⁶⁾ Cuốn sách mang

⁽⁶⁾ Quyển số 31 trong Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Cao Đài. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2011.

lại nhiều “hiệu ứng” đáng mừng. Tôi muốn tiếp tục cái “đà” đó, và nghĩ tới quyển Thất Chân Nhân Quả. Nhưng bản dịch của người xưa không làm tôi yên dạ.

Nhân khi Chương Trình Chung Tay Ân Tổng phát triển, giữa năm 2010, vị Mạnh Thường Quân ở Mỹ Tho là hiền huynh Long Vân (chủ Long Vân Đàn) gợi ý tôi xuất bản truyện Thất Chân. Tôi bàn với bào đệ Lê Anh Minh ⁽⁷⁾ tập trung hết thời gian và công sức để hoàn thành một bản dịch mới. Hễ bào đệ vừa dịch xong chương nào, chuyển qua e-mail, thì tôi biên tập liền tức khắc. Chính trong quá trình biên tập này, tôi đồng thời phác họa trong đầu bản thảo “*Đọc Lại Thất Chân Nhân Quả*”.

Tôi biết ơn nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc* đã cho phép tôi hàng tháng đưa dần từng chương bản thảo lên báo. Định kỳ của tạp chí chẳng khác nào một thúc bách “đến hẹn lại lên”, buộc tôi phải đều đặn làm việc. Tám tháng là tám chương, tám bài báo. Nhờ thế mà xong một bản thảo bấy lâu tôi ấp ủ.

Giá như chưa có bản dịch rất tốt của bào đệ, giá như không có tấm lòng quý hóa của các bạn hiền ở báo Công Giáo Và Dân Tộc, nào biết đến bao giờ tôi mới có thể gọi là tạm trả bớt nợ người xưa.

Vâng, tôi nợ người xưa nhiều biết bao nhiêu, nợ với từng con chữ mà lớp lớp người xưa đã đem tâm huyết và ân cần gửi gắm vào từng trang sách để bắc cầu cho thế hệ tương lai!

Phú Nhuận, 30-7-2011

Huệ Khải

⁽⁷⁾ Giải thưởng Phan Châu Trinh (2009) về dịch thuật Triết Học Trung Quốc, với bộ sách của Phùng Hữu Lan.

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải. 2008 in hai lần, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009 in hai lần, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-1. **THIỆN THƯ.** Lê Anh Minh, 2009.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ÂN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BÀ MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-2. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-4. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010 in hai lần, 2012, 2013.
- 25-3. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-2. **MỘT DÒNG BÁT NHẢ.** Huệ Khải, 2010, 2013.

- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.
 - 32-1. **NGÀI MINH THIÊN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Huòn, 2010.
 - 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
 - 34-3. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 in hai lần, 2012.
 - 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
 - 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
 - 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
 - 38-2. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012.
 - 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.
 - 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
 - 41-2. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.
 - 42-1. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011.
 - 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.
 - 44-2. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011, 2013.
 - 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.
 - 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
 - 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.
 - 48-1. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011.
 - 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
 - 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
 - 51-3. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 in hai lần, 2013.
 - 52-2. **TU CỨU CỨU HUYẾN THẤT TỔ.** Huệ Khải, 2012, 2013.
 - 53-1. **CẨM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950).** Huệ Khải, 2012.
 - 54-2. **BẮC CẦU TÂM LINH.** Huệ Khải / 55-2. **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN.** Huệ Khải, 2012, 2013.
 - 56-1. **ĐẠO LÝ HUYẾN CƠ.** Thiện Bảo. / 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI.** Thiện Bảo, 2012.
 - 58-1. **CAO ĐÀI KHÁI YẾU.** Đạt Đức, 2013.
 - 59-1. **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2013.
 - 60-1. **MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO.** Đơn Tâm, 2013.
 - 61-1. **GIỌT NGỌC KIM BÀN.** Thanh Căn, 2013.
 - 62-1. **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ.** Huệ Khải & Lê Anh Minh, truyện tranh, 2013.
- * **ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 1, 2, 3, 4, 5, 6.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, quý I, II, III, IV-2012 và quý I, II-2013. (Giai phẩm ấn hành theo định kỳ ba tháng một tập.)

XÂY DỰNG TỦ KINH SÁCH TRONG TỪNG NHÀ BỔN ĐẠO

“... mỗi ngày phải chừa một giờ
để đọc thánh kinh hiền truyện.”

Đức **GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO**
Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn),
ngày 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Từ lúc nhập môn đến giờ, ai cũng có vài quyển kinh sách Cao Đài trong nhà, và trong khoảng bốn năm nay, với sự ra đời của Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo, bổn đạo chúng ta đã lần lượt đón nhận được hơn sáu mươi đầu sách bao gồm những nội dung về: sử Đạo; chú giải kinh văn nhật tụng; giáo lý tổng hợp từ Tam Giáo, Ngũ Chi; đối thoại, giao lưu tôn giáo bạn (qua *Nhịp Cầu Tương Tri* và *Đại Đạo Văn Uyển*...). Đây là khối tài sản tinh thần giúp ta mở mang kiến thức về đạo đức và cũng là tài sản vô hình mà mỗi người tín hữu chúng ta phải chắt chiu, dành dụm trên đường dài tu học và hành đạo để làm giàu thêm công hạnh; đủ khả năng giành lấy phẩm vị thiêng liêng, đạt được mục tiêu Nhơn Đạo đại đồng, Thiên Đạo giải thoát.

Một số gia đình đạo hữu chúng ta đã có sẵn một số kinh sách, nhưng phần đông thường thiếu điều kiện sắm được tủ sách hoặc kệ sách để sắp xếp, lưu giữ những quyển kinh sách theo thứ tự ngăn nắp. Về điểm này, thiết nghĩ các Ban

Trị Sự, Ban Cai Quản của mỗi thánh thất, thánh tịnh nên phát động một phong trào tạm gọi là *gây dựng tủ kinh sách gia đình*. Nếu gia đình nào nghèo quá, không sắm được tủ kệ đựng kinh sách thì Ban Trị Sự sở tại sẽ có phương cách chung tay giúp đỡ tài chánh để lần lần hầu như gia đình bổn đạo nào trong họ đạo của mình cũng đều có tủ kệ kinh sách, phân loại theo từng đầu sách mà sắp xếp theo từng ngăn.

Xây dựng tủ sách gia đình ví như xây dựng ngôi nhà cho những vị thầy ở, những vị thầy đó là thánh ngôn, thánh giáo, *Tân Luật*, *Pháp Chánh Truyền*, thánh kinh hiền truyện... Lúc ta quên điều gì về đạo lý, vị thầy trong ngôi nhà ấy sẽ nhắc nhở chúng ta nhớ lại; lúc ta thối chí ngã lòng, vị thầy ấy sẽ an ủi, động viên chúng ta vững lòng tinh tiến.

Nhiều người than không có thì giờ đọc sách, hoặc ngần ngại đọc sách vì quen nghe băng đĩa và xem phim ảnh. Tuy nhiên, dù bận thế nào chẳng nữa chúng ta vẫn nên dành mỗi ngày từ một, hai giờ đồng hồ đọc kinh sách, bồi dưỡng kiến thức giáo lý để hoàn thiện nhân cách làm người, làm đệ tử Cao Đài, để không bị vướng vào lối tu mù mịt, không có quan điểm rõ ràng về việc tu thế nào cho đúng, để không bị lung lạc, bị lôi cuốn bởi những “đạo lạ” đang thường xuyên gõ cửa quyến rũ, mê hoặc chúng ta. Mặt khác, trân trọng tủ kinh sách gia đình, thường xuyên đọc thánh kinh hiền truyện cũng là nêu gương để con cháu noi theo mà giữ gìn nếp *văn hóa đọc*, vừa bổ ích cho cá nhân và có ích cho xã hội.

HUYỀN CHƠN
Tòa Thánh Châu Minh

ĐỂ CÓ THỂ PHÁT HUY HƠN NỮA TÁC DỤNG KINH SÁCH ẤN TỔNG

Có được nguồn kinh sách phong phú như hiện nay do Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo thực hiện và giới thiệu rộng rãi, chúng ta đang dần dần được thỏa mãn nỗi “khát” kinh sách. Nhưng, thử hỏi người đạo hữu đã thực sự thu hoạch được những gì từ mỗi cuốn sách? Trong việc quảng bá, giới thiệu, truyền thụ và tiếp nhận kinh sách ấn tổng không thể không lưu tâm đến phương pháp, kế hoạch nhằm phát huy tác dụng, nâng cao hiệu quả kinh sách để đạt được mục tiêu tu tiên.

Đây là vấn đề mọi người có thể cùng suy nghĩ, định hướng và thực nghiệm theo từng đơn vị họ đạo, cơ sở đạo một cách linh hoạt, sao cho phù hợp hoàn cảnh từng địa phương. Bởi lẽ, nếu chúng ta có nguồn sách hay, đẹp, bổ ích, phong phú mà chỉ để trưng bày trong tủ như món đồ trang trí, hoặc để dành đợi khi nào nhàn rỗi sẽ đọc, hoặc thụ động chờ bản đạo nào có nhu cầu thì đến tủ sách họ đạo hỏi mượn... thì e rằng có phụ ơn soi dẫn của các Đấng thiêng liêng Tam Kỳ Phổ Độ, và phụ lòng các vị Mạnh Thường Quân nhiệt thành công quả ấn tổng chăng?

Về việc phổ truyền, giới thiệu kinh sách từ tỉnh thành, quận huyện đến xã thôn, từ các trường ban, ngành... ở họ đạo, cơ sở đạo đến bản đạo (trong đó có phái nữ, thanh thiếu niên) nếu có sự chuyên trách thì chắc chắn sẽ đạt hiệu quả cao.

Người chuyên trách phổ truyền này không chỉ thực hiện vào những buổi đạo hữu tập trung, những kỳ học tập mà cả những lúc tâm tình, trò chuyện trong dịp gặp gỡ, viếng thăm. Quảng bá, giới thiệu kinh sách cần lưu ý đến đối tượng tiếp

thụ và điều kiện tiếp nhận; lưu ý đến phương pháp và nội dung truyền thụ. Khởi dậy niềm hứng thú, ý thức ham học hiểu, tinh thần cầu tiến cũng là một phương pháp không kém phần hiệu quả. Nói chuyện, kể chuyện (theo kinh sách Cao Đài) là một cách truyền thụ kiến thức đạo lý rất hữu hiệu đối với đa số bản đạo có nhiều hạn chế về khả năng đọc sách, có nhiều khó khăn trong đời sống kinh tế, đặc biệt ở những vùng nông thôn, những địa bàn xa thánh sở. Thí dụ, ta có thể dùng những cuốn sách nói về cuộc đời và đạo nghiệp của các vị tiền bối như: *Cơ Duyên Và Tuổi Trẻ*, *Hương Quế Cho Đời*, *Trên Đường Thiên Lý*, *Ngài Nguyễn Minh Thiện – Cuộc Đời Và Đạo Nghiệp...*

Có những sách dùng cho mọi đối tượng, nhưng cũng có một số sách không phải phục vụ cho mọi đối tượng. Người phân phối sách tất nhiên phải nắm được khái quát nội dung sách (như vậy bản thân người này phải đọc sách trước đã). Có thể sẽ phát sách nhằm đối tượng nếu ta chưa đọc qua quyển sách đó. Chẳng hạn như cuốn *Người Đạo Cao Đài Làm Quen Phương Pháp Nghiên Cứu, Nghệ Thuật Thuyết Trình Giảng Đạo*, hay cuốn *Lễ Bồn...* thì ta nên cung cấp cho những đối tượng nào?

Cùng nghĩ suy để tìm ra phương pháp tốt, hiệu quả cao trong việc phổ truyền kinh sách Đại Đạo; nỗ lực đóng góp cho Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng tùy từng khả năng, sức lực là thể hiện lòng thương Thầy mến Đạo, lòng tri ân công lao tiền bối. Ra sức tu học để nâng cao trình độ đạo lý thông qua việc tìm đọc kinh sách là yêu cầu không thể thiếu của toàn thể chức sắc, chức việc và tín đồ Đại Đạo.

TAM HÒA

*Thánh thất Linh Bửu
Huyện Đại Lộc, Quảng Nam*

VÀI SUY NGHĨ VỀ TỬ KINH SÁCH ẤN TỔNG

Từ khai Đạo (1926) đến nay gần chín mươi năm nhưng sách vở khảo cứu về đạo Cao Đài hầu như còn ít ỏi, thiếu thốn! Đó là một trở ngại lớn cho hàng tín chúng cũng như học giới ngoài cộng đồng Cao Đài mỗi khi muốn tham khảo sâu rộng về nền tôn giáo mới của dân tộc.

Năm năm qua (tháng 6-2008 / tháng 6-2013), *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* đã mang đến cộng đồng tín hữu Cao Đài cũng như ngoài xã hội những quyển kinh sách giá trị, in đẹp và chất lượng tốt. Có thể nói Chương Trình này đã và đang bù đắp được phần nào những thiếu thốn của tất cả những ai quan tâm muốn tìm hiểu mỗi đạo Kỳ Ba.

Chương Trình Ấn Tổng chính là một phương thức phổ thông phổ truyền giáo lý hiệu quả trong quốc nội cũng như ra hải ngoại, có thể giúp ích nhiều cho những khách thiện duyên thuộc mọi tầng lớp nhân sanh.

Nhờ ơn Thiêng Liêng soi dẫn và phù trì, nhờ những tấm lòng cao cả năm năm qua không ngừng hy sinh tiền bạc, tâm huyết, đem hết thời gian và tìm óc tận tụy làm ấn tổng để hoằng dương chánh giáo, phục vụ công cuộc tận độ Kỳ Ba mà số kinh sách Đại Đạo càng ngày càng được phổ cập trong hàng tín chúng. Tại mỗi tư gia đều có thể lập một kệ sách, tủ sách riêng cho gia đình; tại mỗi thánh sở càng có thêm điều kiện thuận lợi để lập tủ sách chung hay phòng đọc sách cho đạo chúng (chưa dám nói tới thư viện). Ở miền Trung thường bị mưa bão, lũ lụt, nên rất cần quan tâm chọn nơi cao ráo.

Như chúng ta đã biết, mỗi đầu kinh sách do Chương

Trình Ấn Tổng liên kết xuất bản đều được phân phối về các thánh sở nhà Đạo. Sau khi tiếp nhận, nếu các nơi này không có biện pháp tốt để lưu trữ, bảo quản và phân phối hiệu quả cho tín đồ, thì sau một thời gian nguồn kinh sách quý báu sẽ thất thoát, thiếu hụt... Những đạo hữu mới nhập môn nếu có cần tìm đọc ắt phải khó khăn, trở ngại.

Do đó, mỗi cơ sở Đạo chúng ta cần sớm có kế hoạch lập tủ lưu trữ kinh sách Cao Đài phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện sẵn có tại từng địa phương. Họ đạo cần kêu gọi đạo tâm và tín hữu hiệp sức góp tặng những kinh sách mà gia đình dư dúng, tập trung tại họ đạo để từng bước lập nên phòng đọc sách tại thánh sở, rồi sau này sẽ lập thành thư viện một khi phòng đọc sách phát triển, và cần mở rộng.

Để trông coi tủ sách, phòng đọc sách tại họ đạo, cần sử dụng lớp trẻ như học sinh cấp ba, sinh viên, và rất cần có thành phần giáo chức... Những đạo hữu này do môi trường học tập, làm việc của mình ngoài xã hội, ít nhiều đã quen việc mượn và trả kinh sách đã mượn. Giới trẻ hoặc giáo chức còn biết sử dụng vi tính, nên sẽ lập hồ sơ quản lý kinh sách nhanh gọn, hiệu quả...

Ở họ đạo Hội An, giới trẻ trong Gia Đình Hưng Đạo bấy lâu đã cùng chia sẻ công quả điều hành tủ kinh sách. Để lưu trữ và giữ gìn kinh sách, mỗi đầu sách được chọn ra từ ba đến năm quyển, đem bao bọc cẩn thận, đánh mã hiệu, đóng dấu riêng của họ đạo, sau đó mới cho tín đồ mượn đọc tại chỗ hoặc cho mượn về nhà có kỳ hạn. Lập sổ theo dõi số kinh sách cho mượn, nhận trả. Thường xuyên kiểm tra sổ...

VÕ ĐỨC MINH HIẾU

Phó Ban Giáo Lý - Lễ Nghi, Gia đình Hưng Đạo
Họ đạo Hội An, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

Ý NGHĨA THỰC HÀNH PHÁP THÍ

* Đức **THẦN OAI VIỄN TRẦN QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN** dạy (02-11 Tân Mùi, 10-12-1931): “*Phàm người tu hành mà đặt nặng một bộ kinh sách mà khuyên chúng làm lành thì người ấy nặng thành Tiên. Còn người văn chương quân tử mà làm nặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người nặng thành Thánh.*” (Chiếu Minh Đàn, **Tam Ngươn Giác Thế**. Cần Thơ: Nhà in Phương Nam, tiền bối Cao Triều Trực ấn tổng, tr. 36.)

* Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH** dạy (thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 23-12 Kỷ Dậu, 30-01-1970): “*Hơn một lần, Bản Đạo có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức công quả, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ người đói kém về mặt tinh thần lại càng phúc đức, công quả trọng đại hơn.*”

* Đức **ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỜNG QUẢN** dạy (Trúc Lâm Thiên Điện, 17-7 Canh Tuất, 18-8-1970): “*Muốn hoằng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo. Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc, chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì Đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hoằng khai với bất cứ hình thức nào.*”

* Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH** dạy (thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ, 20-8-1967): “*Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó.*”

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Huệ Khải ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ

IN LẦN THỨ HAI

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY

Bìa 4: HUỆ KHÀI VĂN TẬP 慧啓文集

Thư pháp: TRƯƠNG LỘ 張路

Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎(04)37822845 – Fax: (04)37822841

In ba ngàn bản, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎38153971 – Fax: 38153297

Số xuất bản **721-2013/CXB/93-106/TG**, ngày 04-6-2013.

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2013.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**

59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653